

TẠNG LUẬT

ĐẠI PHẨM

TẬP HAI

TẠNG LUẬT

ĐẠI PHẨM

TẬP HAI

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đấng Chánh Biến Tri!

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mưa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, điều gì khiến các vị tỳ khưu trong lúc này lại ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?”

2. - “Bạch ngài, trong lúc này các vị tỳ khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mưa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.”

3. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trong lúc này các vị tỳ khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mưa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy ta nên cho phép các vị tỳ khưu loại được phẩm gì mà chính loại được phẩm ấy tuy được quy định là được phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?”

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Năm loại được phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại được phẩm tuy được quy định là được phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ ta nên cho phép các tỳ khưu được thọ lãnh năm loại được phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?”

5. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ở đây trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng ta có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trong lúc này các vị tỳ khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mưa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy ta nên cho phép loại được phẩm gì cho

các tỳ khưu mà chính loại được phẩm ấy tuy được quy định là được phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?’

6. Nay các tỳ khưu, ta đây đã khởi ý điều này: ‘Năm loại được phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại được phẩm tuy được quy định là được phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ ta nên cho phép các tỳ khưu được thọ lãnh năm loại được phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?’ Nay các tỳ khưu, ta cho phép thọ lãnh năm loại được phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời.”¹

7. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhận lãnh năm loại được phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và (ăn) các loại (thức ăn) có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy, không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa, vì hai điều ấy các vị càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

8. Đức Thế Tôn đã nhận thấy các vị tỳ khưu ấy càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa, sau khi nhìn thấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, trong lúc này điều gì khiến các vị tỳ khưu càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa?”

¹ Trong trường hợp liên quan đến vật thực, đúng thời là trước ngọ, phi thời là sau ngọ cho đến rạng đông của ngày kế (ND).

9. - “Bạch ngài, lúc này các vị tỳ khưu nhận lãnh năm loại được phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và (ăn) các loại (thức ăn) có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy, không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa, vì hai điều ấy các vị càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.”

10. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ lãnh năm loại được phẩm này và thọ dụng đúng thời luôn cả phi thời.”

11. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các được phẩm là các loại mỡ (thú vật). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng chung với dầu ăn các được phẩm là các loại mỡ (thú vật) như mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, đã được trộn chung đúng thời. Này các tỳ khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh phi thời, đã được nấu phi thời, đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng (vật ấy) phạm ba tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu phi thời, và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng (vật ấy) phạm hai tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng (vật ấy) phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, và đã được trộn chung đúng thời, vị thọ dụng (vật ấy) vô tội.”

12. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các được phẩm là các rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy

lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các dược phẩm là các rễ cây như củ nghệ, củ gừng, rễ cây *vacam*, rễ cây *vaca* trắng, rễ cây ngải cứu, rễ cây *kaṭukarohiṇī*, rễ loại cây có mùi thơm *usīra*, rễ loại cỏ có mùi thơm *bhaddamuttaka*, hoặc có các dược phẩm là các rễ cây khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *dukkata*.

13. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm dạng bột là các loại rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cối đá xay và cối đá xay loại nhỏ.”

14. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại nước sắc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các dược phẩm là các loại nước sắc như nước sắc của cây *nimba*, nước sắc của cây *kuṭaja*, nước sắc của loại dưa dài *paṭola*, nước sắc của loại dây leo *phaggava*, nước sắc của cây *nattamāla*, hoặc có các dược phẩm là các loại nước sắc khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *dukkata*.”

15. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại lá cây. Các vị đã trình sự việc

ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các dược phẩm là các loại lá cây như lá cây *nimba*, lá cây *kuṭaja*, lá cây của loại dưa dài *paṭola*, lá cây húng quế, lá cây bông vải, hoặc có các dược phẩm là các loại lá cây khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *dukkata*.”

16. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các dược phẩm là các loại trái cây như trái cây *vilāṅga*, hạt tiêu dài, hạt tiêu đen, trái cây *harīṭaka*, trái cây *vibhīṭaka*, trái cây *āmalaka*, trái cây *goṭṭha* hoặc có các dược phẩm là các loại trái cây khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *dukkata*.”

17. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các loại nhựa cây làm dược phẩm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các loại nhựa cây làm dược phẩm như *hiṃgu*, nhựa cây *hiṃgu*, mù cây *hiṃgu*, các loại sản phẩm từ mù cây là *taka*, *takapatti*, *takapaṇṇi*, nhựa thông, hoặc có các dược phẩm là các loại nhựa cây khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau

khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên có. Vị thọ dụng khi không có duyên có phạm tội *dukkata*.”

18. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu bị bệnh có nhu cầu về các được phẩm là các loại muối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các được phẩm là các loại muối như muối biển, muối đen, muối ở đá, muối nấu ăn, muối mỏ, hoặc có các được phẩm là các loại muối khác nữa (tuy) thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và (tuy) thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên có. Vị thọ dụng khi không có duyên có phạm tội *dukkata*.”

19. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của đại đức Ānanda là đại đức Belatṭhisisa có bệnh ghê sần sùi. Các y của vị ấy bị dính vào thân vì chất máu mủ. Các vị tỳ khưu liên tục tắm ướm các y với nước rồi kéo ra.

20. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy liên tục tắm ướm các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị tỳ khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu này có bệnh gì vậy?” - “Bạch ngài, đại đức này có bệnh ghê sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tắm ướm các y với nước rồi kéo ra.”

21. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các được phẩm là các loại bột tắm đến vị có ghê ngứa, hoặc có nhọt, hoặc có vết thương

chảy mủ, hoặc có ghẻ sần sùi, hoặc cơ thể có mùi hôi; và phân bò, đất sét, chất màu đã được nấu đến vị không bị bệnh. Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cối giã và chày.”

22. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại bột tắm đã được rây mịn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cái rây bột tắm.” Có nhu cầu về hạt rất mịn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cái rây bằng vải.”

23. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh liên quan đến phi nhân. Các vị thầy dạy học và thầy tế độ, trong khi chăm sóc vị ấy, đã không thể làm khỏi bệnh. Vị ấy sau khi đi đến lò mổ heo đã ăn thịt sống và đã uống máu tươi. Bệnh liên quan đến phi nhân ấy của vị ấy đã giảm bớt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thịt sống (và) máu tươi ở bệnh liên quan đến phi nhân.”

24. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh ở mắt. Các tỳ khuru đã khiêng vị ấy và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

25. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy đang khiêng vị tỳ khuru ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị tỳ khuru ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru này có bệnh gì vậy?” - “Bạch ngài, đại đức này có bệnh ở mắt. Chúng con khiêng vị này và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.”

26. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các

tỳ khứu, ta cho phép (sử dụng) thuốc bôi: thuốc bôi màu đen, thuốc bôi loại tinh chất, thuốc bôi vào tai, bột phấn đỏ, muối đèn.” Có nhu cầu về bột mịn để làm thuốc bôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khứu, ta cho phép (sử dụng) gỗ đàn hương, gỗ có mùi hương *tagara*, gỗ trầm, gỗ cây *tālisa*, loại cỏ có mùi thơm *bhaddamuttaka*.”

27. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khứu để các loại thuốc bôi được nghiền nát ở trong các tô nhỏ và trong các chén. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khứu, ta cho phép (sử dụng) hộp chứa thuốc bôi.”

28. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khứu nhóm Lục Sư sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khứu, không nên sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khứu, ta cho phép (hộp chứa thuốc bôi) làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.”

29. Vào lúc bấy giờ, các hộp chứa thuốc bôi không được đập lại. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khứu, ta cho phép (sử dụng) nắp đập.” Nắp đập bị rơi xuống. - “Này các tỳ khứu, ta cho phép buộc (nắp đập) với sợi chỉ rồi buộc vào hộp chứa thuốc bôi.” Hộp chứa thuốc bôi bị bung ra. - “Này các tỳ khứu, ta cho phép khâu lại bằng sợi chỉ.”

30. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu dùng ngón tay bôi thuốc. Các con mắt bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) que bôi thuốc.”

31. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các que bôi thuốc đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các que bôi thuốc đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, — nt— làm bằng vỏ sò.”

32. Vào lúc bấy giờ, que bôi thuốc bị rơi trên mặt đất và trở nên sần sùi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hộp đựng que bôi thuốc.”

33. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu mang theo hộp chứa thuốc bôi và que bôi thuốc bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đựng các hộp chứa thuốc bôi.” Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ thắt lại.”

34. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha bị nóng ở đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (bôi) dầu ở trên đầu.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) việc chữa trị ở mũi.” Mũi bị chảy nước. Các vị đã trình sự

việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cái muống đặt ở mũi.”

35. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các muống đặt ở mũi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các muống đặt ở mũi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, –nt– làm bằng vỏ sò.” (Hai lỗ) mũi đã không được nhỏ đồng đều. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cái muống đặt ở mũi loại kép.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép hít khói.” Các vị sau khi đốt cháy sợi bậc rồi hít khói vào. Cổ họng bị (lửa) đốt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ống dẫn khói.”

36. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ống dẫn khói đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các ống dẫn khói đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, –nt– làm bằng vỏ sò.”

37. Vào lúc bấy giờ, các ống dẫn khói không có nắp đậy, các sinh vật nhỏ đi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.”

38. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu mang theo các ống dẫn khói bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đựng các ống dẫn khói.” Chúng bị cọ xát với nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đôi.” Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ thắt lại.”

39. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha bị bệnh gió. Các thầy thuốc đã nói như vậy: - “Dầu cần được nấu.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc nấu dầu.” Rượu mạnh cần được thêm vào trong dầu nấu ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thêm rượu mạnh vào trong dầu nấu.”

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nấu các loại dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Các vị uống các thứ ấy và bị say. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên uống dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh; vị nào uống thì nên được hành xử theo Pháp.¹ Này các tỳ khưu, trong loại dầu nấu nào (đã được thêm vào rượu mạnh) mà màu sắc, mùi, và vị của rượu mạnh không nhận ra được, ta cho phép uống dầu được thêm vào rượu mạnh loại như thế.”

41. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu có nhiều dầu nấu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Nên thực hành như thế nào với các thứ dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xác định làm thuốc thoa.”

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 51 (ND).

42. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha có nhiều đầu đã được nấu. Đồ chứa đầu không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bình chứa: bình chứa bằng đồng, bình chứa bằng gỗ, bình chứa làm bằng trái cây.”

43. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha bị phong thấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc điều trị bằng hơi nóng.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. - nt- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hơi nóng của nhiều loại lá cây.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. - nt- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nhiều hơi nóng.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. - nt- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước nấu của nhiều loại lá cây (rắc lên thân).” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) bể nước lớn (để ngâm mình).”

44. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha bị thấp khớp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trích máu.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. - nt- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trích máu rồi lấy ra bằng ống sừng.”

45. Vào lúc bấy giờ, các bàn chân của đại đức Pilindivaccha bị nứt nẻ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thuốc bôi bàn chân.” (Vị ấy) không thể chịu đựng nổi. - nt- “Này các tỳ khưu, ta cho phép áp dụng phương pháp phòng ngừa.”

46. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị ung nhọt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc mổ xẻ.” Có nhu cầu về nước làm đông

máu. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước làm đông máu.” Có nhu cầu về thuốc cao làm từ mè. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thuốc cao làm từ mè.” Có nhu cầu về vải cầm máu. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vải cầm máu.” Có nhu cầu về vải băng vết thương. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vải băng vết thương.” Vết thương gây ngứa. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép rắc lên với bột mù-tạt.” Vết thương bị làm mủ. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện việc xông khói.” Thịt ở vết thương bị lồi lên (như cây gai). –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép cắt bằng mảnh sứ tẩm muối.” Vết thương không liền lại. –nt– “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dầu xức vết thương.” Dầu bị chảy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) băng vải và tất cả các cách chữa trị vết thương.”

47. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – “Này các tỳ khưu, ta cho phép bố thí bốn loại vật dơ có tính quan trọng là: phân, nước tiểu, tro, và đất sét.” Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “(Bốn vật này) là không (cần phải) được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – “Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ lãnh nếu có người làm thành được phép, nếu không có người làm thành được phép thì tự mình thu nhặt và thọ dụng.”

48. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị uống nhầm thuốc độc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc (vị ấy) uống phân.” Khi ấy, các vị tỳ khưu khởi ý điều này: “(Phân) là không (cần phải) được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị ấy thọ lãnh trong khi làm ra

vật ấy (trong khi đại tiện), khi việc thọ lãnh ấy đã được thực hiện không cần phải bảo thọ lãnh lại lần nữa.”

49. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh yểm bùa (bệnh gây ra bởi do người vợ). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc (vị ấy) uống nước bùn lấy từ đất dính ở lưới cây vừa mới cây đất lên.”

50. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh trĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc (vị ấy) uống nước tro của cơm khô.”

51. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh vàng da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc (vị ấy) uống (hợp chất) nước tiểu và trái *haritaka*.”

52. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh ngoài da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) mỡ có mùi thơm.”

53. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có cơ thể bị tiết ra dịch chất dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc (vị ấy) uống thuốc xổ.” Có nhu cầu về nước cháo trắng. —nt— “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước cháo trắng.” Có nhu cầu về nước đậu *mugga* chưa lược bỏ xác. —nt— “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước đậu *mugga* chưa lược bỏ xác.” Có nhu cầu về nước đậu *mugga* đã lược bỏ xác. —nt— “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước đậu *mugga* đã lược bỏ xác.” Có nhu cầu về nước luộc thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nước luộc thịt.”

54 Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi ở thành Rājagaha. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đại đức Pilindivaccha điều này: - “Thưa ngài, ngài trưởng lão cho làm cái gì vậy?” - “Tâu đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.” - “Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?” - “Tâu đại vương, người giúp việc tu viện chưa được cho phép bởi đức Thế Tôn.” - “Thưa ngài, chính vì việc đó ngài hãy hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho trẫm biết.” - “Tâu đại vương, xin vâng.” Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

55. Khi ấy, đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

56. Sau đó, đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn (thưa rằng): - “Bạch ngài, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch ngài, vậy nên thực hành như thế nào?” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép người giúp việc tu viện.”

57. Đến lần thứ nhì, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đại đức Pilindivaccha điều này: - “Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?” - “Tâu đại vương, đã được rồi.” - “Thưa ngài, như vậy thì trăm sẽ ban cho ngài người giúp việc tu viện.”

58. Sau đó, khi đã hứa với đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Một thời gian sau, khi đã phục hồi lại ký ức đức vua đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng: - “Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trăm hứa với ngài đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?” - “Tâu bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài đại đức.” - “Này khanh, tính đến nay là đã bao lâu rồi?” Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm rồi đã tâu với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu bệ hạ, năm trăm đêm.” - “Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Rồi vị quan đại thần ấy đã vâng lệnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và dâng đến đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi ngôi làng ấy là “Ngôi làng của những người giúp việc tu viện.” Họ cũng đã gọi ngôi làng ấy là “Ngôi làng Pilindi.”

59. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha là vị thường hay tới lui trong ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực.

60. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ nhỏ được trang điểm, đeo vòng hoa, và chơi đùa. Khi ấy, trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

61. Vào lúc bấy giờ, đứa bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: - “Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.” Khi ấy, đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này: - “Vì sao đứa bé gái này khóc vậy?” - “Thưa ngài, đứa bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên òa khóc: ‘Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.’ Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?”

62. Khi ấy, đại đức Pilindivaccha đã nhặt lấy một nắm cỏ nọ rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này: - “Vậy hãy đội nắm cỏ này lên đầu đứa bé gái kia đi.” Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy nắm cỏ ấy rồi đội lên đầu đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng ròng, đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng: - “Tâu bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của bệ hạ cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.” Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho lệnh bắt giữ gia đình người giúp việc tu viện ấy.

63. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng: - “Gia đình người giúp việc tu viện này đã đi đâu?” - “Thưa ngài, bọn họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ròng ấy.”

64. Sau đó, đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đức vua đã ngồi xuống một bên, đại đức Pilindivaccha đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu đại vương, vì sao gia đình người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?” - “Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của trăm cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.”

65. Khi ấy, đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: “Cung điện của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng ròng;” cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng ròng. - “Tâu đại vương, do đâu bệ hạ lại có nhiều vàng ròng đến thế này?” - “Thưa ngài, trăm đã hiểu rồi. Việc này là năng lực thần thông của ngài đại đức,” rồi

đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. Dân chúng (đồn rằng): “Nghe nói ngài đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân ở triều thần có cả đức vua nữa!” nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng đại đức Pilindivaccha năm loại được phẩm như là: “Bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.”

66. Và theo lẽ tự nhiên, đại đức Pilindivaccha trở thành người thọ lãnh năm loại được phẩm. Đại đức phân phát cho hội chúng vật đã được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Họ chứa đầy vật đã được thọ lãnh vào các hũ và các chum rồi cất đi. Họ chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các được phẩm ấy đã bị rỉ xuống chảy ra và vẫn còn y nguyên. Các trú xá đã có các con chuột xuất hiện rải rác rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy.”

67. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, các loại được phẩm thích hợp cho các tỳ khưu bị bệnh

như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, sau khi thọ lãnh chúng nên thọ dụng trong thời hạn tích trữ tối đa là bảy ngày; nếu vượt quá thời hạn ấy thì nên được hành xử theo Pháp.”¹

Tụng phâm về ‘được phâm đã được cho phép’ là phần thứ nhất.

1. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Sāvattthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Rājagaha.

2. Trên đường đi, đại đức Kaṅkhārevata² đã nhìn thấy lò nấu đường và đã bước xuống. Sau khi nhìn thấy (những người thợ) bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, vị ấy (nghĩ rằng): “Mật đường trộn với vật thực là không được phép, (vì thế) đường không được thọ dụng lúc phi thời,” trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đường. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vì mục đích gì mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường vậy?” - “Bạch Thế Tôn, vì mục đích kết tinh.” - “Này các tỳ khưu, nếu vì mục đích kết tinh mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, (hỗn hợp) ấy kết thành khối vẫn gọi là

¹ Liên quan đến tội *nissaggiya pācittiya* 23 (ND).

² Kaṅkhārevata: *Kaṅkhā* có nghĩa là sự hoài nghi, sự nghi ngờ, sự không chắc chắn. Dựa vào nội dung, có thể suy luận rằng đây là biệt hiệu của vị tỳ khưu tên Revata; như thế tên vị ấy có thể dịch là ‘Revata đa nghi’ (ND).

‘Đường’ vậy. Nay các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng đường một cách thoải mái.”

3. Trên đường đi, đại đức Kaṅkhārevata đã nhìn thấy cây đậu *mugga*¹ sinh trưởng ở bãi phân. Sau khi nhìn thấy, vị ấy (nghĩ rằng): “Các hạt đậu *mugga* là không được phép, dầu cho đã được nấu chín các hạt đậu *mugga* vẫn sinh trưởng” trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đậu *mugga*. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đậu *mugga*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, dầu cho đã được nấu chín đậu *mugga* vẫn sinh trưởng. Nay các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng đậu *mugga* một cách thoải mái.”

4. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh đau bụng bão. Vị ấy đã húp cháo chua có muối. Bệnh đau bụng bão ấy của vị ấy đã được thuyên giảm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng cháo chua có muối đối với vị bị bệnh, đối với vị không bệnh thì đã được pha trộn với nước như là thức uống.”

5. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng bão.

¹ Đậu *mugga*: Không rõ loại đậu này là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: “Chính vì đã được nấu chín nên chúng vẫn được phép” (VinA. v, 1092). Chúng tôi không nghĩ ra được loại hạt gì đã được nấu chín, đã được ăn vào, và trải qua quá trình tiêu hóa rồi được thải ra theo đường phân mà vẫn có thể nảy mầm và mọc thành cây.

6. Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): “Trước đây, bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn được dự đi nhờ cháo gồm có ba thứ” nên đã đích thân đi xin mè, gạo lức, và đậu *mugga* rồi tích trữ ở bên trong (khuôn viên), đích thân nấu ở bên trong, và đã đem đến dâng lên đức Thế Tôn: - “Xin Thế Tôn hãy húp cháo gồm có ba thứ.”

7. Các đấng Như Lai đầu biết vẫn hỏi, đầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai mới hỏi và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị tỳ khưu vì hai lý do: “Hoặc là chúng ta sẽ thuyết Pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, cháo này từ đâu vậy?”

9. Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Samôn, không được phép, không nên làm. Này Ānanda, vì sao người lại nghĩ đến việc đa đoan như thế này?”

Này Ānanda, vật đã được tích trữ ở bên trong (khuôn viên) là không được phép, vật đã được nấu ở bên trong là không được phép, vật đã được tự mình nấu là không được phép. Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng (vật) đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm ba tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm hai tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài (khuôn viên), đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì vô tội.”

10. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): “Việc tự mình nấu đã được đức Thế Tôn cấm đoán” nên đã ngăn ngại trong việc nấu lại lần nữa (hâm nóng thức ăn). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nấu (lại) vật đã được nấu.”

11. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha bị khó khăn về vật thực. Dân chúng đã đem đến tu viện muối, dầu ăn, gạo lức, và vật thực cứng. Các vị tỳ khưu đã tích trữ các thức ấy ở bên ngoài. Các con thú hoang ăn đi, những kẻ trộm lấy đi, những người chuyên ăn vật thực thừa mang đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tích trữ ở bên trong.” Sau khi tích

trữ ở bên trong, các vị cho nấu ở bên ngoài. Những người chuyên ăn vật thực thừa vầy quanh. Các vị tỳ khưu thọ dụng không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nấu ở bên trong.” Trong thời gian khó khăn về vật thực, người làm thành được phép (các món vật thực) đã mang đi các phần nhiều hơn và dâng cho các vị tỳ khưu phần ít hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tự mình nấu. Này các tỳ khưu, ta cho phép (vật) đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu.”

12. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khưu đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, các vị đã không được đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng. Và đã có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm (cho trái cây ấy) thành được phép. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy với vóc dáng mệt mỏi đã đi đến Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

13. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các tỳ khưu, các người từ đâu đến vậy?” - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Bạch ngài, trường hợp chúng con khi đã trải mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi và đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, chúng con đã không đạt được sự đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng, và có nhiều vật ăn được

là trái cây nhưng lại không có người làm thành được phép; vì thế, chúng con đã đi đến đường xa đến với vốc đáng mệt mỏi.”

14. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ở nơi nào thấy trái cây có thể ăn được và không có người làm thành được phép thì tự mình nhặt lấy, mang đi, đến khi gặp được người làm thành được phép thì đặt (trái cây) trên mặt đất, bảo (người ấy) trao lại, rồi thọ dụng. Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ lãnh (trái cây) đã được nhặt lên.”

15. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ thâm hoạch mè mới và mật đường mới. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên dâng mè mới và mật đường mới đến hội chúng có đức Phật đứng đầu?” Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

16. Sau đó, khi trải qua đêm ấy người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người Bà-la-môn ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

17. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người Bà-la-môn ấy bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

18. Sau đó, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: “Hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu đã được ta thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: ‘Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới,’ nhưng ta đã quên dâng chúng rồi. Hay là ta sẽ cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện vậy?”

19. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài Gotama, hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu đã được tôi thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: ‘Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới,’ nhưng tôi đã quên dâng chúng. Bạch ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh mè mới và mật đường mới của tôi.” - “Này Bà-la-môn, như vậy thì người hãy dâng đến các vị tỳ khưu đi.”

20. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực các vị tỳ khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và

hãy thọ dụng. Nay các tỳ khưu, ta cho phép vị đã ăn xong khi được yêu cầu thì được thọ dụng vật không phải còn thừa và đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong.”

21. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của tỳ khưu Upananda con trai dòng Sakya đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng (dân dò) rằng: “Nên trình cho ngài đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.”

22. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã đi vào làng để khát thực.

23. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị tỳ khưu rằng: - “Thưa các ngài, ngài đại đức Upananda ở đâu vậy?” - “Này các đạo hữu, đại đức Upananda con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khát thực.” - “Thưa các ngài, vật thực loại cứng này nên được trình cho ngài đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, như vậy thì sau khi thọ lãnh các người hãy để riêng ra đến khi Upananda trở về.”

24. Khi ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn rồi về lại trong ngày.

25. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực các vị tỳ khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Nay các tỳ khưu, ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn (vật thực) được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được thọ lãnh trước bữa ăn.”

26. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Sāvattthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvattthi. Tại nơi đó ở Sāvattthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

27. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāriputta bị bệnh sốt toàn thân.

28. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với đại đức Sāriputta điều này: - “Này đại đức Sāriputta, trước đây bệnh sốt toàn thân của đại đức được dịu đi nhờ vào thứ gì?” - “Này đại đức, tôi nhờ vào các củ sen và các cộng sen.”

29. Sau đó, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

30. Có con long tượng nọ đã nhìn thấy đại đức Mahāmoggallāna từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này: - “Thưa ngài, xin ngài đại đức Mahāmoggallāna hãy đến. Thưa ngài, xin hoan nghênh ngài đại đức Mahāmoggallāna. Thưa ngài, ngài đại đức có nhu cầu gì? Tôi sẽ dâng vật gì?” - “Này đạo hữu, ta có nhu cầu về các củ sen và các cộng sen.”

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã ra lệnh cho con long tượng khác rằng: - “Này bạn, như vậy bạn hãy dâng đến ngài đại đức các củ sen và các cộng sen theo như nhu cầu.” Sau đó, con long tượng ấy đã lội xuống hồ sen

Mandākinī dùng vôi nhổ củ sen và cọng sen rồi rửa sạch sẽ, sau khi rửa xong đã buộc lại thành bó rồi đi đến gặp đại đức Mahāmoggallāna.

32. Khi ấy, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī rồi hiện ra ở Jetavana.

33. Con long tượng ấy cũng đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī và hiện ra ở Jetavana. Khi ấy, con long tượng ấy sau khi đã dâng đến đại đức Mahāmoggallāna các củ sen và các cọng sen rồi đã biến mất tại Jetavana và hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

34. Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã đem lại các củ sen và các cọng sen cho đại đức Sāriputta. Khi ấy, vào lúc đại đức Sāriputta đã thọ dụng các củ sen và các cọng sen, bệnh sốt toàn thân đã được thuyên giảm. Nhiều củ sen và cọng sen còn thừa lại.

35. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực các vị tỳ khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các tỳ khưu, ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn (vật thực) được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được mọc ở rừng (hoặc) đã được mọc ở hồ nước.”

36. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatti được phát sanh nhiều trái cây có thể ăn được. Và người làm (cho trái cây ấy) thành được phép là không có. Các vị tỳ khưu trong

lúc gần ngại không thọ dụng trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng trái cây không có hột, hoặc không còn hột, (cho dù) chưa được làm trở thành đúng phép.”

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvattthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Rājagaha. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāśagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị tỳ khưu nọ. Thầy thuốc Ākāśagotta đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài Gotama, xin hãy lại đây. Xin hãy nhìn xem hậu môn của vị tỳ khưu này, giống như là miệng của con kỳ nhông vậy.”

39. Khi ấy, đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Kẻ rồ dại này (muốn) đùa cợt ta!” từ chính nơi ấy đã quay trở về, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, có phải trong trú xá kia có vị tỳ khưu bị bệnh?” - “Bạch Thế Tôn, thưa có.” - “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ấy bị bệnh gì?” - “Bạch ngài, đại đức ấy bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāśagotta thực hiện công việc mổ xẻ.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các tỳ khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy lại cho người thực hiện công việc mổ xẻ ở chỗ kín (của cơ thể)? Này các tỳ khưu, da ở chỗ kín thì mỏng, vết thương

khó liền da, dao khó điều khiển. Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ ở chỗ kín (của cơ thể); vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *thullaccaya*.”

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán việc mổ xẻ” nên đã cho người thực hiện việc bơm thụt. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại cho người thực hiện việc bơm thụt?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

41. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư cho người thực hiện việc bơm thụt, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ hoặc việc bơm thụt xung quanh chỗ kín (của cơ thể) hai lông tay; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *thullaccaya*.”

42. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở vườn nai.

43. Vào lúc bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā. Cả hai đều mộ đạo, là thí chủ, là người phục vụ, là người hộ độ hội chúng. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đi đến tu viện rồi đi từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đến phòng khác, và hỏi các vị

tỳ khuư rằng: - “Thưa các ngài, vị nào bị bệnh? Vật gì cần được mang lại? Cho vị nào?”

44. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuư nọ đã uống thuốc xổ. Khi ấy, vị tỳ khuư ấy đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này: - “Này chị gái, tôi đã uống thuốc xổ. Tôi có nhu cầu về nước luộc thịt.” - “Thưa ngài, tốt lắm. (Nước luộc thịt) sẽ được mang lại.” Sau khi về nhà, nàng đã bảo người giúp việc rằng: - “Này chú em, hãy đi và tìm (mua) loại thịt đã được làm sẵn.” - “Thưa cô chủ, xin vâng.” Rồi người đàn ông ấy, nghe theo nữ cư sĩ Suppiyā, trong khi đi rào khắp cả thành Bārāṇasī vẫn không thấy loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này: - “Thưa cô chủ, không có thịt đã được làm sẵn. Hôm nay là ngày kiêng sát sanh.”

45. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã khởi ý điều này: “Vị tỳ khuư bị bệnh ấy mà không có được nước luộc thịt thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ chết. Đối với ta, việc ta đã hứa mà không cho người đem lại là việc không thích đáng,” nên đã cầm lấy con dao găm cắt lìa miếng thịt ở đùi rồi trao cho người tớ gái (nói rằng): - “Này em, sau khi chuẩn bị miếng thịt này, ở trú xá kia có vị tỳ khuư bị bệnh, hãy dâng đến vị ấy. Và ai hỏi ta thì hãy báo cho biết là: ‘Cô chủ bị bệnh.’” Rồi nàng đã lấy thượng y quấn quanh đùi, đi vào phòng trong, và nằm xuống trên giường.

46. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã trở về nhà và hỏi người tớ gái rằng: - “Suppiyā đâu rồi?” - “Thưa ông chủ, bà nằm ở phòng trong.” Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này: - “Vì sao nàng lại nằm vậy?” - “Thiếp

bị bệnh.” - “Nàng bị bệnh gì vậy?” Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã kể lại sự việc ấy cho nam cư sĩ Suppiya.

47. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya (nghĩ rằng): “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Nàng Suppiyā này có niềm tin, mộ đạo đến thế. Bởi vì ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được dứt bỏ, thì đối với nàng còn có vật gì khác nữa sẽ là không thể bỏ thí?” rồi đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

48. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Suppiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời hứa trai phạn của con vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi.

49. Sau đó, khi trải qua đêm ấy nam cư sĩ Suppiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của nam cư sĩ Suppiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

50. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi nam cư sĩ Suppiya đã đứng một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ Suppiya điều này: - “Suppiyā đâu rồi?” - “Bạch Thế Tôn, nàng bị bệnh.” - “Như vậy thì (nàng) hãy đi đến.” - “Bạch Thế Tôn, nàng không đủ

súc.” - “Như vậy thì hãy ẩm rồi đưa (nàng) lại.” Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã ẩm và đưa nữ cư sĩ Suppiyā lại. Đối với nàng, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc.

51. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā (nghĩ rằng): “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì ở đây với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc” nên mừng rỡ phấn chấn rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ kheu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

52. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ kheu lại và đã hỏi các vị tỳ kheu rằng: - “Này các tỳ kheu, vị nào đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt?” Khi được nói như thế, vị tỳ kheu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chính con đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt.” - “Này tỳ kheu, có phải (thịt) đã được đem đến?” - “Bạch Thế Tôn, (thịt) đã được đem đến.” - “Này tỳ kheu, có phải người đã thọ dụng?” - “Bạch Thế Tôn, con đã thọ dụng.” - “Này tỳ kheu, thế người có suy xét (là thịt gì) hay không?” - “Bạch Thế Tôn, con đã không suy xét (là thịt gì).”

53. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - nt- “Này kẻ rô đại, vì sao người chưa suy xét mà lại thọ dụng thịt? Này kẻ rô đại, người đã thọ dụng thịt người. Này kẻ

rồ đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, có những người có niềm tin, mộ đạo, ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được những người này vứt bỏ. Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt người; vị nào thọ dụng thì phạm tội *thullaccaya*. Và này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt khi chưa suy xét; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

54. Vào lúc bấy giờ, các con voi của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt voi. Họ bố thí thịt voi đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu thọ dụng thịt voi. Dân chúng phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt voi? Các con voi là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt voi; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

55. Vào lúc bấy giờ, các con ngựa của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt ngựa. Họ bố thí thịt ngựa đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu thọ dụng thịt ngựa. Dân chúng phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt ngựa? Các con ngựa là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt ngựa; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

56. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt chó. Họ bố thí thịt chó đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu thọ dụng thịt

chó. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt chó? Loài chó thì ghê tởm và đáng ghét.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt chó; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

57. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt rắn. Họ bố thí thịt rắn đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu thọ dụng thịt rắn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt rắn? Loài rắn thì ghê tởm và đáng ghét.”

58. Vua của loài rắn là Suphassa cũng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Suphassa vua của loài rắn đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có những loài rắn không có đức tin, không có lòng ngưỡng mộ, chúng có thể hãm hại các vị tỳ khưu đầu là việc không đáng. Bạch ngài, thật tốt đẹp thay các ngài đại đức chớ nên thọ dụng thịt rắn.”

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Suphassa vua của loài rắn bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Suphassa vua của loài rắn đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

60. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt rắn; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

61. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con sư tử rồi ăn thịt sư tử. Họ bố thí thịt sư tử đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu sau khi thọ dụng thịt sư tử rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con sư tử vô lấy các vị tỳ khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt sư tử; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

62. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con hổ rồi ăn thịt hổ. Họ bố thí thịt hổ đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu sau khi thọ dụng thịt hổ rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con hổ vô lấy các vị tỳ khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt hổ; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

63. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con beo rồi ăn thịt beo. Họ bố thí thịt beo đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu sau khi thọ dụng thịt beo rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con beo vô lấy các vị tỳ khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt beo; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

64. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con gấu rồi ăn thịt gấu. Họ bố thí thịt gấu đến các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu sau khi thọ dụng thịt gấu rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con gấu vô lấy các vị tỳ khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt gấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

65. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con chó sói rồi ăn thịt chó sói. Họ bố thí thịt chó sói đến

các vị tỳ khưu đang đi khất thực. Các vị tỳ khưu sau khi thọ dụng thịt chó sói rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con chó sói vồ lấy các vị tỳ khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng thịt chó sói; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

Tụng phẩm Suppiya là phần thứ nhì.

1. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Andhakavinda cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

2. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức, và vật thực loại cứng rồi lần lượt nối đuôi theo sau hội chúng tỳ khưu có đức Thế Tôn đứng đầu (nghĩ rằng): “Khi nào chúng tôi đến phiên, khi ấy chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn” và số lượng người ăn thức ăn còn thừa là năm trăm người.

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngụ đến Andhakavinda. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng tỳ khưu có đức Thế Tôn đứng đầu (nghĩ rằng): ‘Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn,’ và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc, và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Sau đó, người Bà-la-môn ấy trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là cháo và mật viên.

4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa ngài Ānanda, ở đây tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: ‘Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng tỳ khưu có đức Thế Tôn đứng đầu (nghĩ rằng): -Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn,- và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc, và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?’ Thưa ngài Ānanda, trong khi nhìn xem ở nhà ăn tôi đây đã không thấy hai món là cháo và mật viên. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng cháo và mật viên thì Ngài Gotama có thọ nhận của tôi hay không?” - “Này ông Bà-la-môn, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.”

5. Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn. - “Này Ānanda, như vậy thì bảo ông ta hãy chuẩn bị sẵn sàng.” - “Này ông Bà-la-môn, như vậy thì ông hãy chuẩn bị sẵn sàng.” Sau đó, khi trải qua đêm ấy người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều cháo và mật viên rồi đem dâng đến đức Thế Tôn: - “Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh cháo và mật viên của tôi.” - “Này Bà-la-môn, như thế thì hãy dâng đến các vị tỳ khưu.” Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh, hãy thọ dụng.”

6. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều cháo và mật viên. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: - “Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. Mười điều ấy là gì? Trong khi bố thí

cháo (người ấy) bố thí tuổi thọ, bố thí sắc đẹp, bố thí sự an lạc, bố thí sức mạnh, bố thí sự sáng suốt, những người đã húp cháo dứt hẳn cơn đói, chặn đứng cơn khát, điều hòa gió, làm sạch bằng quang, và làm tiêu hóa phần (vật thực) còn lại chưa tiêu. Nay Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo.”

7. “Người nào bố thí cháo một cách trân trọng và hợp thời đến các vị đã được thu thúc, (sống nhờ) vật thực được bố thí bởi những kẻ khác, (người ấy) cho đến vị này mười điều lợi ích là: tuổi thọ, và sắc đẹp, sự an vui, và sức mạnh.

8. Nhờ đó sự sáng suốt được sanh khởi cho vị này, khiến xua đi cơn đói cơn khát, (điều hòa) gió, làm trong sạch bằng quang, làm tiêu hóa vật đã được ăn vào. Được phẩm này đã được ngợi khen bởi đấng Thiện Thệ.

9. Chính vì điều ấy, người tâm cầu sự an vui đang ước nguyện về các sự an lạc thuộc cõi trời hoặc đang ước muốn về sự phồn vinh của nhân loại nên thường xuyên bố thí cháo thật đầy đủ.”

10. Khi ấy, sau khi nói lời tùy hỷ đến người Bà-la-môn ấy bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thọ dụng) cháo và mật viên.”

11. Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn cho phép cháo và mật viên đến các tỳ khưu.” Vào buổi sáng sớm, họ đã chuẩn bị sẵn sàng cháo đặc và mật viên.

Các tỳ khưu vào buổi sáng sớm được thỏa mãn với cháo đặc và mật viên nên không thọ thực được như ý ở chỗ thọ thực.

12. Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu đã được vị quan đại thần nọ mới có đức tin thỉnh mời vào ngày hôm sau. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên chuẩn bị sẵn sàng một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt cho một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu, rồi sẽ dâng đến cứ mỗi một vị tỳ khưu là mỗi một đĩa thịt?” Sau đó, khi trải qua đêm ấy vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của vị quan đại thần mới có đức tin ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

13. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phục vụ các tỳ khưu ở trong nhà ăn. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.” - “Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít thôi (vì nghĩ rằng): ‘Vị quan đại thần này mới có đức tin.’ Tôi đã chuẩn bị nhiều vật thực loại cứng loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, tôi sẽ dâng đến mỗi một vị tỳ khưu là mỗi một đĩa thịt. Thưa các ngài, xin hãy thọ lãnh theo như ước muốn.” - “Này đạo hữu, không phải vì lý do ấy mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít; tuy nhiên vào sáng sớm chúng tôi đã được bồi bổ với cháo đặc và mật viên rồi, cho nên chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.”

14. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các đại đức đã được tôi thỉnh mời lại thọ dụng cháo đặc của người khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?” Rồi trở nên giận dữ, không hoan hỷ, và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị tỳ khưu (nói rằng): - “Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.”

15. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên. Khi vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị quan đại thần mới có đức tin ấy bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi lên nổi phẫn nộ, đã khởi lên sự ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ, và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.’ Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?”

17. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, ở đây khi đức Thế Tôn ra đi

không lâu, con đã khởi lên nổi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ, và có ý muốn lãng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị tỳ khưu (nói rằng): -Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.- Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?” Bạch ngài, con đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?” - “Này đạo hữu, kể từ lúc người thỉnh mời hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu cho ngày hôm sau, từ lúc ấy người đã tạo ra được nhiều phước báu. Kể từ lúc mỗi một miếng cơm của người được mỗi một vị tỳ khưu thọ lãnh, từ lúc ấy người đã tạo ra được nhiều phước báu. Các cõi trời đã được thành tựu cho người rồi.”

18. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy (nghĩ rằng): “Nghe nói ta có được điều lợi ích! Nghe nói ta đã đạt được điều tốt! Nghe nói ta đã tạo ra được nhiều phước báu! Nghe nói các cõi trời đã được thành tựu cho ta!” nên mừng rỡ phấn chấn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo Pháp” (liên quan đến tội *pācittiya* 33).

19. Sau đó, khi đã ngự tại Andhakavinda theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

20. Vào lúc bấy giờ, Belaṭṭha Kaccāna đang đi đường xa từ thành Rājagaha đến Andhakavinda cùng với năm trăm xe hàng toàn bộ đều chất đầy các hũ mật đường. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Belaṭṭha Kaccāna từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường lộ và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

21. Sau đó, Belaṭṭha Kaccāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con muốn dâng đến mỗi một vị tỳ khưu một hũ mật đường.” - “Này Kaccāna, như vậy thì người hãy mang lại chỉ một hũ mật đường thôi.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã cầm lấy chỉ một hũ mật đường rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, hũ mật đường đã được mang lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy dâng mật đường đến các vị tỳ khưu.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn sau khi dâng mật đường đến các vị tỳ khưu rồi đã nói đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, mật đường đã được dâng đến các vị tỳ khưu, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy

dâng mật đường đến các vị tỳ khưu theo như ước muốn.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belatṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn sau khi dâng mật đường đến các vị tỳ khưu theo như ước muốn rồi đã nói đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, mật đường đã được dâng đến các vị tỳ khưu theo như ước muốn, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy làm cho các vị tỳ khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belatṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã làm cho các vị tỳ khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số các vị tỳ khưu đã chứa đầy các bình bát, đã chứa đầy các túi lọc nước và luôn cả các túi xách.

22. Rồi Belatṭha Kaccāna sau khi đã làm cho các vị tỳ khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi đã nói đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, các vị tỳ khưu đã được thỏa mãn với nhiều mật đường, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belatṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn sau khi đã cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa rồi đã nói đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn vật thực còn thừa, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa theo như ước muốn.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belatṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn sau khi đã cho mật đường đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn rồi đã nói đức Thế Tôn điều này:

- “Bạch ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, như thế thì người hãy làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số người ăn thức ăn còn thừa đã chứa đầy các lọ, các bình, đã chứa đầy các giỏ, và dùng luôn cả phần y ở phía trước (đã được buộc lại).

23. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi đã nói đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, những người ăn thức ăn còn thừa đã được thỏa mãn với nhiều mật đường, và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?” - “Này Kaccāna, ta không thấy người nào trong thế gian tính luôn cỗi của chư Thiên, cỗi Ma Vương, cỗi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người mà đường này khi được người ấy ăn vào có thể đem lại sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Này Kaccāna, chính vì điều ấy người hãy đổ bỏ đường ấy ở nơi không có cỏ xanh hoặc đồ xuống nước không có sinh vật.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã đổ mật đường ấy xuống nước không có sinh vật. Khi ấy, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi, và tỏa khói. Cũng giống như lưỡi cày đã được nung đỏ trọn ngày khi được bỏ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi, và tỏa khói; tương tự như thế, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi, và tỏa khói.

24. Khi ấy, Belaṭṭha Kaccāna trở nên hoảng hốt, lông dựng đứng lên, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Belaṭṭha Kaccāna đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến Belaṭṭha Kaccāna. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Belaṭṭha Kaccāna có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Belaṭṭha Kaccāna: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

25. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

26. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi ấy trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha mật đường được dồi dào. Các tỳ khưu (nghĩ rằng): “Mật đường đã được đức Thế Tôn cho phép đến chính vị bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh,” trong lúc ngần ngại không thọ dụng mật đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép mật đường đối với vị bị bệnh và nước (có pha) mật đường đối với vị không bị bệnh.”

27. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Pāṭaligāma¹ cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma.” Sau đó, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời (trú tại) nhà nghỉ trọ cùng với hội chúng Tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

¹ Pāṭaligāma là một làng (*gāma*) thuộc xứ Magadha, nay là thành phố Patna, Ấn Độ (ND).

28. Khi ấy, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, thắp sáng cây đèn dầu, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bố trí, cây đèn dầu đã được thắp sáng. Bạch ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính về việc ấy.” Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi cùng với đại chúng tỳ khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn về hướng đông. Hội chúng tỳ khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía tây, mặt nhìn về hướng đông, và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía đông, mặt nhìn về hướng tây, và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma rằng: - “Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Năm điều ấy là gì?” Này các cư sĩ, ở đây kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn xấu xa của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới lan rộng. Đây là điều tai hại thứ nhì của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới đi vào tập thể nào khác đâu là tập thể những người Sát-đế-ly, đâu là tập thể những người Bà-la-môn, đâu là tập thể các gia chủ, đâu là tập thể các Sa-môn, kẻ ấy đi vào thiếu sự tự chủ và trở nên bối rối. Đây là điều tai hại thứ ba của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới bị mê muội khi từ trần. Đây là điều tai hại thứ tư của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trùng phạt, địa ngục. Đây là điều tai hại thứ năm của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

30. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Năm điều ấy là gì? Này các cư sĩ, người giữ giới có sự thành tựu về giới thành tựu số lượng lớn về tài sản do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điều lợi ích thứ nhất của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác đâu là tập thể những người Sát-đế-ly, đâu là tập thể những người Bà-la-môn, đâu là tập thể các gia chủ, đâu là tập thể các Sa-môn, người ấy đi vào có sự tự chủ và không có bối rối. Đây là điều lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về

giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn an vui, cõi trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới.”

31. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài Pháp thoại đến tận đêm khuya, đức Thế Tôn đã giải tán (bảo rằng): - “Này các cư sĩ, đêm đã khuya. Bây giờ là thời điểm của việc gì thì các người hãy suy tính về việc ấy.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng.

32. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng Thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, những ai là người cho xây thành lũy ở

Pāṭaligāma vậy?” - “Bạch ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji.” - “Này Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư Thiên ở cõi *Tāvātimsa*, này Ānanda, tương tự như thế Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Này Ānanda, ở đây sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hùng sáng, bằng Thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người ta đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Này Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người *Ariyan* và đến tận con đường của những nhà thương buôn, Pāṭaliputta này sẽ trở thành thành phố hàng đầu, là nơi bốc dỡ các loại hàng hóa. Này Ānanda, thành Pāṭaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia hai từ trong nội bộ.”

34. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Xin ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra,

hai vị quan đại thần xứ Magadha, sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn, đã ra đi.

35. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nơi phân phối thức ăn của Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

36. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, hai vị quan đại thần đã ngồi xuống một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến hai vị quan đại thần bằng những lời kệ này:

37. *Ở tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy sau khi dâng thức ăn đến các vị có giới, thu thúc, hành Phạm hạnh -*

38. *Nên tỏ sự kính trọng đến chư Thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư Thiên ấy, được cúng dường, sẽ cúng dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy.*

39. *Do đó, chư Thiên thương mến người ấy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư Thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lành.”*

40. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã đi theo phía sau đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là Cửa thành Gotama, và bằng qua sông Gaṅgā bằng bến tàu nào thì bến tàu ấy sẽ có tên là Bến tàu Gotama.” Sau đó, cửa thành nào mà đức Thế Tôn đã đi ra, cửa thành ấy đã có tên là Cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gaṅgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gaṅgā luôn tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia.

41. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một số đang đi kiếm xuồng, một số đang buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. Sau khi nhìn thấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gaṅgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng tỳ khưu. Sau đó, khi đã biết sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

42. *“Những người băng qua biển cả ao hồ, sau khi xây dựng cây cầu vượt qua các hồ nhỏ. (Trong khi) người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc trí đã vượt qua (bờ kia).”*

43. Sau đó, đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại Koṭigāma. Ở đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, do sự

không giác ngộ, không thấu triệt được bốn Chân Lý Cao Thượng, chính vì như thế mà ngay cả ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Bốn điều ấy là gì? Nay các tỳ kheu, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được Chân Lý Cao Thượng của Khổ, chính vì như thế mà ngay cả ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Do sự không giác ngộ, không thấu triệt được Chân Lý Cao Thượng của Nguồn Gốc Sanh Khởi của Khổ, – nt – Chân Lý Cao Thượng của Sự Chấm Dứt của Khổ, – nt – Chân Lý Cao Thượng của Sự Thực Hành đưa đến Sự Chấm Dứt của Khổ, chính vì như thế mà ngay cả ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Nay các tỳ kheu, Chân Lý Cao Thượng của Khổ này đây đã được giác ngộ đã được thấu triệt, Chân Lý Cao Thượng của Nguồn Gốc Sanh Khởi của Khổ đã được giác ngộ đã được thấu triệt, Chân Lý Cao Thượng của Sự Chấm Dứt của Khổ đã được giác ngộ đã được thấu triệt, Chân Lý Cao Thượng của Sự Thực Hành đưa đến Sự Chấm Dứt của Khổ đã được giác ngộ đã được thấu triệt, (thì) nỗi khao khát về sự tái sinh đã được cắt đứt, lối đưa đến sự tái sinh đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sinh nữa.”

44. *“Do không nhìn thấy đúng theo bản thể của bốn Chân Lý Cao Thượng, nên bị luân hồi dài thăm thẳm trong những lần tái sinh kiếp này kiếp khác.*

45. *Khi những điều này đây đã được nhìn thấy thì lối dẫn đi tái sinh không còn, nguồn sanh khổ đã đoạn, giờ đây không còn tái sinh nữa.”*

46. Nàng kỹ nữ Ambapālī đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Kotigāma.” Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho thắng (ngựa vào) những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi

thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, nàng đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi nàng đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của con.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

47. Các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma.” Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã cho thắng (ngựa vào) những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe vô cùng lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu xanh, có vẻ bên ngoài màu xanh, y phục màu xanh, đồ trang sức màu xanh. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu vàng, có vẻ bên ngoài màu vàng, y phục màu vàng, đồ trang sức màu vàng. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu đỏ, có vẻ bên ngoài màu đỏ, y phục màu đỏ, đồ trang sức màu đỏ. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu trắng, có vẻ bên ngoài màu trắng, y phục màu trắng, đồ trang sức màu trắng.

48. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī di chuyển đổi đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với

bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói với nàng kỹ nữ Ambapālī điều này: - “Này nàng Ambapālī, vì sao nàng lại di chuyển đổi đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi của chúng tôi vậy?” - “Này các cậu công tử, chính là vì tôi đã thỉnh mời được hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.” - “Này nàng Ambapālī, hãy nhường lại cho chúng tôi bữa thọ trai ấy với giá một trăm ngàn.” - “Này các cậu công tử, cho dù các cậu chịu nhường lại thành Vesālī luôn cả dân cư cho tôi, tôi cũng không chịu nhường lại bữa thọ trai.”

49. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay (nói rằng): - “Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!”

50. Sau đó, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị dòng dõi Licchavi ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chư Thiên ở cõi *Tāvātimsa* chưa được các tỳ khưu nhìn thấy trước đây. Này các tỳ khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các tỳ khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các tỳ khưu, hãy so sánh tập thể các vị dòng dõi Licchavi với tập thể chư Thiên cõi *Tāvātimsa*.”

51. Khi ấy, sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi họ đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các vị

dòng dõi Licchavi ấy bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói đã với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của chúng tôi.” - “Này các vị Licchavi, ta đã nhận lời nàng kỹ nữ Ambapālī về bữa thọ trai vào ngày mai rồi.” Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay (nói rằng): - “Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!” Sau đó, khi đã được hoan hỷ và thỏa mãn với lời nói của đức Thế Tôn, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

52. Sau đó, khi đã ngự tại Kotigāma như ý thích, đức Thế Tôn đã đi đến Nātikā. Tại nơi ấy ở Nātikā, đức Thế Tôn ngự tại Giñjakāvasatha (căn nhà bằng gạch). Sau đó, khi trải qua đêm ấy nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm trong khu vườn của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ dâng cúng vật thực của nàng kỹ nữ Ambapālī, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

53. Sau đó, nàng kỹ nữ Ambapālī đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, nàng đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con xin dâng khu Ambavana (vườn xoài) này

đến hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu.” Đức Thế Tôn đã thọ nhận khu vườn.

54. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Mahāvana. Tại nơi ấy ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Tụng phẩm Licchavi là thứ ba.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo Pháp, tán thán Hội Chúng bằng nhiều phương thức.

2. Vào lúc bấy giờ, tướng quân Sīha là đệ tử của Nigaṇṭha đã ngồi xuống ở tập thể ấy. Khi ấy, tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo Pháp, tán thán Hội Chúng bằng nhiều phương thức như thế; có lẽ ta nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy?”

3. Sau đó, tướng quân Sīha đã đi đến gặp Nigaṇṭha Nāṭaputta,¹ sau khi đến đã đánh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, tướng quân Sīha đã nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta điều này: - “Thưa ngài, tôi muốn đi đến để diện kiến Sa-môn Gotama.” - “Này Sīha, người là người theo thuyết hành

¹ Một trong sáu vị đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Nay Sīha, chính Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.” Khi ấy, ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn của tướng quân Sīha đã được lắng dịu đi.

4. Đến lần thứ nhì, – nt – Đến lần thứ ba, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo Pháp, tán thán Hội Chúng bằng nhiều phương thức. Đến lần thứ ba tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo Pháp, tán thán Hội Chúng bằng nhiều phương thức như thế. Những người Nigantha đâu có được hỏi ý kiến hay không được hỏi ý kiến thì sẽ làm được điều gì đối với ta? Có lẽ ta không cần hỏi ý kiến các Nigantha và nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?”

5. Sau đó, vào lúc xế trưa tướng quân Sīha cùng với năm trăm cỗ xe đã rời thành Vesālī để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, tướng quân Sīha đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tôi được nghe rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’ Bạch ngài, những người nào đã nói như vậy: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy,’

bạch ngài, phải chăng những người ấy nói đúng về đức Thế Tôn, không gièm pha đức Thế Tôn với sự sai trái, và tuyên bố về pháp phù hợp với Pháp (của ngài) không? Và phải chăng bất cứ người nào sống theo pháp có lời nói hợp với giáo lý đều không phải là đối tượng để chê bai? Bạch ngài, chúng tôi thật tình không có ý lên án đức Thế Tôn.”

6. - “Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

7. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

8. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

9. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

10. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

11. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-

môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

12. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

13. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

14. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta giảng về không hành động của thân làm ác, của miệng nói ác, của ý nghĩ ác; ta giảng về không hành động của các pháp ác bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

15. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta giảng về hành động của thân làm thiện, của miệng nói thiện, của ý nghĩ thiện; ta giảng về hành động của các thiện pháp dưới nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói

một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

16. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta giảng về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân, của si; ta giảng về sự đoạn diệt của các pháp ác bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

17. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; ta giảng pháp về điều ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

18. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta giảng pháp về sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; ta giảng pháp về sự cách ly đối với các pháp ác bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp

môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

19. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, ta giảng về các pháp ác và bất thiện là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Nay Sīha, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị búng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; ta gọi người ấy là: ‘Người thiêu đốt.’ Nay Sīha, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị búng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

20. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị búng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; ta gọi người ấy là: ‘Người thoát khỏi bào thai.’ Nay Sīha, sự

sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự hiện hữu lần nữa và là sự tái sanh đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’

21. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy?’ Nay Sīha, bởi vì ta là người tự tin, ta giảng về sự tự tin với sự tự tin tối thượng, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: ‘Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.’”

22. Khi được nói như thế, tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

23. - “Nay Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt

đẹp.” - “Bạch ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi; bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: ‘Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.’ Bạch ngài, bởi vì các ngoại đạo sau khi thấu nhận con làm đệ tử có thể vác cờ đi khắp cả Vesālī (rêu rao) rằng: ‘Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng tôi!’ thế mà đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: ‘Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.’ Bạch ngài, lần thứ nhì con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

24. - “Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Niganṭha, vì thế đối với những người ấy ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.” - “Bạch ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: ‘Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Niganṭha, vì thế đối với những người ấy ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.’

25. Bạch ngài, con đã được nghe điều này, Sa-môn Gotama đã nói như vậy: ‘Vật bố thí chỉ nên dâng đến ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến những người khác. Vật bố thí chỉ nên dâng đến các đệ tử của ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến các đệ tử của những người khác. Đã dâng đến riêng ta thôi thì có quả báu lớn, đã dâng đến những người khác thì không có quả báu lớn. Đã dâng đến các đệ tử của ta thôi thì có quả báu lớn, đã dâng đến các đệ tử của những người khác thì không có quả báu lớn,’ thế mà đức Thế Tôn lại khuyến khích con việc bố thí cho

những người Nigantha. Bạch ngài, tuy nhiên trong trường hợp này chúng con sẽ biết thời điểm. Bạch ngài, lần thứ ba con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khuu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

26. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến tướng quân Sīha. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tướng quân Sīha có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến tướng quân Sīha: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

27. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khuu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, tướng quân Sīha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

28. Sau đó, tướng quân Siha đã ra lệnh cho người đàn ông nọ rằng: - “Này người, hãy đi và tìm (mua) loại thịt đã được làm sẵn.” Sau đó, khi trải qua đêm ấy tướng quân Siha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của tướng quân Siha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người Nigantha, từ đường phố (này) đến đường phố (khác) từ giao lộ (này) đến giao lộ (khác), hươ tay kêu gào rằng: “Hôm nay, tướng quân Siha đã giết con thú lớn và làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan (đến mình); (đó là) nghiệp có tính cách liên đới.”

30. Sau đó, có người đàn ông nọ đã đi đến gặp tướng quân Siha, sau khi đến đã thì thầm vào tai của tướng quân Siha rằng: - “Thưa tướng quân, ngài có biết không? Những người Nigantha ấy, từ đường phố (này) đến đường phố (khác) từ giao lộ (này) đến giao lộ (khác), hươ tay kêu gào rằng: ‘Hôm nay, tướng quân Siha đã giết con thú lớn và đã làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan (đến mình); (đó là) nghiệp có tính cách liên đới.’”

31. - “Ông bạn ơi, thôi đi! Đã từ lâu nay, các ngài đại đức ấy có ý muốn phỉ báng đức Phật, có ý muốn phỉ báng Giáo Pháp, có ý muốn phỉ báng Hội Chúng. Nhưng các ngài đại đức ấy không lượng sức, phí công, láo khoét, trong khi vu khống với điều không thật mà vẫn không

làm tổn hại được đức Thế Tôn ấy. Và chúng tôi, cho đầu vì lý do sống còn, cũng không cố ý tước đoạt mạng sống của chúng sanh.”

32. Sau đó, tướng quân Sīha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên. Khi tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho tướng quân Sīha bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

33. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, trong khi biết thịt được làm (giết) có liên quan (đến bản thân) thì không nên thọ dụng; vị nào thọ dụng phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (thọ dụng) cá và thịt có được ba điều tuyệt đối thanh tịnh: không được thấy, không được nghe, không nghi ngờ.”¹

34. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī có sự sung túc về vật thực, các vụ mùa tốt đẹp, vật thực kiếm được dễ dàng, sự sinh sống được dễ dàng bằng sự mót nhặt hoặc sự tốt bụng (của người khác).

35. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tâm như vậy đã sanh khởi: “Những điều gì mà ta đã cho phép các tỳ khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là (vật thực) đã được tích trữ ở bên trong (khuôn viên), đã được nấu ở bên trong

¹ Nếu cá và thú ấy bị giết với sự xác định là sẽ làm thức ăn cho một cá nhân nào đó thọ dụng thì cá nhân người ấy không nên ăn (ND).

(khuôn viên), đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh (trái cây) đã được nhật lên, (vật thực) đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay các tỳ khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?”

36. Sau đó vào lúc chiều tối, khi xuất khỏi thiền tịnh đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, những điều gì mà ta đã cho phép các tỳ khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là (vật thực) đã được tích trữ ở bên trong (khuôn viên), đã được nấu ở bên trong (khuôn viên), đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh (trái cây) đã được nhật lên, đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay các tỳ khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?” - “Bạch đức Thế Tôn, các vị vẫn thọ dụng.”

37. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, những điều gì mà ta đã cho phép các tỳ khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là (vật thực) đã được tích trữ ở bên trong (khuôn viên), đã được nấu ở bên trong (khuôn viên), đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh (trái cây) đã được nhật lên, (vật thực) đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, kể từ hôm nay ta hủy bỏ những điều ấy. Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng (vật thực) đã được tích trữ ở bên trong (khuôn viên), đã được nấu ở bên trong (khuôn viên), đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh (trái cây) đã được nhật lên; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng (vật thực) đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã

được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo Pháp.”

38. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lúc, và vật thực loại cứng rồi đánh xe quây thành vòng tròn ở phía bên ngoài cổng lớn của tu viện và chờ đợi (nghĩ rằng): “Khi nào chúng tôi nhận được phần, chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn.” Và có đám mây đen lớn kéo đến.

39. Khi ấy, những người ấy đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa ngài Ānanda, ở đây nhiều muối, dầu ăn, gạo lúc, và vật thực loại cứng đã được chất trong các xe hàng và chúng đang còn đó. Giờ có đám mây đen lớn kéo đến. Thưa ngài Ānanda, vậy chúng tôi nên thực hành như thế nào?”

40. Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Ānanda, như thế thì hội chúng hãy chỉ định trú xá ở ven rào là khu vực làm thành được phép; hãy tích trữ vật mà hội chúng mong muốn ở nơi ấy, (có thể) là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các tỳ khưu, nên được chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên (như vậy) là khu vực làm thành được phép. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên (như vậy) là khu vực làm thành được phép. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú

xá tên (như vậy) là khu vực làm thành được phép xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là khu vực làm thành được phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

41. Vào lúc bấy giờ, ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép, dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi.

42. Sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đã nghe tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ, tiếng kêu của những con quạ, sau khi nghe đã hỏi đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ ấy, tiếng kêu của những con quạ là gì vậy?” - “Bạch ngài, hiện nay dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép; bạch Thế Tôn, đó chính là tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ, tiếng kêu của những con quạ.”

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, và loại có liên quan gia chủ.”

44. Vào lúc bấy giờ, đại đức Yasoja bị bệnh. Các dược phẩm thuộc về nhu cầu của vị ấy được mang đến. Các vị tỳ khưu đã tích trữ chúng ở bên ngoài (khuôn viên). Các con thú hoang đã ăn đi. Những kẻ trộm đã lấy đi. Các vị

đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định. Này các tỳ khưu, ta cho phép bốn loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, loại có liên quan đến gia chủ, và loại đã được chỉ định.”

Tụng phẩm Sīha là thứ tư.

1. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

2. Người vợ có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công, và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

3. Cậu con trai có năng lực thần thông như vậy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công, và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn (tiền).

4. Cô con dâu có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công, và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

5. Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luồng cày xuất hiện.

6. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: “Nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gặt rủa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công, và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. Cậu con trai có năng lực thần thông như vậy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công, và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn (tiền). Cô con dâu có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công, và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luồng cày xuất hiện.”

7. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng: - “Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gặt rủa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ – nt – Cậu con trai – nt – Cô con dâu – nt – Người tớ trai có năng lực thần thông như

vây: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luồng cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi. Hãy biết rằng đích thân trăm xem xét như thế nào, thì người sẽ xem xét như thế ấy.”

8. - “Tâu đại vương, xin tuân lệnh.” Rồi viên quan đại thần ấy nghe theo đức vua Seniya Bimbisāsa xứ Magadha cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã khởi hành đi thành phố Bhaddiya, tuân tự đã đến thành phố Bhaddiya gặp gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã nói với gia chủ Menḍaka điều này: - “Này gia chủ, chính ta đã được đức vua ra lệnh rằng: ‘Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. – nt – Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luồng cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi và tìm hiểu. Đích thân trăm xem xét như thế nào thì người sẽ xem xét như thế ấy.’ Này gia chủ, hãy cho chúng ta nhìn thấy năng lực thần thông của người.”

9. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

10. - “Này gia chủ, năng lực thần thông của người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của vợ người.” Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người vợ rằng: - “Như vậy thì nàng hãy phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.” Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phân súp, người vợ của gia chủ Menḍaka đã phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn

loại binh chủng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

11. - “Này gia chủ, năng lực thần thông của vợ người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con trai người.” Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người con trai rằng: - “Như vậy thì con hãy trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.” Khi ấy, sau khi cầm một cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, người con trai của gia chủ Menḍaka đã trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn (tiền).

12. - “Này gia chủ, năng lực thần thông của con trai người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con dâu người.” Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người con dâu rằng: - “Như vậy thì con hãy cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng đi.” Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doni*, người con dâu của gia chủ Menḍakanàng đã cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

13. - “Này gia chủ, năng lực thần thông của con dâu người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của người tớ trai của người.” - “Thưa ngài, năng lực thần thông của người tớ trai của tôi sẽ được nhìn thấy ở ngoài ruộng.” - “Này gia chủ, thôi đi. Năng lực thần thông của người tớ trai của người cũng đã được nhìn thấy rồi.”

14. Sau đó, viên quan đại thần ấy cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã quay trở về lại thành

Rājagaha rồi đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

15. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Bhaddiya cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

16. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddiya. Tại nơi đó ở Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātīyā.

17. Gia chủ Menḍaka đã nghe rằng: “Quả thật ngài Sa-môn Gotama con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại khu rừng Jātīyā. Tiếng đồn tốt đẹp về ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy.”

18. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã cho thắng (ngựa vào) những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi Bhaddiya với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn.

19. Nhiều du sĩ ngoại đạo đã nhìn thấy gia chủ Menḍaka từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với gia chủ Menḍaka điều này: - “Này gia chủ, người đi đâu vậy?” - “Thưa các ngài, tôi đi để diện kiến đức Thế Tôn là Sa-môn Gotama.” - “Này gia chủ, người là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này gia chủ, chính Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về Pháp không hành động, và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

20. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã khởi ý điều này: “Theo như cách những người du sĩ ngoại đạo này ganh tị thì quả nhiên không còn nghi ngờ về đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.” Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, gia chủ Menḍaka đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến gia chủ Menḍaka. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

21. Khi đức Thế Tôn biết được Gia chủ Menḍaka có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Menḍaka: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

22. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn đầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Menḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

23. Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Menḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.”

24. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

25. Sau đó, người vợ của gia chủ Menḍaka cùng với con trai, con dâu, và người tớ trai đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống

một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

26. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

27. Khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn đầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

28. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con xin dâng vật thực thường xuyên đến hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu cho đến khi nào đức Thế Tôn còn ngụ tại Bhaddiya.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Menḍaka bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

29. Sau đó, khi đã ngụ tại Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn không thông báo cho gia chủ Menḍaka rồi đã ra đi du hành về phía Āṅguttarāpa cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

30. Gia chủ Menḍaka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đang đi du hành về phía Āṅguttarāpa cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.”

31. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho những người nô lệ và những người làm công rằng: - “Này các người, như thế thì hãy chất lên các xe hàng nhiều muối, đầu ăn, gạo lức, và vật thực loại cứng rồi hãy đi đến. Và một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò hãy lấy ra một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái rồi hãy đi đến. Nơi nào chúng ta gặp được đức Thế Tôn, chúng ta sẽ dâng sữa tươi để (ngài) thọ dụng.”

32. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã gặp được đức Thế Tôn ở khu rừng vắng trên đường đi. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã

đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Menḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

33. Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Menḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.”

34. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ cúng dường thức ăn của gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

35. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò rằng: - “Này các người, như vậy thì hãy dắt mỗi một con bò cái đến đứng gần mỗi một vị tỳ khưu. Chúng ta sẽ dâng sữa tươi để (các vị) thọ dụng.”

36. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm và sữa tươi. Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh sữa. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.”

37. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm và sữa tươi. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát,

gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Bạch ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép vật thực đi đường đến các vị tỳ khưu.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Menḍaka bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

38. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép năm sản phẩm từ bò là sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ đặc, bơ lỏng. Này các tỳ khưu, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Này các tỳ khưu, ta cho phép tầm cầu vật thực đi đường là gạo lúc với vị có nhu cầu về gạo lúc, đậu *mugga* với vị có nhu cầu về đậu *mugga*, đậu *māsa* với vị có nhu cầu về đậu *māsa*, muối với vị có nhu cầu về muối, đường với vị có nhu cầu về đường, dầu ăn với vị có nhu cầu về dầu ăn, bơ lỏng với vị có nhu cầu về bơ lỏng. Này các tỳ khưu, có những người dân có niềm tin, mộ đạo, những người này để tiền vàng ở tay của người làm thành được phép (nói rằng): ‘Hãy dâng đến ngài đại đức vật đã làm trở thành được phép từ vật này.’ Này các tỳ khưu, ta cho phép chấp nhận vật đã làm trở thành được phép từ điều ấy, nhưng này các tỳ khưu ta không nói rằng: ‘Vàng và bạc có thể được chấp nhận, có thể được tầm cầu bởi bất cứ cách thức nào.’”

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Āpaṇa. Đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nghe rằng: “Quả thật ngài Sa-môn Gotama con trai dòng Sakya, từ

dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp về ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người. — nt — Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy.”

40. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: “Ta nên cho người đem đến cho Sa-môn Gotama vật gì đây?” Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: “Những người ẩn sĩ trước đây là Bà-la-môn, là những người làm ra chú thuật, là những người sử dụng chú thuật, những người ấy có hình thức chú thuật cổ điển đã được đọc tụng, đã được nói ra, đã được thực hiện mà những người Bà-la-môn hiện nay cũng đọc tụng theo hình thức ấy, nói ra theo hình thức ấy, giảng giải theo điều đã được giảng giải, nói lại điều đã được nói, (các vị ấy) như là: Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu đã không ăn vào buổi tối, đã kiêng cử việc ăn phi thời, các vị ấy chấp nhận các thức uống như thế này. Sa-môn Gotama cũng không ăn vào buổi tối và kiêng cử việc ăn phi thời nên Sa-môn Gotama cũng xứng đáng được chấp nhận các thức uống như thế này” nên đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều thức uống và cho người đem đi bằng những giỏ mang sau vai rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Xin ngài Gotama hãy thọ lãnh thức uống

của tôi.” - “Này Keniya, như vậy thì hãy dâng cho các tỳ khưu.” Các vị tỳ khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.”

41. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều loại thức uống. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đạo sĩ bện tóc Keniya bằng bài Pháp thoại.

42. Sau đó, khi đã được đức Thế tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” - “Này Keniya, hội chúng tỳ khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm chục vị tỳ khưu và người đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.” Đến lần thứ nhì, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài Gotama, đầu cho hội chúng tỳ khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm chục vị tỳ khưu và (đầu cho) tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” - “Này Keniya, hội chúng tỳ khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm chục vị tỳ khưu và người đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.” Đến lần thứ ba, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài Gotama, đầu cho hội chúng tỳ khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm chục vị tỳ khưu và (đầu cho) tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ

khuru.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keniya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép tám loại thức uống: nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu. Này các tỳ khuru, ta cho phép tất cả các loại nước cốt trái cây ngoại trừ nước cốt của ngũ cốc. Này các tỳ khuru, ta cho phép tất cả các loại nước cốt của lá cây ngoại trừ nước cốt của rau cải nấu chín. Này các tỳ khuru, ta cho phép tất cả các loại nước cốt của bông hoa ngoại trừ nước cốt của bông cây cam thảo. Này các tỳ khuru, ta cho phép nước cốt của cây mía.”

44. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Keniya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm tại khu ẩn cư của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Keniya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khuru.

45. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya đang ngồi một bên bằng những lời kệ này:

i. “Các việc cúng tế có sự cúng dường lửa là đứng đầu, kinh cổ Sāvittī là đứng đầu về niềm luật, đức vua là đứng đầu loài người, biên cả đứng đầu các con sông.

ii. Mặt trăng đứng đầu các vì sao, mặt trời đứng đầu các vật tỏa sáng. Đối với những người mong mọi phước đang cúng dường thì Hội Chúng là đứng đầu.”

46. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại Āpaṇa theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Kusinārā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

47. Những người dân Malla ở Kusinārā đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kusinārā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.” Họ đã ra quy định là: “Ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm (tiền).”

48. Vào lúc bấy giờ, Roja người Malla là bạn của đại đức Ānanda. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Kusinārā. Khi ấy, những người dân Malla ở Kusinārā đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

49. Sau đó, khi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, Roja người Malla đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã dành lễ đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi Roja người Malla đã đứng một bên, đại đức Ānanda đã nói với Roja người Malla điều này: - “Này bạn Roja, thật là tuyệt vời khi bạn đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.” - “Thưa ngài Ānanda, tôi không có nhiều niềm tin đối với đức Phật, Giáo Pháp, hay Hội Chúng. Chỉ vì thân

quyển đã ra quy định là: ‘Ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm (tiền).’ Thưa ngài Ānanda, chính vì nỗi lo sợ về hình phạt của thân quyển nên tôi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.”

50. Khi ấy, đại đức Ānanda đã không được hoan hỷ (nghĩ rằng): “Vì sao Roja người Malla lại nói như thế?” Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, Roja này người Malla được nổi tiếng, là người có danh tiếng. Những người có danh tiếng như thế nếu có được niềm tin trong Pháp và Luật này sẽ có sự thuận lợi lớn. Bạch ngài, thật tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy làm như thế nào đó để Roja người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.” - “Này Ānanda, điều ấy không phải là việc khó làm đối với đức Như Lai như là việc Roja người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.”

51. Sau đó, đức Thế Tôn đã phát ra luồng tâm bác ái đến Roja người Malla rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào trú xá. Khi ấy, bị xúc chạm bởi luồng tâm bác ái của đức Thế Tôn, cũng giống như con bê con (đi tìm) bò mẹ, tương tự như thế Roja người Malla đi đến trú xá này đến trú xá khác, phòng này đến phòng khác và hỏi các vị tỳ khưu rằng: - “Thưa ngài, bây giờ đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đang ngụ ở đâu vậy, bởi vì chúng tôi có ý muốn diện kiến đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?” - “Này đạo hữu Roja, là trú xá có cánh cửa đóng lại kia. Hãy đi đến với sự nhẹ nhàng và chớ có vượt qua (cánh cửa), hãy bước vào hành lang, đằng hắng, và gõ vào thanh cài cửa, rồi đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đạo hữu.”

52. Sau đó, Roja người Malla đã đi đến trú xá có cánh cửa đóng lại kia với sự nhẹ nhàng, không có vượt qua (cánh cửa), rồi bước vào hành lang, đăng hăng, và gõ vào thanh cài cửa. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa ra. Khi ấy, Roja người Malla đã bước vào trú xá, đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Roja người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến Roja người Malla. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

53. Khi đức Thế Tôn biết được Roja người Malla có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Roja người Malla: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

54. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Roja người Malla đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu các ngài đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men trị bệnh của riêng mình con thôi, không phải của người khác.” - “Này Roja, nếu những người đã thấy được Pháp với trí tuệ của vị hữu học, với tầm nhìn của vị hữu học như là người đây thì những người ấy cũng khởi ý như vậy: ‘Đương nhiên các

ngài đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men trị bệnh của riêng mình chúng ta thôi, không phải của người khác.’ Nay Roja, chính vì điều ấy các vị (tỳ khưu) sẽ thọ lãnh của chính người và của những người khác nữa.”

55. Vào lúc bấy giờ, ở Kusinārā sự dâng vật thực theo tuần tự của các bữa ăn hảo hạng đã được xác lập. Khi ấy, Roja người Malla đã không nhận được phần nên đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Sau đó, Roja người Malla trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Khi ấy, Roja người Malla đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa ngài Ānanda, ở đây trong khi tôi không nhận được phần nên đã khởi ý điều này: ‘Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?’ Thưa ngài Ānanda, rồi trong khi nhìn xem ở nhà ăn tôi đây đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng rau xanh và bánh bột, đức Thế Tôn có thể nhận lãnh của tôi không?” - “Này Roja, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.”

56. Sau đó, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Ānanda, như thế thì (Roja) hãy chuẩn bị sẵn sàng.” - “Này Roja, như thế thì bạn hãy chuẩn bị sẵn sàng.”

57. Sau đó, khi trải qua đêm ấy Roja người Malla đã cho chuẩn bị sẵn sàng rau cải và bánh bột, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn. - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhận lãnh rau cải và bánh bột.” - “Này Roja, như vậy thì hãy dâng cho các vị tỳ khưu.” Các vị tỳ khưu trong lúc

ngàn ngại không thọ lãnh. - “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.”

58. Sau đó, Roja người Malla đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều rau cải và bánh bột. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, Roja người Malla đã ngồi xuống một bên. Khi Roja người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Roja người Malla bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

59. Sau đó, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tất cả các loại rau xanh và tất cả các loại bánh bột.”

60. Sau đó, khi đã ngự tại Kusinārā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Ātumā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.

61. Vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc tuổi già nọ, trước đây là thợ cạo, ngụ tại Ātumā. Vị ấy có hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan, khéo léo, thiện nghệ trong nghề thợ cạo từ thầy của họ. Vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu.”

62. Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nói với hai người con trai ấy rằng: - “Này hai con thương, nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu. Này hai

con thương, hai con hãy đi và mang theo thùng dao cạo, hãy viếng từng nhà với thùng và bao bị, hãy gom góp muối, đầu ăn, gạo lức, và vật thực loại cứng; chúng ta sẽ thực hiện việc dâng cúng cháo đến đức Thế Tôn khi ngài đi đến.” - “Thưa cha, xin vâng.” Rồi hai người con trai ấy nghe theo vị xuất gia lúc tuổi già ấy mang theo thùng dao cạo đi viếng từng nhà với thùng và bao bị, trong lúc gom góp muối, đầu ăn, gạo lức, và vật thực loại cứng. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan ấy, đều không có ý muốn thuê làm cũng bảo chúng làm, và sau khi bảo chúng làm lại còn thưởng rất nhiều. Khi ấy, hai người con trai ấy đã gom góp nhiều muối, đầu ăn, gạo lức, và vật thực loại cứng.

63. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Ātumā. Tại nơi ấy ở Ātumā, đức Thế Tôn ngự tại Bhusāgāra.

64. Sau đó, khi trải qua đêm ấy vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng rất nhiều cháo, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn. - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh cháo của con.”

65. Các đấng Như Lai đều biết vẫn hỏi, đều biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai mới hỏi và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị tỳ khưu vì hai lý do: “Hoặc là chúng ta sẽ thuyết Pháp, hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

66. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị xuất gia lúc tuổi già ấy điều này: - “Này tỳ khưu, cháo này từ đâu vậy?”

Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao người lại bảo các vị xuất gia làm việc không được phép? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên bảo các vị xuất gia làm việc không được phép; vị nào bảo làm thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, vị trước đây là thợ cạo không nên mang theo thùng dao cạo; vị nào mang theo thì phạm tội *dukkata*.”

67. Sau đó, khi đã ngự tại Ātumā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Sāvattthi. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvattthi. Tại nơi ấy ở thành Sāvattthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

68. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvattthi nhiều loại vật thực cứng là trái cây được phát sanh. Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Loại vật thực cứng là trái cây nào được cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tất cả các loại vật thực cứng là trái cây.”

69. Vào lúc bấy giờ, các hạt giống của hội chúng được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, các hạt giống của các cá nhân được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các hạt giống của hội chúng đã được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia. Các hạt giống của các cá nhân đã

được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia.”

70. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu khởi lên sự phân vân về vấn đề này về vấn đề nọ: “Điều nào đã được đức Thế Tôn cho phép, điều nào đã không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, điều nào ta chưa cấm rằng: ‘Điều này không được phép,’ và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các người điều ấy là không được phép. Này các tỳ khưu, điều nào ta chưa cấm rằng: ‘Điều này không được phép,’ và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các người điều ấy là được phép. Này các tỳ khưu, điều nào ta chưa cho phép rằng: ‘Điều này được phép,’ và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các người điều ấy là không được phép. Này các tỳ khưu, điều nào ta chưa cho phép rằng: ‘Điều này được phép,’ và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các người điều ấy là được phép.”

71. Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Vật dùng đến hết đêm (trộn lẫn) với vật dùng đến hết nọ là được phép, hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày (trộn lẫn) với vật dùng đến hết nọ là được phép, hay là không được phép? Vật dùng suốt đời (trộn lẫn) với vật dùng đến hết nọ là được phép, hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày (trộn lẫn) với vật dùng đến hết đêm là được phép, hay là không được phép? Vật dùng suốt đời (trộn lẫn) với vật dùng đến hết đêm là được phép, hay là không được phép? Vật dùng suốt đời

(trộn lẫn) với vật dùng trong bảy ngày là được phép, hay là không được phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, vật dùng đến hết đêm (trộn lẫn) với vật dùng đến hết ngọ (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng trong bảy ngày (trộn lẫn) với vật dùng đến hết ngọ (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng suốt đời (trộn lẫn) với vật dùng đến hết ngọ (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Này các tỳ khưu, vật dùng trong bảy ngày (trộn lẫn) với vật dùng đến hết đêm (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Vật dùng suốt đời (trộn lẫn) với vật dùng đến hết đêm (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Này các tỳ khưu, vật dùng suốt đời (trộn lẫn) với vật dùng trong bảy ngày (nếu) được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong bảy ngày, không được phép khi bảy ngày đã trôi qua.”

Dứt chương Được Phâm là thứ sáu.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Vào mùa thu, vào lúc phi thời nữa, mỗi thứ vật, các loại rễ cây, với các loại bột nghiền, các loại nước sắc, lá cây, trái cây, nhựa cây, và muối gồm sáu loại.

2. Bột tắm, cái rây bột, và thịt sống, thuốc bôi, bột nghiền nát, hộp thuốc bôi đặc biệt, không được đầy lại, que bôi thuốc, hộp đựng que bôi thuốc.

3. Túi đựng, có dây mang vai, sợi chỉ, đầu xoa ở đầu, và lỗ mũi, cái muỗng đặt ở mũi, và ống dẫn khói, nắp đây, túi kép.

4. Và rượu trong các loại đầu nấu, được thêm vào quá nhiều, thuốc thoa, bình chứa, hơi nóng, và của nhiều loại lá cây, nhiều hơi nóng, và nước nấu của nhiều loại lá cây là tương tự.

5. Bể nước ngâm, và trích máu, ống sừng, thuốc cao bôi chân, sự phòng ngừa, dao mổ, và nước làm đông máu, cao hạt mè, vải cầm máu.

6. Vải băng vết thương, và bột mù-tạt, việc xông khói, và mảnh sứ, đầu xúc vết thương, băng vải, vật dơ, và việc thợ lãnh.

7. (Uống) phân, trong lúc làm, và đất ở lưỡi cày, nước tro, (hợp chất) nước tiểu và trái haritakī, (mỡ có) mùi thơm, và luôn cả thuốc xổ, nước súp không chất béo, thêm chút ít chất béo.

8. Nước luộc thịt, hang núi, tu viện, năm trăm người, đường, đậu mugga, và cháo chua, tự mình nấu, nấu lại.

9. Ngài đã cho phép lần nữa, vào lúc khó khăn về vật thực, và trái cây, mè, và vật nhai, trước bữa ăn, bệnh sốt toàn thân, và được lấy hết hột, bệnh lở loét.

10. Và công việc bơm thụt, và nàng Suppiyā, lại thêm chuyện thịt người, voi, ngựa, và chó nhà, rắn, sư tử, và beo.

11. Và thịt gấu rừng, chó sói, chờ đến phiên, và cháo, (đức tin) còn non trẻ, thêm chuyện nữa về đường, vị quan Sunīdha, nhà nghỉ trọ.

12. Sông Gaṅgā, làng Koṭi, sự thuyết giảng về Chân Lý, nàng Ambapālī, và các vị Licchavi, đã được làm có liên quan (đến người thọ dụng), lúc vật thực dễ dàng, Ngài cũng đã ngăn cấm lại.

13. Đám mây đen, vị Yasoja, và Menḍaka, sản phẩm từ loài bò, và vật thực đi đường, đạo sĩ Keṇiya, nước xoài, nước mật, chuối có hột, không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen.

14. Nước dâu, rau xanh và bánh bột, người thợ cạo ở Ātumā, ở Sāvatti, trái cây, hột giống, thuộc về trường hợp nào, và (vật thực) liên quan đến thời gian.”

--ooOoo--

VII. CHƯƠNG KATHINA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, tất cả là các vị chuyên ngụ ở rừng, tất cả là các vị chuyên đi khất thực, tất cả là các vị mặc y may từ vải dơ bị quăng bỏ, tất cả là các vị chỉ sử dụng ba y. Trong khi đang đi đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa (an cư) mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa (an cư) mưa ở Sāvatti. Các vị đã vào mùa (an cư) mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình.

3. Các vị đã sống qua mùa (an cư) mưa với vẻ phiền muộn (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta cách đây chỉ sáu do tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn.”

4. Sau đó, khi đã sống qua mùa (an cư) mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, các vị tỳ khưu ấy với các y bị đầm nước và có dáng điệu mệt mỏi đã đi đến thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đã sống qua mùa (an cư) mưa có được thoải mái, có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau

không? Và các người có không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực không?”

6. - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con đã sống qua mùa (an cư) mưa có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực. Bạch ngài, trường hợp chúng con là các tỳ khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, trong khi đang đi đến Sāvattthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa (an cư) mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa (an cư) mưa ở Sāvattthi. Chúng con đã vào mùa (an cư) mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình. Bạch ngài, chúng con đây đã sống qua mùa (an cư) mưa với vẻ phiền muộn (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta cách đây chỉ sáu do tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn.’ Bạch ngài, sau khi đã sống qua mùa (an cư) mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, chúng con đã đi đường xa đến với các y bị đầm nước và có đáng vẻ mệt mỏi.”

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thành tựu *Kāṭhina* đến các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa. Này các tỳ khưu, khi các người có *Kāṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ trở thành được phép: việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo (đủ ba y), sự thọ thực thành nhóm, (được sử dụng nhiều) y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này các tỳ khưu, khi các người có *Kāṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ được phép đối với các người.

8. Và này các tỳ khưu, Kāṭhina nên được thành tựu như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải Kāṭhina này đã được phát sanh đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên trao vải Kāṭhina này đến vị tỳ khưu tên (như vậy) để thành tựu Kāṭhina. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải Kāṭhina này đã được phát sanh đến hội chúng. Hội chúng trao vải Kāṭhina này đến vị tỳ khưu tên (như vậy) để thành tựu Kāṭhina. Đại đức nào đồng ý việc trao vải Kāṭhina này đến vị tỳ khưu tên (như vậy) để thành tựu Kāṭhina xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vải Kāṭhina này đã được hội chúng trao đến vị tỳ khưu tên (như vậy) để thành tựu Kāṭhina. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

9. Này các tỳ khưu, như vậy là Kāṭhina được thành tựu, như vậy là không được thành tựu. Và này các tỳ khưu, thế nào là Kāṭhina không được thành tựu? Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu về chiều dài, chiều rộng. Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn giặt. Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn cắt theo sự đã tính toán. Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. Kāṭhina không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm

dấu. *Kāṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. *Kāṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm miếng vải viền. *Kāṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm đường viền quanh. *Kāṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kāṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kāṭhina* không được thành tựu do sự ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kāṭhina* không được thành tựu do sự giảng giải về *Kāṭhina* rồi kêu gọi. *Kāṭhina* không được thành tựu với y được mượn tạm thời. *Kāṭhina* không được thành tựu với sự tích trữ. *Kāṭhina* không được thành tựu do sự hủy bỏ vì để qua đêm. *Kāṭhina* không được thành tựu với sự không làm thành được phép tức là không làm dấu hoại y. *Kāṭhina* không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. *Kāṭhina* không được thành tựu với y không phải là thượng y (y vai trái). *Kāṭhina* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kāṭhina* không được thành tựu với y không phải là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kāṭhina* không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kāṭhina* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vì tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới, như vậy *Kāṭhina* vẫn không được thành tựu. Đây các tỳ khuu, như thế ấy là *Kāṭhina* không được thành tựu.

[Hai mươi bốn điều kiện]

10. Và này các tỳ khưu, thế nào là *Kāṭhina* được thành tựu? *Kāṭhina* được thành tựu với (vải) mới (chưa được sử dụng). *Kāṭhina* được thành tựu với (vải) được xem như mới. *Kāṭhina* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kāṭhina* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kāṭhina* được thành tựu với vải đã được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kāṭhina* được thành tựu với sự không ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kāṭhina* được thành tựu không do sự giảng giải về *Kāṭhina* rồi kêu gọi. *Kāṭhina* được thành tựu với sự làm không phải là với y được mượn tạm thời. *Kāṭhina* được thành tựu với sự không tích trữ. *Kāṭhina* được thành tựu do không để qua đêm. *Kāṭhina* được thành tựu với với sự làm thành được phép tức là làm dấu hoại y. *Kāṭhina* được thành tựu với y hai lớp. *Kāṭhina* được thành tựu với thượng y (y vai trái). *Kāṭhina* được thành tựu với y nội. *Kāṭhina* được thành tựu với y là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kāṭhina* được thành tựu do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kāṭhina* đã được thành tựu đúng đắn và vị tùy hỷ việc ấy đứng trong ranh giới, như vậy *Kāṭhina* được thành tựu. Này các tỳ khưu, như thế ấy là *Kāṭhina* được thành tựu.

[Mười bảy điều kiện]

1. Và này các tỳ khưu, thế nào là *Kāṭhina* hết hiệu lực? Này các tỳ khưu, đây là tám tiêu đề về sự hết hiệu lực của *Kāṭhina*: ‘Do sự ra đi, do (y) được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được (tin), do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc.’

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y đã được làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (1)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (2)

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

6. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi.’¹ Sự việc nghe

¹ Vấn đề thu hồi *Kāṭhina* được ghi lại ở điều *pācittiya* 30 của tỳ khưu ni (Xem *Bhikkhunī-vibhaṅga* - Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni, TTPV 03, các trang 204-207; TTVN tập 03, từ trang 182).

được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (5)

7. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (6)

8. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khuru ấy là chung (lược) với các vị tỳ khuru. (7)

Dứt nhóm bảy về ‘cầm lấy.’

1. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y đã được làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (1)

2. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (2)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (5)

6. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về,’ và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (6)

7. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết

hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lượt) với các vị tỳ khưu. (7)

Dứt nhóm bảy về ‘mang theo.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (1)

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (2)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (5)

6. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lược) với các vị tỳ khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về ‘cầm lấy.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (1)

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (2)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh

giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

4. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói Kāṭhina tại trú xứ ấy đã được thấu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

5. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ và chờ đợi sự hết hiệu lực Kāṭhina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (5)

6. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực Kāṭhina đã đến. Sự hết hiệu lực Kāṭhina của vị tỳ khưu ấy là chung (lượt) với các vị tỳ khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về ‘mang theo.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (1)

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (2)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về ‘cầm lấy’ 1]

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (5)

6. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về ‘cầm lấy’ 2]

7. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (7)

8. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (8)

9. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự

việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (9)

[Nhóm ba về ‘cầm lấy’ 3]

10. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (10)

11. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (11)

12. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (12)

13. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thấu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (13)

14. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (14)

15. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y (chưa được làm), ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lướt) với các vị tỳ khưu. (15)

[Nhóm sáu về ‘cầm lấy’]

[Dứt nhóm mười lăm về ‘cầm lấy’]

16. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y (chưa được làm), ra đi. —nt— (Tương tự như ở trường hợp ‘cầm lấy,’ nên giải thích chi tiết như thế).

[Nhóm mười lăm về ‘mang theo’ được giản lược]

17. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự

việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (Tương tự như ở trường hợp ‘mang theo,’ nên giải thích chi tiết như thế).

**[Nhóm mười lăm về ‘cắm lấy y chưa làm xong’
được giản lược]**

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (1)

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (2)

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về ‘mang theo y chưa làm xong’ 1]

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở

về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (4)

5. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (5)

6. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về ‘mang theo y chưa làm xong’ 2]

7. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy. (7)

8. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh

giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (8)

9. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (9)

[Nhóm ba về ‘mang theo y chưa làm xong’ 3]

10. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (10)

11. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy. (11)

12. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang

được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (12)

13. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (13)

14. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy. (14)

15. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong, ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lượt) với các vị tỳ khưu. (15)

[Nhóm sáu về ‘mang theo y chưa làm xong’]

[Nhóm mười lăm về ‘mang theo y chưa làm xong’]

Dứt tụng phẩm ‘cầm lấy.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

5. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy.

6. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy.

7. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy.

8. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về

y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

9. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

10. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

11. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y

ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

12. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

Dứt nhóm mười hai về ‘không như ý mong mỏi.’

1. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

2. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự

việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thấu hồi.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Bởi vì *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thấu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

6. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Bởi vì *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

7. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Bởi vì *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

8. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Bởi vì *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy.

Niềm mong mỗi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỗi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

9. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỗi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỗi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỗi và không nhận được không như ý mong mỗi. Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, nghe được (tin) rằng: ‘Nghe nói *Kāṭhina* tại trú xứ ấy đã được thâu hồi.’ Sự việc nghe được (tin) là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

10. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỗi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỗi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỗi về y ấy. Niềm mong mỗi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỗi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

11. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỗi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỗi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỗi và không nhận được không như ý mong mỗi. Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

12. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỗi về y (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã

đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lược) với các vị tỳ khưu.

Dứt nhóm mười hai về ‘như ý mong mỏi.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh

giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

4. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

5. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

6. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

7. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

8. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

9. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

10. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi

ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

11. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

12. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ trở về’ và vị ấy cũng không khởi ý rằng: ‘Ta sẽ không trở về.’ Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

Dứt nhóm mười hai về ‘có công việc cần làm.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thu thập phần chia về y. Các vị tỳ khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài đã trú mùa (an cư) mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi đã trú mùa (an cư) mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị tỳ khưu rằng: - ‘Này các đại đức, phần chia về y của tôi đâu?’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, đây là phần chia về y của ngài. Ngài sẽ đi đâu vậy?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị tỳ khưu ở đó sẽ làm y cho tôi.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi — nt — Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi — nt — Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thu thập phần chia về y. Các vị tỳ khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài đã trú mùa (an cư) mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi đã trú mùa (an cư) mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị tỳ khưu rằng: - ‘Này các

đại đức, phần chia về y của tôi đâu?’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, đây là phần chia về y của ngài.’ Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị tỳ khưu hỏi vị ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài sẽ đi đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị tỳ khưu ở đó sẽ làm y cho tôi.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy.

5. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thu thập phần chia về y. Các vị tỳ khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài đã trú mùa (an cư) mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi đã trú mùa (an cư) mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị tỳ khưu rằng: - ‘Này các đại đức, phần chia về y của tôi đâu?’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, đây là phần chia về y của ngài.’ Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị tỳ khưu hỏi vị ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài sẽ đi đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị tỳ khưu ở đó sẽ làm y cho tôi.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kāṭhina đối với vị tỳ khưu ấy.

6. Vị tỳ khưu có Kāṭhina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi –nt– ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người)

làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

7. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thu thập phần chia về y. Các vị tỳ khuru đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: - ‘Này đại đức, ngài đã trú mùa (an cư) mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?’ Vị ấy nói như vậy: - ‘Tôi đã trú mùa (an cư) mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy.’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây.’ Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị tỳ khuru rằng: - ‘Này các đại đức, phần chia về y của tôi đâu?’ Các vị ấy nói như vậy: - ‘Này đại đức, đây là phần chia về y của ngài.’ Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Khi đã đi đến trú xứ kia, vị ấy đã khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

8. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi —nt— ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

9. Vị tỳ khuru có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi —nt— ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khuru ấy.

Dứt nhóm chín về ‘chưa thu thập.’

1. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Sự việc (y) được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

2. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ không nhờ (người) làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.’ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

3. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về.’ Khi vị ấy đi khỏi ranh

giới thì khởi ý như vậy: ‘Ta sẽ nhờ (người) làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.’ Vị ấy nhờ (người) làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc (y) bị mất là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

4. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về’ rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kāṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kāṭhina* đối với vị tỳ khưu ấy.

5. Vị tỳ khưu có *Kāṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về.’ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ (người) làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.’ Thời điểm hết hiệu lực *Kāṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kāṭhina* của vị tỳ khưu ấy là chung (lượt) với các vị tỳ khưu.

Dứt nhóm năm về ‘vị có sự trú ngụ thoải mái.’

1. Nay các tỳ khưu, đây là hai điều vương bận (và) hai điều không vương bận của Kāṭhina. Và nay các tỳ khưu, hai điều vương bận của Kāṭhina là gì? Sự vương bận về trú xứ và sự vương bận về y. Và nay các tỳ khưu, thế nào là sự vương bận về trú xứ? Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu hoặc là cư ngụ tại trú xứ ấy hoặc là ra đi với sự mong mỏi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về.’ Nay các tỳ khưu, như vậy là có sự vương bận về trú xứ. Và nay các tỳ khưu, thế nào là sự vương bận về y? Nay các tỳ khưu, trường hợp y của vị tỳ khưu chưa được làm, hoặc là chưa được làm xong, hoặc là niềm mong mỏi về y chưa bị tan vỡ. Nay các tỳ khưu, như vậy là có sự vương bận về y. Nay các tỳ khưu, đây là hai điều vương bận của Kāṭhina.

2. Và nay các tỳ khưu, hai điều không vương bận của Kāṭhina là gì? Sự không vương bận về trú xứ và sự không vương bận về y. Và nay các tỳ khưu, thế nào là sự không vương bận về trú xứ? Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu ra đi từ trú xứ ấy với sự buông bỏ, với sự từ bỏ, với sự dứt bỏ, với sự không quan tâm (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về.’ Nay các tỳ khưu, như vậy là có sự không vương bận về trú xứ. Và nay các tỳ khưu, thế nào là sự không vương bận về y? Nay các tỳ khưu, trường hợp y của vị tỳ khưu đã được làm xong, hoặc bị mất, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y bị tan vỡ. Nay các tỳ khưu, như vậy là có sự không vương bận về y. Nay các tỳ khưu, đây là hai điều không vương bận của Kāṭhina.”

Dứt chương Kāṭhina là thứ bảy.

Trong chương này có mười hai sự việc.

Một trăm mười tám phần mở đầu đã được giản lược.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Ba mươi vị tỳ khưu xứ Pāvā đã trú ở Sāketa với tâm phiến muộn. Trải qua mùa (an cư) mưa, các vị đã đi diện kiến đấng Chiến Thắng với các y bị ẩm nước.

2. Đây là câu chuyện của Kāṭhina và năm điều sẽ trở thành được phép: (ra đi) không phải báo, không mang theo (đủ ba y), tương tự như thế ấy là việc thọ thực thành nhóm.

3. Và (được sử dụng nhiều y) theo như nhu cầu, sự phát sanh (về y) sẽ là của các vị đã được thành tựu. Lời đề nghị, và như vậy là được thành tựu, như vậy là không được thành tựu.

4. Việc được đánh dấu, và luôn cả việc giặt, việc tính toán, và việc cắt, việc kết chỉ tạm, việc may thêm, việc gắn miếng vải làm dấu, việc may chắc chắn, liên quan đến miếng vải viền.

5. Đường viền quanh, đắp lớp nữa, việc nhuộm, dấu hiệu gợi ý, lời giảng giải, mượn tạm thời, sự tích trữ, việc để qua đêm, chưa được phép, trừ ra ba y ấy.

6. Ngoại trừ y năm điều, hoặc nhiều hơn, với việc đã được cắt, có sự kết lại, không (thành tựu) trừ phi là cá nhân, được làm đúng đắn, vị đứng ngoài ranh tùy hỷ, Kāṭhina là không thành tựu, đã được thuyết giảng như thế bởi đức Phật.

7. (Vải) không bị dơ, xem như không bị dơ, tấm choàng cũ, vải quăng bỏ, và vải bỏ ở cửa tiệm, không ra dấu hiệu, việc thuyết giảng, không mượn tạm thời, và không tích trữ.

8. Không để qua đêm, việc đánh dấu đã làm, và tương tự như thế với ba y, năm điều hoặc nhiều hơn thế, đã được cắt, việc kết lại đã được làm.

9. Việc thành tựu do cá nhân, (được làm) đúng đắn, vị đứng trong ranh giới tùy hỷ, như thế là sự thành tựu của Kaṭhina, tám tiêu đề của sự thu hồi.

10. Các vị ra đi, sự hoàn tất, và sự tự mình dứt khoát, việc bị mất, sự nghe được (tín), sự đổ vỡ của niềm mong mỏi, ranh giới, sự thu hồi là thứ tám.

11. Cầm lấy y đã làm, vị đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở lại,’ sự thu hồi về Kaṭhina ấy của vị ấy là liên quan đến sự ra đi.

12. Cầm lấy y (chưa làm) đi ra khỏi ranh giới, vị ấy đã suy nghĩ điều này: ‘Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở lại,’ trong việc được hoàn tất là sự thu hồi Kaṭhina.

13. Cầm lấy, ở ngoài ranh giới, không có ý định: ‘Ta sẽ không trở về,’ sự thu hồi về Kaṭhina ấy của vị ấy là liên quan đến việc tự mình dứt khoát.

14. Cầm lấy y ra đi khỏi ranh giới đã suy nghĩ điều này: ‘Ta sẽ nhờ làm, và sẽ không trở về,’ trong khi làm (y) của vị ấy bị mất, sự thu hồi về Kaṭhina ấy của vị ấy là liên quan đến sự bị mất.

15. Cầm lấy (y) rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về,’ rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, rồi nghe tin Kāṭhina ở nơi kia đã được thu hồi, sự thu hồi về Kāṭhina ấy của vị ấy là liên quan đến việc nghe.

16. Cầm lấy (y) rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về,’ rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, chờ đợi ở bên ngoài, sự thu hồi về Kāṭhina ấy của vị ấy là liên quan đến sự vượt qua ranh giới.

17. Cầm lấy (y) rồi ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về,’ rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về,’ đã đến thời của việc thu hồi Kāṭhina, sự thu hồi về Kāṭhina ấy của vị ấy sanh lên đồng một lượt với các vị tỳ khưu.

18. Cầm lấy và mang theo, có bảy, và bảy phương thức đường lối, những trường hợp ra đi với y chưa làm xong là không có đường lối ở nhóm sáu.

19. Cầm lấy (y) rồi đi ra khỏi ranh, sanh khởi ý rằng: ‘Ta sẽ nhờ làm,’ có ba điều này: sự làm xong, sự tự mình dứt khoát, và sự bị mất.

20. Cầm lấy (y và nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới,’ có ba điều này: sự làm xong, sự tự mình dứt khoát, và sự bị mất. Do còn chưa quyết định vị ấy cũng không khởi ý, có ba đường lối hướng dẫn ở bên dưới.

21. Cầm lấy (y) và ra đi (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới,’ vị nhờ làm (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không trở về,’ khi việc hoàn tất là sự thu hồi về Kāṭhina.

22. Sự tự mình dứt khoát, sự bị mất, nghe được (tin), sự vượt qua ranh giới, được sanh khởi đồng thời cùng với các vị tỳ khưu, như vậy là mười lăm đường lối.

23. Mang theo (y) chưa được làm xong cũng tương tự như là mang theo, bốn trường hợp này đây, toàn bộ có mười lăm đường lối.

24. Không như ý mong mỏi, như ý mong mỏi, và có công việc cần làm, chúng là ba điều, nên hiểu việc ấy theo sự hướng dẫn là ba lượt, mỗi lượt là mười hai, mười hai.

25. Và chưa thân thập là chín ở nơi này, thoải mái có năm phương thức ở nơi kia, điều vướng bận, điều không vướng bận, sự tóm tắt đã được thực hiện theo sự hướng dẫn.”

--ooOoo--

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī được phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, và có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lâu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen. Và có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát, và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền. Và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

2. Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến Vesālī do công việc cần thiết nào đó. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lâu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát, và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền, và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

3. Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, viên thị trưởng thành Rājagaha đã quay về lại thành Rājagaha và đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu bệ hạ, thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn

bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát, và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền, và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. Tâu bệ hạ, tốt đẹp thay nếu chúng ta cũng có thể đào tạo kỹ nữ.” - “Này khanh, như thế thì khanh hãy tìm người con gái tương tự rồi hãy đào tạo nàng trở thành kỹ nữ như thế.”

4. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có người con gái tên Sālavatī là người xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất. Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đào tạo người con gái Sālavatī thành kỹ nữ. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã trở nên có tài năng về múa, hát, và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, và nàng qua đêm với giá đến một trăm tiền.

5. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã mang thai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã khởi ý điều này: “Đàn bà mang thai đâu còn được đàn ông ưa thích. Nếu có người biết về ta rằng: ‘Kỹ nữ Sālavatī mang thai’ thì toàn bộ sự trọng vọng đối với ta đều sẽ mất. Hay là ta nên cáo bệnh?” Sau đó, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người gác cổng rằng: - “Này chú em gác cổng, chớ để bất cứ người đàn ông nào vào. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: ‘Bị bệnh.’” - “Thưa cô chủ, xin vâng.” Người gác cổng ấy đã đáp lại nàng kỹ nữ Sālavatī. Sau đó, đến lúc phát triển đầy đủ của bào thai ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã sanh ra đứa bé trai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người tớ gái rằng: - “Này em, giờ hãy đặt đứa bé trai này vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đồng rác.” - “Thưa cô chủ,

xin vâng.” Rồi người tớ gái ấy nghe theo nàng kỹ nữ Sālavatī đã đặt đứa bé trai ấy vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đồng rác.

6. Vào lúc bấy giờ, vị vương tử tên Abhaya trong khi đi phục vụ đức vua vào lúc sáng sớm đã nhìn thấy đứa bé trai ấy đang bị bày quạ bu quanh, sau khi nhìn thấy đã hỏi mọi người rằng: - “Này các khanh, vật gì bị bày quạ bu quanh vậy?” - “Thưa ngài, đứa bé trai.” - “Này các khanh, còn sống không?” - “Thưa ngài, còn sống.” - “Này các khanh, như thế thì hãy mang đứa bé trai ấy về hậu cung của chúng ta và giao cho các vú nuôi chăm sóc.” - “Thưa ngài, xin vâng.” Rồi những người ấy nghe theo vương tử Abhaya đã mang đứa bé trai ấy về hậu cung của vương tử Abhaya rồi giao cho các vú nuôi (nói rằng): - “Các người hãy chăm sóc.” Lời đã nói về đứa bé là “còn sống,” nên họ đã đặt tên đứa bé là “Jīvaka” (người đang sống). Và bởi vì “được nuôi dưỡng bởi vị vương tử” nên đã được đặt tên là “Komārabhacca.”

7. Sau đó chẳng bao lâu, Jīvaka Komārabhacca đã đạt đến tuổi hiểu biết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với vương tử Abhaya điều này: - “Thưa ngài, ai là mẹ của con, ai là cha của con?” - “Này Jīvaka con, ta cũng không biết mẹ của con; tuy nhiên ta là cha của con vì con đã được ta nuôi dưỡng.” Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Với kẻ không có nghề nghiệp thì các gia đình vương giả này quả là không dễ gì để sống nhờ vả. Hay là ta nên học lấy nghề nghiệp?”

8. Vào lúc bấy giờ, có người thầy thuốc tiếng tăm lẫy lừng sống ở Takkasilā. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca không xin phép vương tử Abhaya đã đi đến Takkasilā gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy

thuốc ấy điều này: - “Thưa thầy, con muốn học nghề.” - “Này Jīvaka con, như vậy thì con có thể học.”

9. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thu tốt đẹp, và đối với anh ta điều đã được học thì không quên đi. Sau đó, khi trải qua bảy năm Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Ta học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thu tốt đẹp, và đối với ta điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi ta đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?”

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này: - “Thưa thầy, con học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thu tốt đẹp, và đối với con điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi con đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?” - “Này Jīvaka con, như vậy thì con hãy cầm lấy cái thuổng đi dạo xung quanh Takkasilā một do tuần, nếu con thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm thì hãy đem vật ấy về.” - “Thưa thầy, xin vâng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo người thuốc ấy đã cầm lấy cái thuổng, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do tuần, đã không nhìn thấy bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.

11. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này: - “Thưa thầy, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do tuần, con đã không thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.” - “Này Jīvaka con, con đã học xong. Bấy nhiêu đó đã đủ cho cuộc sống của con

rồi.” Rồi (người thầy thuốc ấy) đã trao cho Jīvaka Komārabhacca chút ít (tiền) dự phòng đi đường.

12. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca sau khi nhận lấy chút ít (tiền) dự phòng đi đường rồi đã ra đi về phía thành Rājagaha. Sau đó, vào khoảng giữa cuộc hành trình, ở Sāketa chút ít (tiền) dự phòng đi đường ấy đã hết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Những con đường này hoang vắng, ít nước, ít thức ăn, không có (tiền) dự phòng đi đường không phải dễ dàng để đi, hay là ta nên kiếm (tiền) dự phòng đi đường?”

13. Vào lúc bấy giờ, ở Sāketa có người vợ của nhà đại phú bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi vào Sāketa và hỏi dân chúng rằng: - “Này các người, ai bị bệnh? Tôi chữa trị cho ai đây?” - “Này ông thầy, người vợ nhà đại phú kia bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Này ông thầy, hãy đi và chữa trị cho người vợ nhà đại phú.”

14. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến tư gia của vị đại phú, sau khi đến đã bảo người gác cổng rằng: - “Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: ‘Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà.’” - “Thưa thầy, xin vâng.” Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này: - “Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà.” - “Này chú gác cổng, người thầy thuốc ra làm sao?” - “Thưa bà, còn trẻ lắm.” - “Này chú gác cổng, thôi đi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi.”

15. Sau đó, người gác cổng ấy đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, người vợ nhà đại phú đã nói như vậy: ‘Này chú gác cổng, thôi đủ rồi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lòng lầy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi.’”

16. - “Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: ‘Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vậy: Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.’” - “Thưa thầy, xin vâng.” Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này: - “Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vậy: ‘Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.’” - “Này chú gác cổng, như thế thì hãy để người thầy thuốc đi đến.” - “Thưa bà, xin vâng.” Rồi người gác cổng ấy nghe theo người vợ nhà đại phú đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, người vợ nhà đại phú cho gọi thầy.”

17. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người vợ nhà đại phú rồi nói với người vợ nhà đại phú điều này: - “Thưa bà, tôi cần một bụm tay bơ lỏng.” Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã bảo người trao cho Jīvaka Komārabhacca một bụm tay bơ lỏng. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bụm tay bơ lỏng ấy với nhiều loại dược phẩm rồi bảo người vợ nhà đại phú nằm ngửa ở trên cái giường nhỏ và cho vào theo đường mũi.

Sau đó, bơ lỏng đã được cho vào theo đường mũi ấy đã đi ra theo đường miệng. Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã nhổ bơ lỏng ấy vào vật đựng rồi bảo người tớ gái rằng: - “Này em, hãy thu hồi lại bơ lỏng này bằng lớp gòn.”

18. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?”

19. Khi ấy, sau khi xem xét sự biến đổi diện mạo của Jīvaka Komārabhacca, người vợ nhà đại phú ấy đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, sao thầy có vẻ lo âu vậy?” - “Trong trường hợp này, tôi đã khởi ý điều này: ‘Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?’” - “Thưa thầy, chúng tôi, được gọi là gia chủ, hiểu về điều này là sự tiết kiệm. Bơ lỏng ấy là thuốc xoa chân rất tốt cho các tôi tớ và các người làm công, hay là dầu cho việc đốt đèn. Thưa thầy, thầy chớ có lo âu. Vật thưởng công cho thầy sẽ không phải bỏ phí.”

20. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt chứng bệnh đau đầu bảy năm của người vợ nhà đại phú chỉ bằng mỗi một việc làm ở mũi. Sau đó, người vợ nhà đại phú, được khỏi bệnh, đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người con trai (nghĩ rằng): “Mẹ ta đã khỏi bệnh!” nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người con dâu (nghĩ rằng): “Mẹ chồng ta đã khỏi bệnh!” nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người gia chủ đại phú (nghĩ rằng): “Vợ ta đã khỏi bệnh!” nên đã thưởng cho Jīvaka

Komāra-bhacca bốn ngàn, đưa tôi trai, (đưa tớ gái), và chiếc xe ngựa.

21. Sau đó, Jivaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy, đưa tôi trai, đưa tớ gái, và chiếc xe ngựa rồi ra đi đến thành Rājagaha. Theo tuần tự, Jivaka Komārabhacca đã đi đến thành Rājagaha gặp vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với vương tử Abhaya điều này: - “Thưa ngài, đây là công việc đầu tiên của con gồm có mười sáu ngàn, đưa tôi trai, đưa tớ gái, và chiếc xe ngựa. Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lấy cho việc đã nuôi dưỡng con.” - “Này Jivaka con, thôi đi, hãy để cho chính con. Con hãy cho xây tư thất ở hậu cung của chính chúng ta.” - “Thưa ngài, xin vâng.” Rồi Jivaka Komārabhacca nghe theo vương tử Abhaya đã cho xây tư thất ở hậu cung.

22. Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị bệnh trĩ. Các vảy choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: - “Bữa nay, chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của chúa công đã có. Chẳng bao lâu chúa công sẽ sanh con.” Vì chuyện ấy, đức vua bị xấu hổ.

23. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với vương tử Abhaya điều này: - “Này khanh Abhaya, trẫm có bệnh giống như vậy. Các vảy choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: ‘Bữa nay, chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của chúa công đã có. Chẳng bao lâu chúa công sẽ sanh con.’ Này khanh Abhaya, người nào có thể chữa trị cho trẫm thì hãy tìm thầy thuốc hạng như thế ấy.” - “Tâu bệ hạ, Jivaka này của thần là thầy thuốc trẻ, giỏi giang, cậu ta sẽ chữa trị cho bệ hạ.” - “Này khanh Abhaya, như thế thì hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jivaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho trẫm.”

24. Sau đó, vương tử Abhaya đã truyền lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng: - “Này Jīvaka con, hãy đi và chữa trị cho đức vua.” - “Thưa ngài, xin vâng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo vương tử Abhaya sau khi nhét được phẩm vào trong móng tay rồi đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu bệ hạ, chúng ta hãy xem bệnh.”

25. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt căn bệnh rò rỉ của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha chỉ bằng mỗi một liều thuốc thoa. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, được khỏi bệnh, đã cho người trang điểm năm trăm người nữ với tất cả các đồ trang sức, xong bảo tháo ra, cho chắt thành đồng, rồi đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Này khanh Jīvaka, tất cả các đồ trang sức này từ năm trăm người nữ là của khanh.” - “Tâu bệ hạ, thôi đi, chỉ xin bệ hạ hãy nhớ cho chức vụ của thần.” - “Này khanh Jīvaka, như vậy thì khanh hãy phục vụ trăm, các cung phi, và hội chúng có đức Phật đứng đầu.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Jīvaka Komārabhacca đã trả lời đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

26. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha bị bệnh đau đầu đã được bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lòng lầy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Hơn nữa, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vậy: “Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết.” Một số thầy thuốc đã nói như vậy: “Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết.”

27. Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã khởi ý điều này: “Người gia chủ đại phú này có nhiều cống hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị

các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết.’ Một số thầy thuốc đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết.’ Và thầy thuốc Jīvaka này của đức vua là trẻ tuổi, giỏi giang, hay là chúng ta nên cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú vậy?”

28. Sau đó, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu bệ hạ, người gia chủ đại phú này có nhiều công hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết.’ Một số thầy thuốc đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết.’ Tâu bệ hạ, tốt đẹp thay xin bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú.” Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng: - “Này khanh Jīvaka, hãy đi và chữa trị cho người gia chủ đại phú.”

29. - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người gia chủ đại phú rồi đã nói với người gia chủ đại phú điều này: - “Này gia chủ, nếu tôi chữa cho ông khỏi bệnh, vật thưởng công cho tôi sẽ là cái gì đây?” - “Thưa thầy, tất cả tài sản sẽ là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy.” - “Này gia chủ, vậy ông có thể nằm một bên hông trong bảy tháng không?” - “Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, vậy ông có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng không?” - “Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia

trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, vậy ông có thể nằm ngửa trong bảy tháng không?” - “Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng.”

30. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã bảo người gia chủ đại phú nằm xuống trên cái giường nhỏ, sau khi buộc chặt vào cái giường nhỏ rồi đã cắt làn da đầu, tách đôi vết mổ, rồi lôi ra hai con sâu đưa cho mọi người thấy (nói rằng): - “Các người có thể nhìn xem hai con sâu một nhỏ một lớn này. Các vị thầy nào đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết,’ các vị ấy đã nhìn thấy con sâu lớn này trong năm ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng. Còn các vị thầy nào đã nói như vậy: ‘Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết,’ các vị ấy đã nhìn thấy con sâu nhỏ này trong bảy ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca đã khép lại vết mổ, khâu lại làn da đầu, rồi bôi thuốc mỡ vào.

31. Sau đó, khi trải qua bảy ngày người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: ‘Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng’ hay sao?” - “Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, như thế thì người hãy nằm bên hông kia trong bảy tháng.”

32. Sau đó, khi trải qua bảy ngày người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.” -

“Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: ‘Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng’ hay sao?” - “Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, như thế thì người hãy nằm ngửa trong bảy tháng.”

33. Sau đó, khi trải qua bảy ngày người gia chủ đại phú đã nói với Jivaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: ‘Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng’ hay sao?” - “Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.” - “Này gia chủ, nếu tôi không nói điều ấy thì ông không thể nằm được chừng này. Hơn nữa, tôi đã tính trước và biết rằng: ‘Với ba lần bảy ngày, người gia chủ đại phú sẽ khỏi bệnh.’ Này gia chủ, hãy đứng dậy, ông đã khỏi bệnh. Ông hãy biết vật thưởng công cho tôi là cái gì?” - “Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi là đầy tớ của thầy.” - “Này gia chủ, thôi đi. Ông chớ có cho tôi tất cả tài sản và chớ có là đầy tớ của tôi. Hãy trao cho đức vua một trăm ngàn và tôi một trăm ngàn.” Sau đó, người gia chủ đại phú, được khỏi bệnh, đã trao cho đức vua một trăm ngàn và Jivaka Komārabhacca một trăm ngàn.

34. Vào lúc bấy giờ, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī trong lúc chơi giỡn trò nhào lộn bị bệnh xoắn ruột. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện đại tiện cũng không bình thường. Do đó, cậu ấy trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

35. Khi ấy, nhà đại phú thành Bārāṇasī đã khởi ý điều này: “Con trai ta có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay

cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai ta trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Hay là ta nên đi đến thành Rājagaha cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của ta vậy?”

36. Sau đó, nhà đại phú ở Bārāṇasī đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu bệ hạ, con trai thần có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai thần trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Tâu bệ hạ, tốt lành thay xin bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của thần.”

37. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng: - “Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Bārāṇasī khanh hãy chữa trị cho con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi Bārāṇasī gặp người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī rồi bảo mọi người tránh đi, dùng màn che vây kín lại, cột chặt (người con trai) vào cây cột nhà, bảo người vợ đứng ở phía trước, rồi cắt làn da ở bụng, lấy ruột ra, đưa cho người vợ thấy (nói rằng): - “Hãy nhìn xem bệnh của tướng công bà. Vì điều này mà ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm

chí việc tiểu tiện đại tiện cũng không bình thường. Vì điều này, người này trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.” Rồi Jīvaka Komārabhacca đã gỡ rời phần ruột bị xoắn, đặt các thứ ruột vào trở lại, khâu lại làn da bụng, rồi bôi thuốc mỡ vào.

38. Sau đó cũng chẳng bao lâu, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī đã được khỏi bệnh. Khi ấy, nhà đại phú ở Bārāṇasī (nghĩ rằng): “Con trai ta đã được khỏi bệnh” rồi đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca mười sáu ngàn. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy rồi quay trở về lại thành Rājagaha.

39. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pajjota bị bệnh vàng da. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lòng lầy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Sau đó, đức vua Pajjota đã phái sứ giả đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha (nói rằng): - “Quả là tôi bị bệnh như thế này. Tôi bệ hạ, tốt đẹp thay xin bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho tôi.”

40. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng: - “Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Ujjenī khanh hãy chữa trị cho đức vua Pajjota.” - “Tôi bệ hạ, xin vâng.” Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi Ujjenī gặp đức vua Pajjota, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của đức vua Pajjota rồi đã nói điều này: - “Tôi bệ hạ, thân sẽ đun sôi bơ lỏng và bệ hạ sẽ uống thứ ấy.” - “Này khanh Jīvaka, thôi đi. Người hãy làm khỏi bệnh bằng cách nào mà có thể không dùng bơ lỏng. Đối với ta, bơ lỏng ghê tởm và không thích hợp.”

41. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Bệnh của vị vua này là như thế ấy; không dùng bơ lỏng không thể nào làm khỏi bệnh được. Hay là ta nên nấu sôl bơ lỏng có màu cam, có hương của cam, và có vị của cam?” Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôl bơ lỏng có màu cam, có hương của cam, và có vị của cam với nhiều loại được phẩm.

42. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Đối với vị vua này, bơ lỏng đã được uống vào, trong khi được tiêu hóa, sẽ làm ợ chua. Vị vua này thì tàn bạo có thể cho người giết ta, hay là ta nên hỏi phòng xa trước?”

43. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức vua Pajjota, sau khi đến đã nói với đức vua Pajjota điều này: - “Tâu bệ hạ, những người thầy thuốc chúng tôi nhớ các thứ rễ cây, thu hoạch các thứ được phẩm vào thời điểm thích hợp. Tốt đẹp thay xin bệ hạ hãy ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: ‘Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó.’”

44. Sau đó, đức vua Pajjota đã ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: - “Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó.”

45. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pajjota có con voi cái tên là Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do tuần. Rồi Jīvaka Komārabhacca đã đem lại bơ lỏng cho đức vua Pajjota (nói rằng): - “Xin bệ hạ hãy uống cam.” Sau đó, khi đã cho đức vua Pajjota uống bơ lỏng xong, Jīvaka

Komārabhacca đã đi đến chuồng voi và tẩu thoát thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā.

46. Sau đó, khi đã được đức vua Pajjota uống vào và trong khi tiêu hóa, bơ lỏng ấy đã làm ợ chua. Khi ấy, đức vua Pajjota đã nói với mọi người điều này: - “Này các khanh, Jivaka xảo trá đã làm cho trẫm phải uống bơ lỏng. Chính vì thế, các khanh hãy truy nã thầy thuốc Jivaka.” - “Tâu bệ hạ, thầy thuốc đã tẩu thoát thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā rồi.”

47. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pajjota có nam nô lệ tên là Kāka đã được sanh ra có nguồn gốc phi nhân có thể đi sáu mươi do tuần. Khi ấy, đức vua Pajjota đã ra lệnh cho nô lệ Kāka rằng: - “Này khanh Kāka, hãy đi và hãy bảo thầy thuốc Jivaka rằng: ‘Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về.’ Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng quỷ quyệt. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta.”

48. Sau đó, vào khoảng giữa đường đi tại thành Kosambi, người nô lệ Kāka đã bắt gặp Jivaka Komārabhacca đang dùng điểm tâm. Khi ấy, người nô lệ Kāka đã nói với Jivaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về.” - “Này chú em Kāka, hãy chờ cho ta ăn. Này chú em Kāka, người cũng nên ăn đi.” - “Thưa thầy, thôi đi. Tôi đã được đức vua ra lệnh rằng: ‘Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng xảo trá. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta.’”

49. Vào lúc bấy giờ, Jivaka Komārabhacca đã dùng móng tay khảy lấy (chút) dước phẩm rồi ăn trái cây *āmalaka* và uống nước. Khi ấy, Jivaka Komārabhacca đã nói với nô lệ Kāka điều này: - “Này chú em Kāka, người hãy ăn trái cây *āmalaka* và nên uống nước.” Khi ấy, nô lệ

Kāka (nghĩ rằng): “Thầy thuốc này ăn trái cây *āmalaka* và uống nước. Xem ra không có điều gì là quý quyết cả” rồi đã ăn nửa trái *āmalaka* và uống nước. Khi người nô lệ ấy vừa ăn vào nửa phần của trái *āmalaka* ấy liền bị ói ra ngay tại chỗ ấy.

50. Khi ấy, nô lệ Kāka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Thưa thầy, tôi có còn mạng sống không?” - “Này chú em Kāka, chớ có sợ. Rồi chính người sẽ được khỏi bệnh. Còn đức vua thì tàn bạo, đức vua ấy cũng có thể ra lệnh giết ta; vì thế ta không quay trở lại.” Sau khi bảo nô lệ Kāka dẫn đi con voi cái Bhaddavatikā, Jīvaka Komārabhacca đã ra đi về phía thành Rājagaha, tuần tự đã đi đến thành Rājagaha gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy cho đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. - “Này khanh Jīvaka, khanh đã làm tốt lắm, là việc khanh đã không quay trở về. Đức vua ấy tàn bạo cũng có thể ra lệnh giết khanh.”

51. Sau đó, đức vua Pajjota, được khỏi bệnh, đã phái sứ giả đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca (nói rằng): - “Jīvaka hãy đi đến. Trẫm sẽ ban đặc ân.” - “Thưa ngài, thôi đi. Chỉ xin đức vua nhớ cho chúc vạ của thần.”

52. Vào lúc bấy giờ, có xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi được phát sanh đến đức vua Pajjota. (Đây) là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý, và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Sau đó, đức vua Pajjota đã phái người đem xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy ban cho Jīvaka Komārabhacca.

53. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này đã được đức vua

Pajjota gởi đến cho ta, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý, và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi; không ai xứng đáng với vật này, ngoại trừ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy, hay là đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.”

54. Vào lúc bấy giờ, cơ thể của đức Thế Tôn bị tiết ra dịch chất dơ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo với đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.”

55. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.” - “Thưa ngài Ānanda, như thế thì ngài hãy thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày.”

56. Sau đó, khi đã thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày, đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - “Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai đã được thoa dầu, đạo hữu hãy suy nghĩ xem bây giờ là thời điểm của việc gì.”

57. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Đối với ta quả là không thích đáng, là việc ta có thể dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ thô tháo,” nên đã dùng ba nắm sen và nhiều loại dược phẩm trộn lẫn nhau rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dâng lên đức Thế Tôn một nắm sen (nói rằng): - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ nhất này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.” Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ nhì (nói rằng): - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen

thứ nhì này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.” Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ ba (nói rằng): - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ ba này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.” (Rồi nghĩ rằng:) “Như thế đức Thế Tôn sẽ có liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần.” Sau đó, khi đã dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần, Jīvaka Komārabhacca đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

58. Khi ấy, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: “Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. (Do) cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần.”

59. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tâm của Jīvaka Komārabhacca nên đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, ở đây trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: ‘Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. (Do) cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, ngài sẽ tắm; và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần.’ Này Ānanda, như thế thì người hãy chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.” - “Bạch ngài, xin

vàng.” Rồi đại đức Ānanda, nghe theo đức Thế Tôn, đã chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.

60. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn đã được xỏ chưa?” - “Này Jīvaka, ta đã được xỏ.” - “Bạch ngài, ở đây trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, con đã khởi ý điều này: ‘Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xỏ tổng cộng ba mươi lần. (Do) cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xỏ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xỏ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xỏ, ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xỏ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xỏ tổng cộng ba mươi lần.’ Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy tắm, xin đấng Thiện Thệ hãy tắm.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã tắm nước nóng. Khi đã được tắm, (liều thuốc) đã làm đức Thế Tôn xỏ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn đã có được liều thuốc xỏ tổng cộng ba mươi lần.

61. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, cho đến khi cơ thể của đức Thế Tôn trở lại bình thường, cần kiêng đồ khát thực là nước trái cây.”

62. Sau đó chẳng bao lâu, cơ thể của đức Thế Tôn đã được bình thường. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.” - “Này Jīvaka, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước

muốn.” - “Bạch ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.” - “Này Jīvaka, hãy nói đi.” - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ, và hội chúng tỳ khưu (cũng vậy). Bạch ngài, xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con đã được vua Pajjota gởi đến, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý, và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Bạch ngài, xin ngài thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con và cho phép y của gia chủ¹ đến hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi.

63. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

64. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép y của gia chủ. Vị nào thích thì hãy là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ, vị nào thích thì hãy chấp nhận y của gia chủ. Và này các tỳ khưu, ta ngợi khen sự biết đủ (dầu) với loại này hay loại kia.”

65. Rồi dân chúng ở thành Rājagaha đã nghe được rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các tỳ khưu.” Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ phấn chấn (nghĩ rằng): “Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện,

¹ Y của gia chủ (*gahapaticīvaraṃ*) được ngài Buddhaghosa giải thích là: “Y được dâng bởi các gia chủ” (VinA. v, 1119).

bởi vì đức Thế đã cho phép y của gia chủ đến các vị tỳ khưu.” Và chỉ trong một ngày, ở thành Rājagaha nhiều ngàn y đã được phát sanh.

66. Rồi dân chúng trong nước đã nghe được rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị tỳ khưu.” Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ phấn chấn (nghĩ rằng): “Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế đã cho phép y của gia chủ đến các vị tỳ khưu.” Và chỉ trong một ngày, ở trong nước nhiều ngàn y đã được phát sanh.

67. Vào lúc bấy giờ, có tấm vải choàng được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tấm vải choàng.” Có tấm vải choàng bằng tơ lụa được phát sanh. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tấm vải choàng bằng tơ lụa.” Có tấm choàng lông được phát sanh đến hội chúng. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tấm choàng lông.”

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

1. Vào lúc bấy giờ, đức vua xứ Kāsi đã gửi đến Jīvaka Komārabhacca tấm mền len trị giá nửa *kāsi*¹ (hoặc) tương đương với nửa *kāsi*. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy tấm mền len trị giá nửa *kāsi* ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tấm mền len này của con trị giá nửa *kāsi* (hoặc) tương đương với nửa *kāsi* đã được đức vua xứ Kāsi gửi đến. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lãnh tấm mền, điều ấy sẽ đem lại sự lợi ích và sự an lạc lâu dài cho con.” Đức Thế Tôn đã thọ lãnh tấm mền len.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tấm mền len.”

4. Vào lúc bấy giờ, có các y đủ loại phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Loại y nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sáu loại y: loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.”

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích một *kāsi* trị giá một ngàn (VinA. v, 1119).

5. Vào lúc bấy giờ, những vị tỳ khưu nào chấp nhận y của gia chủ, những vị ấy trong lúc ngần ngại không chấp nhận loại vải dơ bị quăng bỏ (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn cho phép chỉ một loại y chứ không phải hai.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị chấp nhận y của gia chủ chấp nhận luôn cả loại vải dơ bị quăng bỏ. Này các tỳ khưu ta ngợi khen sự biết đủ với cả hai loại ấy.”

6. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số tỳ khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số tỳ khưu đã không chờ đợi. Những vị tỳ khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quần tử thi. Những vị tỳ khưu không chờ đợi đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.” Những vị kia đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không chờ đợi?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép không chia phần cho các vị không chờ đợi nếu không muốn.”

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số tỳ khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số tỳ khưu đã chờ đợi. Những vị tỳ khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quần tử thi. Những tỳ khưu chờ đợi đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.” Những vị kia đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không đi vào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chia phần cho các vị đã chờ đợi cho dầu không muốn.”

8. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số tỳ khưu đã đi vào bãi tha ma trước để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số tỳ khưu đã đi

vào sau. Những vị tỳ khưu đi vào bãi tha ma trước đã nhặt được nhiều vải quần tử thi. Những vị tỳ khưu đi vào sau đã không nhặt được. Những vị ấy đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.” Những vị kia đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã đi vào sau?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép không chia phần cho các vị đi vào sau nếu không muốn.”

9. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã đi vào bãi tha ma cùng một lúc để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị tỳ khưu đã nhặt được nhiều vải quần tử thi. Một số vị tỳ khưu đã không nhặt được. Những vị tỳ khưu không nhặt được đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.” Những vị kia đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chia phần cho các vị đi vào cùng một lúc cho đâu không muốn.”

10. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã thỏa thuận với nhau rồi đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị tỳ khưu đã nhặt được nhiều vải quần tử thi. Một số vị tỳ khưu đã không nhặt được. Những vị tỳ khưu không nhặt được đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.” Những vị kia đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chia phần cho các vị đi vào sau khi đã thỏa thuận cho đâu không muốn.”

11. Vào lúc bấy giờ, dân chúng cầm y đi đến tu viện. Trong khi không gặp được vị có trách nhiệm tiếp nhận nên họ mang về. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị tỳ khưu có năm yếu tố: vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (vật) đã được tiếp nhận hay chưa được tiếp nhận.

12. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị tiếp nhận y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’*”

13. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu là các vị tiếp nhận y sau khi thọ lãnh y bỏ ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Y bị mất. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị cất giữ y là vị tỳ khưu có năm yếu tố: vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (vật) đã được cất giữ hay chưa được cất giữ.

14. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội

chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị cất giữ y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị cất giữ y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị cất giữ y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị cất giữ y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’*”

15. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu là các vị cất giữ y cất giữ y ở mái che, ở gốc cây, ở hốc cây *nimba*. Các y bị gặm nhấm bởi các con chuột và loài mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định nhà kho chứa đồ thuộc loại nào mà hội chúng thích, (có thể) là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hoặc hang động.

16. Và này các tỳ khưu, nên được chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên (như vậy) là nhà kho chứa đồ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên (như vậy) là nhà kho chứa đồ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên (như vậy) là nhà kho chứa đồ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Trú xá tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là nhà kho chứa đồ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’*”

17. Vào lúc bấy giờ, y ở trong nhà kho chứa đồ của hội chúng không được bảo quản. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị quản lý nhà kho là vị tỳ khưu có năm yếu tố: vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (vật) đã được bảo quản hay không được bảo quản. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: –nt– *Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị quản lý nhà kho. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.*”

18. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bãi nhiệm vị quản lý nhà kho. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên bãi nhiệm vị giữ nhà kho; vị nào bãi nhiệm thì phạm tội *dukkata*.”

19. Vào lúc bấy giờ, trong nhà kho chứa đồ của hội chúng y được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép hội chúng chia phần theo sự hiện diện.”

20. Vào lúc bấy giờ, toàn thể hội chúng trong lúc chia phần y đã gây ra cảnh náo động. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị chia y là vị tỳ khưu có năm yếu tố: vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (y) đã được phân chia hay chưa được phân chia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: –nt– *Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.*”

21. Sau đó, các tỳ khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: “Y nên được chia như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trước tiên phân loại, phỏng định giá trị, làm cho đồng đều (giá trị), đếm số tỳ khưu, gom lại thành nhóm, rồi xác định phân chia về y.”

22. Khi ấy, các tỳ khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: “Phần chia về y có nên được cho đến các sa di hay không?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cho các sa di một nửa của phần chia về y.”

23. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có ý muốn vượt qua (sông hoặc đoạn đường hoang vắng) với phần chia của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trao cho phần chia của bản thân đến vị đang (chuẩn bị) vượt qua (sông hoặc đoạn đường hoang vắng).”

24. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có ý muốn vượt qua (sông hoặc đoạn đường hoang vắng) với phần chia nhiều hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trao cho phần chia nhiều hơn khi vật đền bù được trao lại.”

25. Sau đó, các tỳ khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: “Phần chia về y nên được trao cho như thế nào, theo thứ tự đi đến hay là theo thâm niên?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép bốc thăm để làm hoan hỷ các vị không được phần.”

26. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhuộm y với phân bò và đất sét đỏ. Y có màu sắc xấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sáu loại thuốc nhuộm: thuốc nhuộm từ rễ cây, thuốc nhuộm

từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây.”

27. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhuộm y với nước lạnh. Y có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nôi nhuộm loại nhỏ để nấu thuốc nhuộm.” Thuốc nhuộm bị tràn ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc vòng để tròn (ở bên trong nôi thuốc nhuộm).”

28. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu không biết thuốc nhuộm đã được nấu hay chưa được nấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nhỏ giọt vào trong nước hoặc ở bề lưng của móng tay.”

29. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu khi đổ thuốc nhuộm ra, cái nôi bị xoay tròn. Cái nôi bị bể. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cái môi múc thuốc nhuộm, cái gàu có cán.”

30. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu không có cái thùng để nhuộm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chậu nhuộm, lu nhuộm.”

31. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu vò nhồi y trong cái đĩa, trong bình bát. Y đã bị thủng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép máng nhuộm.”

32. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu trải y ra ở nền đất. Y bị lấm bụi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thảm cỏ.” Thảm cỏ bị mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sào treo y, dây treo y.” Các vị treo cao lên ở giữa. Thuốc nhuộm chảy ra hai bên. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc ở các góc (y).” Góc (y) bị sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sợi chỉ ở các góc (y).” Thuốc nhuộm chảy ở một bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nhuộm bằng cách đảo y trở qua rồi đảo y trở lại, và không được bỏ đi khi nước chưa ngừng nhỏ giọt.”

33. Vào lúc bấy giờ, y bị cứng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ngâm trong nước.”

34. Vào lúc bấy giờ, y bị thô nhám. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đập bằng bàn tay.”

35. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc các y ca-sa màu ngà voi chưa được cắt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên mặc các y chưa được cắt; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

36. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến Dakkhināgiri. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngăn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh ruộng ở chỗ giao nhau, sau khi nhìn thấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, người có nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha của chúng ta được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngăn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh ruộng ở chỗ giao

nhau không?” - “Bạch ngài, thưa có.” - “Này Ānanda, người có khả năng tạo nên các y có kiểu mẫu như thế cho các vị tỳ khưu không?” - “Bạch Thế Tôn, con có khả năng.”

37. Sau đó, khi đã ngự tại Dakkhināgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, đại đức Ānanda sau khi tự mình tạo nên các y cho nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin Thế Tôn hãy nhìn xem các y con đã tự mình tạo nên.” Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, Ānanda thật sáng trí. Này các tỳ khưu, Ānanda có đại trí tuệ bởi vì vị ấy hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ của điều đã được ta nói ra một cách văn tắt. Vị ấy làm được dải nổi theo chiều dọc (của y), vị ấy làm được dải nổi theo chiều ngang (của y), vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều (của y), vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều (của y), vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều giữa (của y), vị ấy làm được mảnh lớn thuộc các dải điều bên (của y), vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều giữa (của y), vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc các dải điều kế (của y), vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc hai dải điều biên (của y), (như thế y) sẽ được cắt ra, sẵn sù khi được ráp lại, phù hợp với Sa-môn, không còn được mong mỏi bởi những kẻ đối nghịch. Này các tỳ khưu, ta cho phép y hai lớp đã được cắt ra, thượng y đã được cắt ra, y nội đã được cắt ra (rồi ráp lại).”

38. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Vesālī. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều vị tỳ khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai,

các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Những kẻ rồ dại này đã xoay sở được nhiều y thật nhanh chóng, hay là ta nên xác định sự hạn chế về y, (và) nên quy định sự giới hạn về y?”

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại điện thờ Gotamaka. Vào lúc bảy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, đức Thế Tôn đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y; đức Thế Tôn đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ nhì; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ ba; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ tư; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các tỳ khưu, (và) nên cho phép ba y?”

40. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ở đây trong khi đi trên đoạn đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, ta đã nhìn thấy nhiều vị tỳ khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi ngược chiều, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông, sau khi nhìn thấy ta đã khởi ý điều

này: ‘Những kẻ rò dại này đã xoay sở được nhiều y thật mau mắn, hay là ta nên xác định sự hạn chế về y, (và) nên quy định sự giới hạn về y?’

41. Nay các tỳ khưu, ở đây trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, ta đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y; ta đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở ta. Ta đã trùm lên y thứ nhì; ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở ta. Ta đã trùm lên y thứ ba; ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở ta. Ta đã trùm lên y thứ tư; ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, ta đã khởi ý điều này: ‘Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các tỳ khưu, (và) nên cho phép ba y?’ Nay các tỳ khưu, ta cho phép ba y gồm có y *saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một lớp, và y nội một lớp.”

42. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép ba y,” rồi đi vào làng với ba y nọ, mặc ở tu viện với ba y khác, và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?”

43. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: -

“Này các tỳ khưu, không nên cất giữ y phụ trội, vị nào cất giữ thì nên được hành xử theo Pháp.”¹

44. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội được phát sanh đến đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến đại đức Sāriputta. Và đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không được cất giữ y phụ trội.’ Và y phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý muốn dâng y này đến đại đức Sāriputta mà đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Vậy ta nên thực hành như thế nào?” Sau đó, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?” - “Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.”

45. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cất giữ y phụ trội tối đa mười ngày.”

46. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến các tỳ khưu. Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Nên thực hành như thế nào đối với các y phụ trội?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chú nguyện để dùng chung y phụ trội.”

47. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó ở Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, nơi vườn nai.

48. Vào lúc bấy giờ, y nội của vị tỳ khưu nọ bị rách. Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép ba y gồm có y *saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một

¹ Liên quan đến tội *nissaggiya pācittiya* thứ nhất (ND).

lớp, và y nội một lớp. Và y nội này của ta bị rách, hay là ta nên đắp thêm miếng vá, như thế xung quanh sẽ là hai lớp và ở giữa là một lớp?” Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đắp thêm miếng vá. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đang đắp thêm miếng vá, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này tỳ khưu, người làm gì vậy?” - “Bạch Thế Tôn, con đắp thêm miếng vá.” - “Này tỳ khưu, thật tốt thay, thật tốt thay! Này tỳ khưu, thật tốt thay việc người đắp thêm miếng vá!”

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép khi vải còn mới hoặc được xem như mới thì y *saṅghāṭi* là hai lớp, thượng y là một lớp, và y nội là một lớp. Khi các lớp vải đã bị sờn bởi thời gian thì y *saṅghāṭi* là bốn lớp, thượng y là hai lớp, và y nội là hai lớp. Nên thực hiện việc nỗ lực (tìm kiếm) vải dơ bị quăng bỏ hay (được bỏ rơi) ở các cửa tiệm theo như nhu cầu. Này các tỳ khưu, ta cho phép (đắp) miếng vá, (dùng) chỉ mạng, (đắp chồng) lớp nữa, miếng vá nhỏ, và việc may lại cho chắc chắn.”

50. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

51. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi bà Visākhā mẹ của Migāra đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà bằng bài Pháp thoại.

52. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

53. Vào lúc bấy giờ, khi trải qua đêm ấy có đám mây lớn khắp cả bốn châu đã đổ mưa xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, trời mưa ở Jetavana như thế nào thì trời mưa ở bốn châu như thế ấy. Này các tỳ khưu, hãy để cho thân thể ướt đầm nước mưa, đây là trận mưa lớn khắp cả bốn châu lần cuối cùng.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Các vị tỳ khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, có các y đã được cất đi, rồi để cho thân thể ướt đầm nước mưa.”

54. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra sau khi cho chuẩn bị sẵn sàng vật thực hảo hạng loại cứng loại mềm rồi đã bảo người tớ gái rằng: - “Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: ‘Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.’” - “Thưa bà, xin vâng.” Rồi người tớ gái nghe theo bà Visākhā mẹ của Migāra đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị tỳ khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa. Sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “Không có các tỳ khưu nơi tu viện, (chỉ có) các đạo sĩ lỏa thể đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa” rồi đã đi đến gặp bà Visākhā mẹ của Migāra, sau khi đến đã nói với bà Visākhā mẹ của Migāra điều này: - “Thưa bà, không có các tỳ khưu nơi tu viện, (chỉ có) các đạo sĩ lỏa thể đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa.”

55. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: “Chắc hẳn là các ngài đại đức có các y đã được cất đi, và để cho thân thể ướt đầm nước mưa! Cô gái đàn độn này đây đã nghĩ rằng: ‘Không có các tỳ khuu nơi tu viện, (chỉ có) các đạo sĩ lỏa thể đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa,’” nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng: - “Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: ‘Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.’”

56. Khi ấy, các vị tỳ khuu ấy sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình.

57. Sau đó, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện, trong khi không nhìn thấy các vị tỳ khuu (nên nghĩ rằng): “Không có các tỳ khuu nơi tu viện, tu viện thì trống không” rồi đã đi đến gặp bà Visākhā mẹ của Migāra, sau khi đến đã nói với bà Visākhā mẹ của Migāra điều này: - “Thưa bà, không có các tỳ khuu nơi tu viện, tu viện thì trống không.”

58. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: “Chắc hẳn là các ngài đại đức sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, nên đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình. Cô gái đàn độn này đây đã nghĩ rằng: ‘Không có các tỳ khuu nơi tu viện, tu viện thì trống không,’” nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng: - “Này em, hãy đi. Sau khi đi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: ‘Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.’”

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuu rằng: - “Này các tỳ khuu, hãy sẵn sàng y bát. Đã đến thời điểm của bữa ăn.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Các vị tỳ khuu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn.

60. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế đức Thế Tôn đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở cổng nhà của bà Visākhā mẹ của Migāra. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

61. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra (nghĩ rằng): “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì trong khi các cơn lũ đang dâng tới mức đầu gối, trong khi các cơn lũ đang dâng lên tới hông thế mà không một vị tỳ khưu nào có các bàn chân hoặc các y bị ướt!” nên mừng rỡ phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, bà đã ngồi xuống một bên.

62. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn tám điều ước muốn.” - “Này Visākhā, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.” - “Bạch ngài, các điều ấy là hợp lý, các điều ấy không bị chê trách.” - “Này Visākhā, hãy nói đi.” - “Bạch ngài, con muốn dâng vải choàng tắm mưa đến hội chúng, dâng bữa ăn dành cho vị vắng lai, dâng bữa ăn dành cho vị xuất hành, dâng bữa ăn dành cho vị bị bệnh, dâng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng được phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng tỳ khưu ni đến trọn đời.”

63. - “Này Visākhā, trong khi thấy rõ sự hữu dụng gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?” - “Bạch ngài, ở đây con đã bảo người tớ gái rằng: ‘Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng:

Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.’ Khi ấy, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị tỳ khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa. Sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): ‘Không có các tỳ khưu nơi tu viện, (chỉ có) các đạo sĩ lỏa thể đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa’ rồi đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: ‘Thưa bà, Không có các tỳ khưu nơi tu viện, (chỉ có) các đạo sĩ lỏa thể đang để cho thân thể ướt đầm nước mưa.’ Bạch ngài, sự trần truồng là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng vài choàng (tắm) mưa đến trọn đời.

64. Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu vắng lai không rành rẽ đường xá, không rành rẽ khu vực, đi khất thực trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị vắng lai của con được rành rẽ đường xá, được rành rẽ khu vực, sẽ đi khất thực trong khi không còn mệt nhọc. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị vắng lai đến trọn đời.

65. Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu là vị xuất hành, trong khi tìm kiếm vật thực cho mình sẽ bị trễ đoàn lũ hành, hoặc sẽ đến nơi (mà vị ấy) có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ phải đi đường xa trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị xuất hành của con sẽ không bị trễ đoàn lũ hành, sẽ không đến nơi (mà vị ấy) có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ đi đường xa trong khi không mệt nhọc. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị xuất hành đến trọn đời.

66. Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu bị bệnh trong khi không nhận được các thức ăn thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy

thọ dụng bữa ăn dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

67. Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khuư là vị chăm sóc bệnh trong khi tìm kiếm thức ăn cho mình sẽ đem lại bữa ăn của vị bệnh lúc mặt trời đã lên (cao), sẽ làm lỡ bữa ăn. Vị ấy sau khi thọ dụng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh của con sẽ đem lại thức ăn của vị bệnh lúc đúng thời, sẽ không làm lỡ bữa ăn. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh đến trọn đời.

68. Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khuư bị bệnh trong khi không nhận được các loại dược phẩm thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng dược phẩm dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng dược phẩm dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

69. Bạch ngài còn có điều khác nữa, ở Andhakavinda trong khi thấy rõ mười điều lợi ích, đức Thế Tôn đã cho phép (thọ dụng) cháo. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng cháo hàng ngày đến trọn đời.

70. Bạch ngài còn có điều khác nữa, các tỳ khuư ni tắm trần trường với các cô điếm ở một bãi tắm của sông Aciravatī. Bạch ngài các cô điếm ấy đã chế giễu các tỳ khuư ni rằng: ‘Các bà đại đức ơi, các bà được cái gì với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc còn trẻ trung vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được hưởng thụ hay

sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vớ được cả hai điều lợi.’ Bạch ngài, khi bị các cô điểm chế giễu các tỳ khưu ni ấy đã mắc cỡ. Bạch ngài, sự trần truồng của phụ nữ là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng tỳ khưu ni vải choàng tắm đến trọn đời.”

71. - “Này Visākhā, trong khi thấy rõ lợi ích gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?” - “Bạch ngài, ở đây các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa ở các phương sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Các vị ấy sau khi đi đến gặp đức Thế Tôn sẽ hỏi rằng: ‘Bạch ngài, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã từ trần. Cõi tái sinh của vị ấy là gì? Cảnh giới kế tiếp của vị ấy là gì?’ Đức Thế Tôn sẽ tuyên bố vị ấy ở quả vị Nhập Lưu, hoặc ở quả vị Nhất Lai, hoặc ở quả vị Bất Lai, hoặc ở phẩm vị A-la-hán. Con sẽ đi đến gặp các vị ấy và hỏi rằng: ‘Thưa các ngài, có phải vị đại đức ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi?’ Nếu các vị trả lời con rằng: ‘Vị tỳ khưu ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi,’ trường hợp ấy, con sẽ đi đến kết luận là: ‘Chắc chắn rằng vị đại đức ấy đã thọ dụng hoặc là vải choàng (tắm) mưa, hoặc là bữa ăn dành cho vị vắng lai, hoặc là bữa ăn dành cho vị xuất hành, hoặc là bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, hoặc là được phẩm dành cho vị bị bệnh, hoặc là cháo hàng ngày của con.’ Trong khi nhớ lại điều ấy, sự hân hoan sẽ được sanh khởi ở con đây, do sự hân hoan mà hỷ sẽ được sanh khởi, do tâm có hỷ mà thân sẽ khinh an, do thân được khinh an con sẽ cảm giác sự an lạc, do có sự an lạc tâm sẽ được định, điều ấy sẽ có ở con là sự tu tập về Căn Quyền, sự tu tập về Lực, sự tu tập về Giác Chi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ lợi ích này mà con thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn.”

72. - “Này Visākhā, thật tốt lắm, thật tốt lắm! Này Visākhā, thật tốt thay trong khi thấy rõ lợi ích này mà bà thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn. Này Visākhā, ta cho phép bà tám điều ước muốn.”

73. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā mẹ của Migāra bằng những lời kệ này:

“Trong khi bố thí cơm nước, người nữ nào được hân hoan, được thành tựu về giới, là đệ tử của đấng Thiện Thệ, sau khi chế ngự sự bôn xẻn, rồi dâng cúng vật thí, (là yếu tố) dẫn đến cõi trời, xua tan sầu muộn, đem lại sự an lạc.

Sau khi đạt tuổi thọ của cõi trời, cô ấy đi vào đạo lộ không bận nhớ, không nhiễm ô. Với ước muốn về phước báu, cô ấy có được sự an lạc, không có bệnh, vui hưởng dài lâu ở hội chúng nơi Thiên đình.”

74. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā mẹ của Migāra bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vải choàng tắm mưa, bữa ăn dành cho vị vắng lai, bữa ăn dành cho vị xuất hành, bữa ăn dành cho vị bị bệnh, bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, được phẩm dành cho vị bị bệnh, cháo hàng ngày, vải choàng tắm đến hội chúng tỳ khưu ni.”

Dứt tụng phẩm Visākhā.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao khiến chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?” - “Bạch ngài, hiện nay các vị tỳ khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này bị lấm lem vì chất dơ.” - “Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao vì các vị ấy có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ. Này Ānanda, các vị tỳ khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, các vị nào dẫu là phạm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở.”

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ở đây trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Ānanda là Sa-môn hầu cận ta đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã hỏi Ānanda rằng: ‘Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?’ ‘Bạch ngài, hiện nay các vị tỳ khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh

giác, và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ, rồi tỉnh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này đã bị lấm lem vì chất dơ.’ ‘Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, bởi vì đối với các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, trong khi rơi vào giấc ngủ, tỉnh dịch của họ bị xuất ra do chiêm bao. Này Ānanda, các vị tỳ khuru nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ, tỉnh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, ngay cả các vị nào đâu là phạm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tỉnh dịch của các vị ấy cũng không bị xuất ra. Này Ānanda, tỉnh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở.’

4. Này các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ: (Vị ấy) ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư Thiên không hộ trì, tỉnh dịch bị xuất ra. Này các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ.

5. Này các tỳ khuru, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ: (Vị ấy) ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư Thiên hộ trì, tỉnh dịch không bị xuất ra. Này các tỳ khuru, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác, và rơi vào giấc ngủ. Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vật lót ngồi để bảo vệ cơ thể, để bảo vệ y, để bảo vệ chỗ nằm ngồi.”

6. Vào lúc bấy giờ, vật lót ngồi¹ quá nhỏ nên không bảo vệ được toàn bộ chỗ nằm ngồi. Các vị đã trình sự việc

¹ Được dịch là vật lót ngồi thay vì tọa cụ, và tấm trải nằm thay vì ngọa cụ (ND).

ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị mong muốn tắm trải nằm¹ lớn chừng nào thì được làm tắm trải nằm lớn chừng ấy.”

7. Vào lúc bấy giờ, đại đức Belatṭhisīsa, thầy tế độ của đại đức Ānanda, có bệnh ghê sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ của vị ấy. Các vị tỳ khưu liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra.

8. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị tỳ khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu này bị bệnh gì vậy?” - “Bạch ngài, đại đức này bị bệnh ghê sần sùi, các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra.”

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) y đắp ghê đối với vị nào bị ghê ngứa, hoặc bị nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc bị ghê sần sùi.”

10. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra đã cầm cái khăn lau mặt đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin hãy thọ lãnh cái khăn lau mặt của con vì điều ấy đem lại sự lợi ích và sự an vui lâu dài cho con.” Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái khăn lau mặt.

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế

Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Visākhā mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) khăn lau mặt.”

13. Vào lúc bấy giờ, Roja người Malla là bạn của đại đức Ānanda. Tấm vải dệt bằng sợi lanh của Roja người Malla đã bị rơi xuống ở cánh tay của đại đức Ānanda. Và đại đức Ānanda có nhu cầu về vải dệt bằng sợi lanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép lấy do sự thân thiết (đồ vật) của người có năm yếu tố: là vị đồng quan điểm, thân thiết, đã được nói trước, (vị ấy) còn sống, và vị lấy biết được rằng: “Khi được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ.” Này các tỳ khưu, ta cho phép lấy do sự thân thiết (đồ vật) của người có năm yếu tố này.”

14. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu có được đầy đủ ba y, và còn có nhu cầu về các đồ lọc nước và các túi mang. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép miếng vải phụ tùng.”

15. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Các vật nào đã được đức Thế Tôn cho phép như là ‘ba y,’ hoặc là ‘vải choàng tắm mưa,’ hoặc là ‘vật lót ngồi,’ hoặc là ‘tấm trải nằm,’ hoặc là ‘y đắp ghe,’ hoặc là ‘khăn lau mặt,’ hoặc là ‘miếng vải phụ tùng,’ tất cả các thứ ấy nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chú nguyện để dùng riêng ba y không được chú nguyện để dùng chung, chú

nguyện để dùng riêng vải choàng tắm mưa trong bốn tháng của mùa mưa sau đó chú nguyện để dùng chung vào các tháng khác, chú nguyện để dùng riêng vật lót ngồi không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng tấm trải nằm không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng y đắp ghế lúc còn bị bệnh sau đó chú nguyện để dùng chung vào lúc khác, chú nguyện để dùng riêng khăn lau mặt không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng miếng vải phụ tùng không được chú nguyện để dùng chung.” Khi ấy, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Y nên được chú nguyện để dùng chung (có kích thước) tối thiểu là bao nhiêu?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chú nguyện để dùng chung y (có kích thước) tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn.”

16. Vào lúc bấy giờ, y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ của đại đức Mahākassapa là nặng nề (do việc đắp lên miếng vá ở các chỗ bị sờn). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) việc mạng bằng chỉ.” (Y) có góc bị thừa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cắt góc bị thừa.” Các mối chỉ bị xổ ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép gắn vào miếng vải viền, (làm) đường biên xung quanh.” Vào lúc bấy giờ, các mảnh vải của y hai lớp bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm đường may ngang dọc.”

17. Vào lúc bấy giờ, trong lúc y của vị tỳ khưu nọ đang được làm, toàn bộ các mảnh cắt không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép hai (y) được cắt, một (y) không cắt.” Hai (y) được cắt một (y) không cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc

ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép hai (y) không cắt, một (y) được cắt.” Hai (y) không cắt một (y) được cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đặt vào miếng vải khác loại. Và này các tỳ khưu, không nên sử dụng toàn bộ (ba y) không cắt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*.”

18. Vào lúc bấy giờ, có nhiều y được phát sanh đến vị tỳ khưu nọ. Và vị ấy có ý muốn cho đến cha mẹ y ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trong khi nói là: ‘cha mẹ,’ thì chúng ta có thể nói điều gì? Này các tỳ khưu, ta cho phép cho đến cha mẹ. Và này các tỳ khưu, không nên cho vật bố thí vì đức tin đến đối tượng không xứng đáng; vị nào cho đến đối tượng không xứng đáng thì phạm tội *dukkata*.”

19. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã để lại y hai lớp trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khát thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy. Vị tỳ khưu ấy trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này đại đức, vì sao ngài lại trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm?” - “Này các đại đức, trường hợp này là tôi đã để lại y ở trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khát thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy, vì thế tôi trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đi vào làng với y nội và thượng y; vị nào đi vào thì phạm tội *dukkata*.”

20. Vào lúc bấy giờ, đại đức Ānanda vì thiếu sự ghi nhớ nên đã đi vào làng để khát thực với y nội và thượng y. Các tỳ khưu đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Này đại đức Ānanda, không phải đức Thế Tôn đã quy định

rằng: ‘Không nên đi vào làng với y nội và thượng y’ hay sao? Nay đại đức, vì sao ngài đã đi vào làng với y nội và thượng y?’ - “Này các đại đức, đúng vậy. Đức Thế Tôn quy định rằng: ‘Không nên đi vào làng với y nội và thượng y.’ Hơn nữa, tôi đã đi vào (làng) với sự thiếu ghi nhớ.”

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp: vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa,¹ hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp.

22. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y: vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y.

23. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội: vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội.

24. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng (tắm) mưa: vị bị bệnh, hoặc là vị đi ra khỏi ranh giới, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vải choàng (tắm) mưa

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích là trong bốn tháng mùa mưa (VinA. v, 1129).

không được làm hoặc được làm chưa hoàn tất. Nay các tỳ khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng (tắm) mưa.”

25. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ sống mùa (an cư) mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y (nói rằng): “Chúng tôi dâng đến hội chúng.” Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Hội chúng tối thiểu là nhóm bốn vị’ và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng đến hội chúng,’ hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatti?” Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatti và trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này tỳ khưu, các y ấy là của chính người cho đến khi hết hiệu lực của *Kāṭhina*.”

26. “Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sống mùa (an cư) mưa chỉ mỗi một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng đến hội chúng.’ Nay các tỳ khưu, ta cho phép các y ấy là của chính vị ấy cho đến khi hết hiệu lực của *Kāṭhina*.”

27. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ sống ngoài mùa (an cư) mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y (nói rằng): “Chúng tôi dâng đến hội chúng.” Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị’ và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng đến hội chúng,’ hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatti?” Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatti và trình sự việc ấy đến các vị tỳ khưu. Các vị tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chia ra bởi hội chúng đang hiện diện.

28. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sống ngoài mùa (an cư) mưa có một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng đến hội chúng.’ Nay các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu ấy chú nguyện các y ấy rằng: ‘Những y này là của tôi.’ Nay các tỳ khưu, nếu trong khi y ấy chưa được chú nguyện thành của vị tỳ khưu ấy thì có vị tỳ khưu khác đi đến, nên trao cho phần chia đồng đều nhau. Nay các tỳ khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị tỳ khưu ấy nhưng chưa được bốc thăm thì có vị tỳ khưu khác đi đến, nên trao cho phần chia đồng đều nhau. Nay các tỳ khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị tỳ khưu ấy và đã được bốc thăm thì có tỳ khưu khác đi đến, không cần trao cho phần chia nếu không thích.”

29. Vào lúc bấy giờ, có hai vị trưởng lão là anh em: đại đức Isidāsa và đại đức Isibhadda đã sống qua mùa (an cư) mưa ở Sāvattthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Dân chúng (nghĩ rằng): “Đã lâu lắm các trưởng lão mới ghé đến” rồi đã thực hiện các bữa thọ trai cùng với các y. Các tỳ khưu thường trú đã hỏi hai vị trưởng lão rằng: - “Thưa các ngài, những y thuộc hội chúng này đã được phát sanh nhờ vào các trưởng lão, các trưởng lão sẽ hoan hỷ phần chia hay không?” Hai vị trưởng lão đã nói như vậy: - “Nay các đại đức, theo như chúng tôi biết về Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y này là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.”

30. Vào lúc bấy giờ, có ba vị tỳ khưu sống mùa (an cư) mưa ở trong thành Rājagaha. Ở đó, dân chúng dâng các y (nói rằng): “Chúng tôi dâng đến hội chúng.” Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị’ và chúng ta chỉ có ba vị. Và các người này dâng các y (nói rằng):

‘Chúng tôi dâng đến hội chúng,’ vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?”

31. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị trưởng lão là đại đức Nīlavāsī, đại đức Sāṇavāsī, đại đức Gopaka, đại đức Bhagu, và đại đức Phalīkasandāna cư ngụ ở Pāṭaliputta tại tu viện Kukkuṭa. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến Pāṭaliputta và hỏi các vị trưởng lão. Các vị trưởng lão đã nói như vậy: - “Này các đại đức, theo như chúng tôi biết về Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y ấy là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.”

32. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã sống qua mùa (an cư) mưa ở Sāvatti, rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các tỳ khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói như vậy: - “Này đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?” - “Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.” Sau khi nhận phần y từ nơi đó, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các tỳ khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vậy: - “Này đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?” - “Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.” Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các tỳ khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vậy: - “Này đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?” - “Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.” Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã cầm lấy gói y lớn rồi quay trở về lại Sāvatti.

33. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này đại đức Upananda, ngài có phước lớn. Nhiều y đã được phát sanh

đến ngài.” - “Này các đại đức, phước của tôi là do đâu? Ở đây, tôi đã sống qua mùa (an cư) mưa ở Sāvatti rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các tỳ khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói với tôi như vậy: ‘Này đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?’ ‘Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.’ Sau khi nhận phần y từ nơi đó, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị tỳ khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vậy: ‘Này đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?’ ‘Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.’ Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị tỳ khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vậy: ‘Này đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?’ ‘Này các đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.’ Tôi đã nhận phần y từ nơi đó nữa, như thế mà nhiều y đã được phát sanh đến tôi.”

34. - “Này đại đức Upananda, có phải ngài đã sống mùa (an cư) mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã sống mùa (an cư) mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác?”

35. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Upananda, nghe nói người đã sống mùa (an cư) mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người sống mùa (an cư) mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác? Này kẻ rồ dại, việc sự việc này không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, vị sống mùa (an cư) mưa ở nơi khác không nên chấp nhận phần y ở nơi khác; vị nào chấp nhận thì phạm tội *dukkata*.”

36. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya một mình đã sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ (nghĩ rằng): “Như vậy nhiều y sẽ được phát sanh đến ta.” Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Phần chia về y nên được cho đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya như thế nào?”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, hãy cho đến kẻ rõ đại phần của một người.

37. Này các tỳ khưu, trường hợp một vị tỳ khưu sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ (nghĩ rằng): ‘Như vậy nhiều y sẽ được phát sanh đến ta.’ Nếu vị ấy sống chỗ này một nửa (thời gian) chỗ kia một nửa (thời gian) thì nên cho phần chia về y gồm một nửa của nơi này một nửa của nơi kia, hoặc ở chỗ nào vị ấy sống nhiều hơn thì phần chia về y nên được cho từ chỗ đó.”

38. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh kiết lỵ. Vị ấy nằm dài ở đồng phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc. Khi ấy, trong lúc đi dạo quanh các trú xá cùng với đại đức Ananda là Sa-môn hầu cận, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của vị tỳ khưu ấy.

39. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đang nằm dài ở đồng phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này tỳ khưu, người bị bệnh gì?” - “Bạch Thế Tôn, con bị bệnh kiết lỵ.” - “Này tỳ khưu, người có người phục vụ không?” - “Bạch

Thế Tôn, không có.” - “Vì sao các tỳ khưu lại không phục vụ người?” - “Bạch ngài, con là người không có làm gì cho các tỳ khưu, do đó các tỳ khưu không phục vụ con.”

40. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, hãy đi và mang nước lại. Chúng ta sẽ tắm cho vị tỳ khưu này.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã mang nước lại. Đức Thế Tôn đã xối nước. Đại đức Ānanda đã rửa ráy toàn bộ. Rồi đức Thế Tôn đã đỡ phần đầu, đại đức Ānanda ở phần chân, đã nâng lên và đặt ở trên giường.

41. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại rồi hỏi các vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, có phải có vị tỳ khưu ở trú xá đàng kia bị bệnh?” - “Bạch Thế Tôn, thưa có.” - “Này các tỳ khưu, vị ấy bị bệnh gì?” - “Bạch ngài, đại đức ấy bị bệnh kiết lỵ.” - “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ấy có người phục vụ không?” - “Bạch Thế Tôn, không có.” - “Vì sao các tỳ khưu không phục vụ vị ấy?” - “Bạch ngài, vị tỳ khưu ấy là người không có làm gì cho các tỳ khưu, do đó các tỳ khưu không phục vụ vị ấy.”

42. - “Này các tỳ khưu, các người không có mẹ, không có cha là những người có thể phục vụ các người. Này các tỳ khưu, nếu các người không phục vụ lẫn nhau thì giờ đây ai sẽ phục vụ đây? Này các tỳ khưu, vị nào có thể phục vụ ta (bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy của ta), vị ấy có thể phục vụ người bệnh.¹ Nếu

¹ *yo bhikkhave maṃ upatṭhaheyya, so gilānaṃ upatṭhaheyyā* 'ti: Câu này được dịch sát theo từ sẽ là: “Này các tỳ khưu, vị nào có thể phục vụ ta vị ấy có thể phục vụ người bệnh.” Tuy nhiên Ngài Buddhaghosa giải thích ý nghĩa của câu trên như sau: “*yo bhikkhave maṃ upatṭhaheyya, so gilānaṃ upatṭhaheyyā* 'ti *yo maṃ ovādānusāsanīkaraṇena upatṭhaheyya, so gilānaṃ upatṭhaheyya*.”

có thầy tế độ, thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu có thầy dạy học, thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu có đệ tử, người đệ tử nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu có học trò, người học trò nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy tế độ, vị đồng thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy dạy học, vị đồng thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục. Nếu không có thầy tế độ, hoặc thầy dạy học, hoặc người đệ tử, hoặc người học trò, hoặc vị đồng thầy tế độ, hoặc vị đồng thầy dạy học, hội chúng nên phục vụ; nếu không phục vụ thì phạm tội *dukkata*.

43. Nay các tỳ khưu, người bệnh là khó phục vụ có năm yếu tố: Là người có hành động không có lợi ích; không biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; không quen dùng dược phẩm; không nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như (bệnh) đang gia tăng là: ‘(Bệnh) gia tăng,’ (bệnh) đang giảm là: ‘(Bệnh) giảm,’ (bệnh) ổn định là: ‘(Bệnh) ổn định’ cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh không chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh

mama ovādakārakena gilāno upaṭṭhātabbo ti ayam ettha attho. bhagavato ca gilānassa ca upaṭṭhānaṃ ekasādisan ti evaṃ pan’ ettha attho na gahetabbo” (VinA. v, 1132) = “Vị nào có thể phục vụ ta bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy, vị ấy có thể phục vụ người bệnh. Ở đây điều này có ý nghĩa là: ‘Người bệnh nên được phục vụ bởi người thực hành theo lời giáo huấn của ta.’ Hơn nữa, không nên hiểu ý nghĩa của trường hợp này như vậy: ‘Sự phục vụ đến đức Thế Tôn và đến người bệnh là tương tự như nhau.’”

khởi. Đây các tỳ khưu, người bệnh có năm yếu tố này là khó phục vụ.

44. Đây các tỳ khưu, người bệnh là dễ phục vụ có năm yếu tố: Là người có hành động có lợi ích; biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; quen dùng được phẩm; nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như (bệnh) đang gia tăng là: '(Bệnh) gia tăng,' (bệnh) đang giảm là: '(Bệnh) giảm,' (bệnh) ổn định là: '(Bệnh) ổn định' cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Đây các tỳ khưu, người bệnh có năm yếu tố này là dễ phục vụ.

45. Đây các tỳ khưu, người phục vụ bệnh nhân không thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị không có khả năng để phân phát thuốc men; không biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, đem đến điều không có lợi ích và loại bỏ điều có lợi ích; phục vụ người bệnh vì mục đích tài vật và không có tâm từ; ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước giải, vật nôn mửa; không có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài Pháp thoại lúc này lúc khác. Đây các tỳ khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là không thích hợp để phục vụ người bệnh.

46. Đây các tỳ khưu, người phục vụ bệnh nhân thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị có khả năng để phân phát thuốc men; biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, loại bỏ điều không có lợi ích và đem đến điều có lợi ích; có tâm từ và phục vụ người bệnh không vì mục đích tài vật; không ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước giải, vật nôn mửa; có khả năng

để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài Pháp thoại lúc này lúc khác. Nay các tỳ khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là thích hợp để phục vụ người bệnh.”

47. Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ khưu đi đường xa trong xứ sở Kosala. Hai vị ấy đã đi đến trú xứ nọ. Ở đó, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã bàn bạc điều này: “Này đại đức, việc phục vụ người bệnh đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này đại đức, vậy chúng ta hãy phục vụ vị tỳ khưu này.” Các vị ấy đã phục vụ vị kia. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần.

48. Sau đó, các tỳ khưu đã cầm lấy y bát của vị tỳ khưu kia đi đến Sāvatti và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, đối với vị tỳ khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Nay các tỳ khưu, ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng.

49. Và này các tỳ khưu, nên được ban cho như vậy: Vị tỳ khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy.’ Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho ba y và bình

bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Ba y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

50. Vào lúc bấy giờ, có vị sa di nọ từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, đối với vị sa di khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các tỳ khưu, ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh y và bình bát thông qua hội chúng.

51. Và này các tỳ khưu, nên được ban cho như vậy: Vị tỳ khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: ‘*Bạch các ngài, vị sa di tên (như vậy) đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy.*’ Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: ‘*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị sa di tên (như vậy) đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị sa di tên (như vậy) đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.*”

52. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ và vị sa di đã phục vụ vị bị bệnh. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị

kia đã từ trần. Khi ấy, vị tỳ khưu phục vụ người bệnh ấy đã khởi ý điều này: “Phần chia về y nên được cho đến vị sa di là vị phục vụ người bệnh như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cho đến vị sa di là vị phục vụ người bệnh phần chia đồng đều.”

53. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng đã từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, đối với vị tỳ khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các tỳ khưu, ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng, (cho phép) hội chúng đang hiện diện phân chia đồ đạc loại nhẹ và vật dụng loại nhẹ ở nơi ấy, (cho phép) đồ đạc loại nặng và vật dụng loại nặng ở nơi ấy là của hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai,¹ không được phân tán, không được phân chia.”

54. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ sau khi làm trở thành trần truồng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, sự trần truồng này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép sự trần truồng đến các tỳ khưu.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng,

¹ *āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Đây kẻ rồ dại, tại sao người lại thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lửa thể? Đây kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Đây các tỳ khưu, không nên thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lửa thể; vị nào thực hành thì phạm tội *thullaccaya*.”

55. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ che thân bằng cỏ *kusa* –nt– che thân bằng vỏ cây –nt– che thân bằng tấm ván gỗ –nt– che thân bằng mền dệt bằng tóc –nt– che thân bằng mền dệt bằng lông ngựa –nt– che thân bằng cánh chim cú –nt– che thân bằng da linh dương rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, (việc che thân bằng) da linh dương này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép (việc che thân bằng) da linh dương đến các tỳ khưu.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Đây kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Đây kẻ rồ dại, tại sao người lại mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo? Đây kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Đây các tỳ khưu, không nên mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo; vị nào mặc thì phạm tội *thullaccaya*.”

56. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ mặc (y làm bằng) sợi của cây *akka*, –nt– mặc (y làm bằng) sợi của cây *makaci* rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là người thường ngợi khen về sự ít tâm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, (y làm bằng) sợi của cây *makaci* này đưa đến sự ít tâm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép (y làm bằng) sợi của cây *makaci* đến các tỳ khưu.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc (y làm bằng) sợi của cây *makaci*? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên mặc (y làm bằng) sợi của cây *makaci*; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

57. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh, ... mặc các y toàn màu vàng, ... mặc các y toàn màu đỏ (máu), ... mặc các y toàn màu tím, ... mặc các y toàn màu đen, ... mặc các y toàn màu đỏ tía, ... mặc các y toàn màu hồng, ... mặc các y không cắt đường viền, ... mặc các y có đường viền rộng, ... mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, ... mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, ... mặc áo choàng ngắn, ... mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây *tirīṭaka*, ... mang khăn xếp đội đầu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mang khăn xếp đội đầu giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

58. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên mặc các y toàn màu xanh, không nên mặc các y toàn màu vàng, không nên mặc các y toàn màu đỏ (máu), không nên mặc các y toàn màu tím, không nên mặc các y toàn màu đen, không nên mặc các y toàn màu đỏ tía, không nên mặc các y toàn màu hồng, không nên mặc các y không cắt đường viền, không nên mặc các y có đường viền rộng, không nên mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, không nên mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, không nên mặc áo choàng ngắn, không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây *tirīṭaka*, không nên mang khăn xếp đội đầu; vị nào mang thì phạm tội *dukkata*.”

59. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, hoàn tục, từ trần, được biết là (xuống) sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khưu ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là kẻ lường căn.

60. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, nên trao cho vị nhận thể thích hợp đang hiện diện.

61. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y chưa phát sanh lại hoàn tục, từ trần, được biết là (xuống) sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

62. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y chưa phát sanh thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

63. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y chưa phát sanh được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khưu ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là kẻ lường căn, thì hội chúng là chủ quản.

64. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại ra đi, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

65. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại hoàn tục, từ trần, được biết là (xuống) sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

66. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thể thích hợp đang hiện diện.

67. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khưu ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là kẻ lường căn, thì hội chúng là chủ quản.

68. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng y đến hội chúng.’ (Y) ấy là của hội chúng.

69. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng y đến hội chúng.’ (Y) ấy là của hội chúng.

70. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một

nhóm và dâng y ở một nhóm (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng y đến nhóm.’ (Y) ấy là riêng của nhóm.

71. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng y đến nhóm.’ (Y) ấy là riêng của nhóm.

72. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa và y đã được phát sanh nhưng chưa chia phần thì hội chúng bị chia rẽ. Nên chia đồng đều cho tất cả.”

73. Vào lúc bấy giờ, đại đức Revata gọi y cho đại đức Sāriputta qua tay của vị tỳ khưu nọ (nói rằng): “Hãy trao y này đến vị trưởng lão.” Sau đó ở khoảng giữa đường đi, vị tỳ khưu ấy đã lấy y ấy do sự thân thiết với đại đức Revata. Sau đó, đại đức Revata đã đích thân đi đến đại đức Sāriputta và hỏi rằng: - “Thưa ngài, tôi đã gọi y cho ngài trưởng lão. Y ấy đã đến chưa?” - “Này sư đệ, ta không nhìn thấy y ấy.” Sau đó, đại đức Revata đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, tôi đã gọi y của ngài trưởng lão qua tay của đại đức. Y ấy đâu rồi?” - “Thưa đại đức, tôi đã lấy y ấy do sự thân thiết với đại đức.”

74. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gọi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy trao y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gọi đi; (y) đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy sai trái.

75. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gọi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy trao y này đến vị tên

(như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gởi đi; (y) đã được lấy đúng đắn.

76. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy trao y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Vị gởi (y) đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị (gởi) ấy; (y) đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy sai trái.

77. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy trao y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Vị sẽ nhận (y) đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị (đã từ trần) ấy; (y) đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gởi; (y) đã được lấy đúng đắn.

78. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Hãy trao y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Cả hai đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; (y) đã được xác định đúng đắn. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; (y) đã được xác định sai trái.

79. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Tôi cho y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gởi; (y) đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy đúng đắn.

80. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Tôi cho y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gởi; (y) đã được lấy sai trái.

81. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Tôi cho y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Vị gởi (y) đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị ấy; (y) đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị sẽ nhận; (y) đã được lấy đúng đắn.

82. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Tôi cho y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Vị sẽ nhận (y) đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị ấy; (y) đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy (y ấy) do sự thân thiết với vị gởi; (y) đã được lấy sai trái.

83. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu gởi y qua tay của vị tỳ khưu (nói rằng): ‘Tôi cho y này đến vị tên (như vậy).’ Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: ‘Cả hai đã từ trần’ rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; (y) đã được xác định sai trái. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; (y) đã được xác định đúng đắn.

84. Nay các tỳ khưu, có tám tiêu đề về việc phát sanh y: (thí chủ) dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng (tỳ khưu và tỳ khưu ni),

dâng đến hội chúng đã sống qua mùa (an cư) mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân.

85. (Thí chủ) dâng trong ranh giới: có bao nhiêu vị tỳ khưu đang ở trong ranh giới, thì nên được chia bởi các vị ấy.

86. (Thí chủ) dâng theo sự thỏa thuận: nhiều trú xứ có sự thọ lãnh chung, khi được dâng ở một trú xứ thì được dâng cho tất cả.

87. (Thí chủ) dâng theo sự quy định về vật thực: các sự hộ độ thường xuyên được thực hiện đến hội chúng ở nơi nào thì dâng ở nơi ấy.

88. (Thí chủ) dâng đến hội chúng thì nên được chia phần bởi hội chúng đang hiện diện.

89. (Thí chủ) dâng đến cả hai hội chúng: Dầu cho có nhiều tỳ khưu mà có một tỳ khưu ni cũng nên được chia một nửa. Dầu cho có nhiều tỳ khưu ni mà có một tỳ khưu cũng nên được chia một nửa.

90. (Thí chủ) dâng đến hội chúng đã sống qua mùa (an cư) mưa: có bao nhiêu vị tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa ở trú xứ ấy, thì nên được chia bởi các vị ấy.

91. (Thí chủ) dâng sau khi đã thông báo về cháo, hoặc về bữa ăn, hoặc về vật thực cứng, hoặc về y, hoặc về chỗ trú ngụ, hoặc về dược phẩm.

92. (Thí chủ) dâng đến cá nhân là (nói rằng): “Tôi dâng y này đến vị tên (như vậy).”

Dứt chương Y Phục là thứ tám.

Trong chương này có chín mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy nàng kỹ nữ ở Vesālī, sau khi trở về lại thành Rājagaha đã báo điều ấy đến đức vua.

2. Người con trai của nàng Sālavatī chính là con (nuôi) của Abhaya. Được hỏi bởi vị vương tử là: “Còn sống không?” nên gọi tên là “Jīvaka.”

3. Chính người ấy đã đi đến thành Takkasilā, đã học xong, trở thành đại y sĩ, đã tiêu trừ bệnh đã bảy năm bằng việc làm ở mũi.

4. (Jīvaka) đã trị dứt bệnh rò rỉ của đức vua bằng liều thuốc thoa. (Đức vua bảo): “Hãy phục vụ cho trẫm, các cung phi, đức Phật và hội chúng.”

5. Và nhà đại phú thành Rājagaha, chứng xoắn ruột đã được chữa trị. (Jīvaka) đã tiêu trừ bệnh bệnh trầm trọng của đức vua Pajjota bằng việc uống bơ lỏng.

6. Chức vụ, và xấp vải xứ Sivi, (Jīvaka) đã bảo thoa dầu cho (cơ thể) bị tiết ra dịch chất dơ, liều thuốc xỏ ba mươi lần với ba nắm sen.

7. Khi (đức Phật) đã trở lại bình thường, (Jīvaka) đã thỉnh cầu điều ước muốn. Và Ngài đã thọ nhận xấp vải xứ Sivi. Và đức Như Lai đã cho phép y là vật thí của gia chủ.

8. Ở xứ sở Rājagaha nhiều y đã được phát sanh. Tắm vải choàng, luôn cả tắm vải choàng bằng tơ lụa, tắm choàng lông, (tắm mềm len) trị giá nửa kāsī.

9. Và nhiều (y) đủ loại, sự biết đủ, về các vị không chờ và các vị chờ, vào trước tương tự vào sau, sự thỏa thuận, họ đã mang về lại.

10. Kho chứa, và không được bảo quản, và các vị bãi nhiệm cũng tương tự y như thế, được đổi dào, và cảnh náo động, nên chia như thế nào, nên cho như thế nào.

11. Cửa bản thân, với phần nhiều hơn, phần chia (về y), nên cho thế nào? Với phân, và nước lạnh, để trào ra, vị không biết.

12. Trong khi đổ ra, và chậu nhuộm, trong cái đĩa, và ở nền đất, loài mối, ở giữa, chúng bị sờn, một bên, và với (y) bị cứng.

13. (Các y) bị thô, không cắt, được kết nối bằng những khoảnh vuông vức. Ngài đã nhìn thấy các vị ôm đồm (với các y). Sau khi suy xét, đấng Hiền Sĩ dòng Sakya đã cho phép ba y.

14. Với y phụ trội khác, đã được phát sanh, và luôn cả y bị rách. (Mây đen) bốn châu lục, bà (Visākhā) đã thỉnh cầu điều ước muốn để được dâng vải choàng (tắm) mưa.

15. Vị vắng lai, vị xuất hành, vị bị bệnh, và vị nuôi bệnh, được phẩm, cháo thường xuyên, và vải choàng tắm (các ni). (Thức ăn) hảo hạng, (vật lót ngồi) quá nhỏ.

16. Ghẻ sần sùi, (khăn lau) mặt, sợi lạnh, được đầy đủ, việc chú nguyện, tối thiểu, đã được làm, là nặng nề, có góc bị thừa, chỉ bị xỏ ra.

17. (Các mảnh vải) bị bung ra, làm không đủ, vải khác loại, và có nhiều (y), rừng Andhavana, thiếu sự ghi nhớ, một mình, mùa (an cư) mưa, và trong mùa khác.

18. Hai vị là anh em, ở Rājagaha, vị Upananda, lại ở hai nơi, bệnh kiết lỵ, vị bị bệnh, cả hai vị, và luôn cả các vật thuộc về vị bệnh.

19. Vị lỏa thể, cỏ kusa, vỏ cây, tấm ván gỗ, và mền dệt bằng tóc, lông ngựa, và cánh chim cú, da linh dương sợi của cây akka.

20. Sợi của cây makaci, màu xanh, và màu vàng, màu đỏ (máu), và màu tím, màu đen, màu đỏ tía, màu hồng, và đường viền không cắt là tương tự.

21. Đường viền rộng, vẽ bông hoa, rắn hổ mang, áo choàng ngắn, sợi vỏ cây, và khăn xếp đội đầu, khi chưa được phát sanh, vị ra đi, cho đến phần hội chúng bị chia rẽ.

22. Họ dâng đến nhóm, đến hội chúng, đại đức Revata đã gọi đi, vị lấy do thân thiết, vị chú nguyện, tám tiêu đề về y.”

--ooOoo--

IX. CHƯƠNG CAMPĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Campā ở bờ hồ sen Gaggarā. Vào lúc bấy giờ, ở xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó có vị tỳ khưu tên Kassapagotta là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực (nghĩ rằng): “Làm thế nào để các vị tỳ khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị tỳ khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển?”

2. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu trong khi đi du hành ở xứ Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Tỳ khưu Kassapagotta đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rồi đã đi ra đón, đã tiếp rước y bát, đã hỏi dâng nước uống, đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của các vị ấy), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa.

3. Khi ấy, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã bàn bạc điều này: “Này các đại đức, vị tỳ khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của chúng ta), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Này các đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha.” Sau đó, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

4. Khi ấy, tỳ khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: “Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị tỳ khưu vắng lai này (nay) đã được lắng dịu. Các vị này (trước đây) không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ

lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý (yêu cầu) lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa?” Vị ấy đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa.

5. Sau đó, các vị tỳ khưu vắng lai đã bàn bạc điều này: “Này các đại đức, trước đây vị tỳ khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của chúng ta), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Này các đại đức, giờ đây vị tỳ khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị tỳ khưu thường trú.”

6. Sau đó, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với tỳ khưu Kassapagotta điều này: - “Này đại đức, trước đây chính đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của chúng tôi), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Hiện nay, đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Này đại đức, đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?” - “Này các đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.”

7. Khi ấy, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã phạt án treo vị tỳ khưu Kassapagotta về việc không nhìn nhận tội. Khi ấy, tỳ khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: “Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được

duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?”

8. Sau đó, tỳ khưu Kassapagotta đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về phía Campā. Tuần tự, vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các vị tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với tỳ khưu Kassapagotta điều này: - “Này tỳ khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Người đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này tỳ khưu, người từ đâu đến vậy?”

10. - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó, con là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực (nghĩ rằng): ‘Làm thế nào để các vị tỳ khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị tỳ khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, và sự phát triển?’

11. Bạch ngài, sau đó có nhiều vị tỳ khưu trong khi đi du hành ở xứ sở Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Bạch ngài, con đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rồi đã đi ra tiếp rước y bát, dâng nước uống, đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của các vị ấy), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa.

12. Bạch ngài, khi ấy các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã bàn bạc điều này: ‘Này các đại đức, vị tỳ khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của chúng ta), và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Này các đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha.’ Bạch ngài, sau đó các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

13. Bạch ngài, khi ấy con đây đã khởi ý điều này: ‘Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị tỳ khưu vắng lai này (nay) đã được lắng dịu. Các vị này (trước đây) không biết các chỗ đi khát thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khát thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý (yêu cầu) lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa?’ Bạch ngài, con đây đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa.

14. Bạch ngài, sau đó các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã bàn bạc điều này: ‘Này các đại đức, trước đây chính vị tỳ khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của chúng ta) và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Này các đại đức, giờ đây vị tỳ khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị tỳ khưu thường trú.’

15. Bạch ngài, sau đó các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với con điều này: ‘Này đại đức, trước đây đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm (của

chúng tôi) và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Bây giờ, đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng, và về bữa ăn nữa. Nay đại đức, đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?’ ‘Này các đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.’

16. Bạch ngài, khi ấy các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến con. Bạch ngài, con đây đã khởi ý điều này: ‘Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?’ Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến.”

17. - “Này tỳ khưu, việc ấy là vô tội, việc ấy không phải là tội. Người là không có tội, người không có phạm tội. Người là không bị án treo, người không có bị án treo. Người đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này tỳ khưu, người hãy đi và hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi vị tỳ khưu Kassapagotta nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi về làng Vāsabha.

18. Khi ấy, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã khởi lên nổi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: “Thật là bất lợi cho chúng ta, thật là không có lợi ích cho chúng ta, rồi chúng ta sẽ gặt quả xấu, rồi chúng ta sẽ không được quả tốt, là việc chúng ta đã phạt án treo không có cơ sở không có nguyên nhân đến vị tỳ khưu trong sạch không có phạm

tội. Nay các đại đức, vậy chúng ta hãy đi Campā và trình báo tội lỗi là tội lỗi ở nơi đức Thế Tôn.”

19. Sau đó, các vị tỳ khưu vắng lai ấy đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về hướng Campā. Theo tuần tự, các vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

20. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, sức khoẻ có khá không ? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các tỳ khưu, các người từ đâu đi đến vậy?” - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Bạch Thế Tôn, chúng con từ nơi đó đi đến.” - “Này các tỳ khưu, các người đã phạt án treo vị tỳ khưu thường trú có phải không?” - “Bạch Thế Tôn, thưa phải.” - “Này các tỳ khưu, dựa trên cơ sở gì vậy, dựa vào nguyên nhân gì vậy?” - “Bạch Thế Tôn, không có cơ sở, không có nguyên nhân.”

21. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại các người lại phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị tỳ khưu trong sạch không có phạm tội? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên

nhân đến vị tỳ khưu trong sạch không có phạm tội; vị nào phạt án treo thì phạm tội *dukkata*.”

22. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở các bàn chân của đức Thế Tôn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy chúng con khiến chúng con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên chúng con đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị tỳ khưu trong sạch không có phạm tội. Bạch ngài, đối với chúng con đây xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.” - “Này các tỳ khưu, đúng như vậy. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy các người khiến các người như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên các người đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị tỳ khưu trong sạch không có phạm tội. Và này các tỳ khưu, chính từ việc đó các người đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho các người. Này các tỳ khưu, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: ‘Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai.’”

23. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng, chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội

chúng, chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng, hội chúng cũng phạt án treo hội chúng.

24. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ở Campā lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng, chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng, chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng, hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?”

25. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, –nt– hội chúng cũng phạt án treo hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

26. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, –nt– hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?

27. Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại và bảo các tỳ khưu rằng: - “Nay các tỳ khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Hội chúng cũng phạt án treo hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện.

28. Nay các tỳ khưu, đây là bốn loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

29. Nay các tỳ khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm sai Pháp. Nay các tỳ khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Nay các tỳ khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được ta cho phép.

30. Nay các tỳ khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất sai Pháp. Nay các tỳ khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Nay các tỳ khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được ta cho phép.

31. Nay các tỳ khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm đúng Pháp. Nay các tỳ khưu, hành sự này có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Nay các tỳ khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được ta cho phép.

32. Nay các tỳ khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất đúng Pháp. Nay các tỳ khưu, hành sự này có bản chất đúng Pháp, có bản chất hợp nhất, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Nay các tỳ khưu, hành sự như thế nên được thực hiện và hành sự như thế được ta cho phép. Nay các tỳ khưu, do đó ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự như thế, tức là ‘có sự hợp nhất đúng Pháp.’ Nay các tỳ khưu, các người nên học tập theo đúng như thế.”

33. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự

thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu cả lời tuyên bố, thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo Sư, thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

34. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phân nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố, thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo Sư, thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì?”

35. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, –nt– thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì, có đúng không vậy?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” –nt–

36. - Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại và bảo các tỳ khưu rằng: “Này các tỳ khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự

và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Luật không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo Sư không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì thì không là hành sự và không nên thực hiện.”

37. Nay các tỳ khưu, đây là sáu loại hành sự: Hành sự sai Pháp, hành sự phe nhóm, hành sự hợp nhất, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

38. Và nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự sai Pháp? Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

39. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

40. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp.

41. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp.

42. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

43. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

44. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

45. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, (như thế là) hành sự sai Pháp.

46. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp.

47. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp.

48. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp.

49. Nay các tỳ khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, (như thế là) hành sự sai Pháp. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự sai Pháp.

50. Và nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự phe nhóm? Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm.

51. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm.

52. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm.

53. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm.

54. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm.

55. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm.

56. Và nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự hợp nhất? Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất.

57. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất.

58. Nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp? Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có

lời đề nghị đến lần thứ hai, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

59. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

60. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

61. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

62. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy

thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

63. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, (như thế là) hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

64. Nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp? Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

65. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, (vị tỳ khưu) tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

66. Nay các tỳ khưu, thế nào là hành sự hợp nhất đúng Pháp? Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, (vị tỳ khưu) xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự

sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất đúng Pháp.

67. Nay các tỳ khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, (vị tỳ khưu) xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự sau, các tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, (như thế là) hành sự hợp nhất đúng Pháp. Nay các tỳ khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất đúng Pháp.

68. Có năm hội chúng: Hội chúng tỳ khưu với nhóm bốn vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm năm vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm mười vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm trên hai mươi vị.

69. Nay các tỳ khưu, ở đây hội chúng tỳ khưu với nhóm bốn vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ ba hành sự: tu lên bậc trên, lễ *Pavāraṇā*, và sự giải tội.

70. Nay các tỳ khưu, ở đây hội chúng tỳ khưu với nhóm năm vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ hai hành sự: tu lên bậc trên ở các xứ sở ở trung tâm và sự giải tội.

71. Nay các tỳ khưu, ở đây hội chúng tỳ khưu với nhóm mười vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ một hành sự là sự giải tội.

72. Này các tỳ khưu, ở đây hội chúng tỳ khưu với nhóm hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

73. Này các tỳ khưu, ở đây hội chúng tỳ khưu với nhóm trên hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

74. Này các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là tỳ khưu ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là cô ni tu tập sự mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. –nt– có vị thứ tư là sa di mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là sa di ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị đã xả bỏ sự học tập mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị phạm tội cực nặng mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ vô căn mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là loài thú mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là

kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết cha mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết A-la-hán mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm nhơ tỳ khuu ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ chia rẽ hội chúng mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm chảy máu (đức Phật) mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ lường căn mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị không đồng cộng trú mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng ở ranh giới khác mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng trên không trung nhờ vào thân thông mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nếu hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ tư thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm bốn vị.

75. Nay các tỳ khuu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là tỳ khuu ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khuu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là cô ni tu tập sự mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. – nt – có vị thứ năm là sa di mà thực hiện hành sự – nt – có vị thứ năm là sa di ni mà thực hiện hành sự – nt – có vị thứ năm là vị đã xả bỏ sự học tập mà thực hiện hành sự

—nt— có vị thứ năm là vị bị phạm tội cực nặng mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ vô căn mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là loài thú mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ giết cha mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ giết A-la-hán mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ làm như tỳ khưu ni mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ chia rẽ hội chúng mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ làm chảy máu (đức Phật) mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là kẻ lường căn mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm là vị không đồng cộng trú mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm đứng ở ranh giới khác mà thực hiện hành sự —nt— có vị thứ năm đứng trên không trung nhờ vào thần thông mà thực hiện hành sự —nt— Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ năm thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm năm vị.

76. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là tỳ khưu ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là cô ni tu tập sự mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. —nt— Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ mười thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm mười vị.

77. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là tỳ khưu ni mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nay các tỳ khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là cô ni tu tập sự mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. —nt— có vị thứ hai mươi là sa di mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là sa di ni mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị đã xả bỏ sự học tập mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị bị phạm tội cực nặng mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ vô căn mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là loài thú mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ giết cha mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai

mười là kẻ giết A-la-hán mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ làm nhơ tỳ khuư ni mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ chia rẽ hội chúng mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ làm chảy máu (đức Phật) mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là kẻ lường căn mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi là vị không đồng cộng trú mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi đứng ở ranh giới khác mà thực hiện hành sự ... có vị thứ hai mươi đứng trên không trung nhờ vào thần thông mà thực hiện hành sự ... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ hai mươi thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm hai mươi vị.

1. Nay các tỳ khuư, nếu (hội chúng có) vị đang chịu hình phạt *parivāsa* là vị thứ tư mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Nay các tỳ khuư, nếu (hội chúng có) vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Nay các tỳ khuư, nếu (hội chúng có) vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt *mānatta* mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các tỳ khưu, nếu (hội chúng có) vị thứ tư là vị đang chịu hình phạt *mānatta* mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các tỳ khưu, nếu (hội chúng có) vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

2. Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của một hạng người có giá trị, của một hạng người không có giá trị. Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào không có giá trị? Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của vị tỳ khưu ni không có giá trị. Này các tỳ khưu, của cô ni tu tập sự – nt– Này các tỳ khưu, của sa di – nt– Này các tỳ khưu, của sa di ni – nt– Này các tỳ khưu, của vị đã xả bỏ sự học tập – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị phạm tội cực nặng – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị điên – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị loạn trí – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị thọ khổ hành hạ – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi – nt– Này các tỳ khưu, của vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ vô căn – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ đã đi theo ngoại đạo – nt– Này các tỳ khưu, của loài thú – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ giết mẹ – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ giết cha – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ giết A-la-hán – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ làm nhơ tỳ khưu ni – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ chia rẽ hội chúng – nt– Này các tỳ khưu, của kẻ làm chảy máu (đức Phật) – nt–

Này các tỳ khưu, của kẻ lường căn –nt– Này các tỳ khưu, của vị không đồng cộng trú –nt– Này các tỳ khưu, của vị đứng ở ranh giới khác –nt– Này các tỳ khưu, của vị đứng trên không trung nhờ vào thần thông –nt– Và này các tỳ khưu, vị nào mà hội chúng (đang) thực hiện hành sự cho, sự phản đối giữa hội chúng của vị ấy không có giá trị. Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của những hạng người này không có giá trị.

3. Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào có giá trị? Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng có giá trị là (sự phản đối) của vị tỳ khưu trong sạch, đồng cộng trú, đứng chung ranh giới, cho dù vị ấy chỉ báo cho vị tỳ khưu kế bên biết. Này các tỳ khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người này có giá trị.

4. Này các tỳ khưu, đây là hai trường hợp mời ra. Này các tỳ khưu, có người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.

5. Và này các tỳ khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, thì (vị ấy) đã bị mời ra sai? Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là trong sạch, không có phạm tội, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì (vị ấy) đã bị mời ra sai. Này các tỳ khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì (vị ấy) đã bị mời ra sai.

6. Và này các tỳ khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì (vị ấy) đã được mời ra đúng? Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia,

nếu hội chúng mời vị ấy ra thì (vị ấy) đã được mời ra đúng. Nay các tỳ khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì (vị ấy) đã được mời ra đúng.

7. Nay các tỳ khưu, đây là hai trường hợp nhận vào.¹ Nay các tỳ khưu, có người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.

8. Và nay các tỳ khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào thì (vị ấy) đã được nhận vào sai? Nay các tỳ khưu, kẻ vô căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào thì (vị ấy) đã được nhận vào sai. Nay các tỳ khưu, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo –nt– Nay các tỳ khưu, loài thú –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ giết mẹ –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ giết cha –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ giết A-la-hán –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ làm nhơ tỳ khưu ni –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ chia rẽ hội chúng –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ làm chảy máu (đức Phật) –nt– Nay các tỳ khưu, kẻ lưỡng căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào thì (vị ấy) đã được nhận vào sai. Nay các tỳ khưu, các vị này được gọi là những người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì (các vị ấy) đã được nhận vào sai.

9. Và nay các tỳ khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào thì (vị ấy) đã được nhận vào đúng? Nay các tỳ khưu, vị bị đứt cánh tay không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng

¹ Sự nhận vào (*osāraṇam*): đề cập đến việc nhận vào trong trường hợp cho tu lên bậc trên (VinA. v, 1147).

nhận vị ấy vào, thì (vị ấy) đã được nhận vào đúng. Nay các tỳ khưu, vị bị đứt bàn chân –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị đứt cánh tay và bàn chân –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị sút tai –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị sút mũi –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị sút tai và mũi –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị đứt ngón tay –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị đứt móng tay –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị đứt gân chân –nt– Nay các tỳ khưu, vị có bàn tay dính liền giống cánh dơi –nt– Nay các tỳ khưu, vị gù lưng –nt– Nay các tỳ khưu, vị lùn tịt –nt– Nay các tỳ khưu, vị có bướu cổ –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị hình phạt đóng dấu –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị hình phạt đánh bằng roi –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị cáo thị tâm nã –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị phù chân voi –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị bệnh trầm trọng –nt– Nay các tỳ khưu, vị bơi lội tập thể –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị chột mắt –nt– Nay các tỳ khưu, vị tứ chi bị co rút –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị què –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị liệt nửa thân –nt– Nay các tỳ khưu, vị đi khập khiễng –nt– Nay các tỳ khưu, vị già yếu –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị mù –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị câm –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị điếc –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị mù và câm –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị mù và điếc –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị câm và điếc –nt– Nay các tỳ khưu, vị bị mù câm và điếc không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vị ấy vào, thì (vị ấy) đã được nhận vào đúng. Nay các tỳ khưu, các vị này được gọi là những người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào các vị ấy, thì (các vị ấy) đã được nhận vào đúng.

Tụng phẩm Làng Vāsabha là phần thứ nhất.

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không?’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức hãy sửa chữa tội ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

3. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

4. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội) hay là về việc không sửa chữa (lỗi); (như vậy) là hành sự sai Pháp.

5. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không? Tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội) hay là về việc không từ bỏ (tà kiến ác); (như vậy) là hành sự sai Pháp.

6. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa (lỗi) hay là về việc không từ bỏ (tà kiến ác); (như vậy) là hành sự sai Pháp.

7. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội),

hay là về việc không sửa chữa (lỗi), hay là về việc không từ bỏ (tà kiến ác); (như vậy) là hành sự sai Pháp.

8. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không?’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

9. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức hãy sửa chữa tội ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

10. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; (như vậy) là hành sự sai Pháp.

11. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. —nt— có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. —nt— có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. —nt— có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã

phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy. Đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa. Đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội), hay là về việc không sửa chữa (lỗi), hay là về việc không từ bỏ (tà kiến ác); (như vậy) là hành sự sai Pháp.

12. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quả trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không?’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; (như vậy) là hành sự đúng Pháp.

13. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quả trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức hãy sửa chữa tội ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; (như vậy) là hành sự đúng Pháp.

14. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quả trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; (như vậy) là hành sự đúng Pháp.

15. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa.

—nt— có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. —nt— có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. —nt— có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của đại đức là ác xấu, đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.’ Vị ấy đáp như vậy: ‘Này đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.’ Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội), hay là về việc không sửa chữa (lỗi), hay là về việc không từ bỏ (tà kiến ác); (như vậy) là hành sự đúng Pháp.”

16. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

17. - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.” - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, —nt— thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, —nt— ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự khiến trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, —nt—

thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [–nt– giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên,] bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

18. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, –nt– thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, –nt– ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, –nt– thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– ban cho hình phạt

parivāsa đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [–nt– giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên,] này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.”

19 - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.” - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, –nt– thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, –nt– ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, –nt– ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– giải tội cho vị xứng đáng

sự giải tội, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

20. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ... ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ... ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, ... đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ... ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, ... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế hội chúng không có sự vượt quá chức năng.”

21. - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng

đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.” - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ... ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, ... đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ... ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, ... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, ... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch

ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

22. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị

xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.”

23. - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.” - “Bạch ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?” - “Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.”

24. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế hội chúng không có sự vượt quá chức năng.”

25. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,

—nt— thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, —nt— ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.

26. Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, —nt— ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng

đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, –nt– ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.

27. Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất [ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ] đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, –nt– đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, –nt– đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, –nt– đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, –nt– đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, –nt– đến vị xứng đáng hành sự án treo, –nt– đến vị xứng đáng hình phạt *parivāsa*, –nt– đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, –nt– đến vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, –nt– đến vị xứng đáng sự giải tội, –nt– này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.

28. Này các tỳ khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– thực hiện hành sự án treo đến vị

xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, –nt– giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này các tỳ khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế hội chúng có sự vượt quá chức năng.”

**Tụng phẩm về những câu hỏi của Upāli là thứ
nhì.**

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

2. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

3. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

5. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự

khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

6. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

7. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

8. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

9. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.”

Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

10. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

11. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

12. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

13. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

14. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

15. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

16. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

17. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

18. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức,

vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

19. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

20. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

21. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

22. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta

hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

23. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

24. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

25. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

26. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta

hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

27. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy - sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên tương tự phần dưới].

28. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

29. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi phe nhóm sai Pháp, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy - sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

30. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu mắng nhiếc nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này mắng nhiếc nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện

hành sự hòa giải đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

31. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy - sai Pháp có sự hợp nhất - nt- đúng Pháp theo phe nhóm - nt- có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm - nt- có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

32. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

33. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất - nt- đúng Pháp theo phe nhóm - nt- có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm - nt- có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

34. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này

sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

35. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

36. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

37. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

38. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phạm sự đúng dẫn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

39. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phạm sự đúng dẫn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

40. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

41. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

42. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi

hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

43. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

44. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

45. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

46. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

47. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi

hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

48. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

49. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

50. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

51. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

52. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi

hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

53. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

54. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

55. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

56. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

57. Nếu ở đó, các tỳ khưu bàn như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự

khiến trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiến trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiến trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

58. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiến trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiến trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiến trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

59. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiến trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiến trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiến trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

60. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiến trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiến trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiến trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

61. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiến trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiến trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiến trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

62. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiến trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng

đần, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

63. Nếu ở đó, các tỳ khưu bàn như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đần, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

64. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

65. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

66. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

67. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu cũng (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu

hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

68. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy.

69. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

70. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

71. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi.

72. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành

sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

73. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

74. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải.

75. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

76. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

77. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

78. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

79. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp sai Pháp có sự hợp nhất – nt – đúng Pháp theo phe nhóm – nt – có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm – nt – có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

80. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

81. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về

việc không sửa chữa lỗi, vị tỳ khưu này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

82. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

83. Này các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khưu làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

84. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khưu này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

85. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

86. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

87. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

88. Này các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm sai Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

89. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy:

“Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

90. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

91. Này các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất sai Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

92. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

93. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

94. Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

95. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

96. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

97. Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

98. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vị

ấy thực hiện hành sự khiến trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

99. Hội chúng ngu ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

100. Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

101. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngu ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.”

Này các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

102. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Này các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

103. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu mắng nhiếc nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này mắng nhiếc nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai

Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

104. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị

nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

105. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

106. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này.” Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng:

“Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Đây các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

107. Đây các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Đây các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Đây các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm sai Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

108. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất sai Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

109. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm

có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

110. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

111. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị tỳ

khuru (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị tỳ khuru này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Này các tỳ khuru, ở đó các tỳ khuru nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khuru nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khuru ấy là các vị nói đúng Pháp.

112. Này các tỳ khuru, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị tỳ khuru làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu ở đó, các vị tỳ khuru (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị tỳ khuru này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã

được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

113. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

114. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

115. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Này các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị tỳ

khuru này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khuru, ở đó các tỳ khuru nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khuru nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khuru ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

116. Nay các tỳ khuru, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị tỳ khuru làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị tỳ khuru (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị tỳ khuru này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này.” Các vị ấy

thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

117. Nay các tỳ khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị tỳ khưu (bàn bạc) như vậy: “Nay các đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm –nt– sai Pháp có sự hợp nhất –nt– đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm –nt– có vẻ

ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Nay các tỳ khưu, ở đó các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp” và các tỳ khưu nào đã nói như vậy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,” trong trường hợp này các vị tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

Dứt chương Campā là thứ chín.

Trong chương này có ba mươi sáu sự kiện.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Đức Thế Tôn đã ngự ở xứ Campā, câu chuyện làng Vāsabha, vị đã thực hiện sự nỗ lực liên quan đến điều mong muốn của các vị vãng lai.

2. Sau khi biết rằng: “Các vị đã biết làm,” từ đó đã không thể hiện sự nỗ lực. (Nghĩ rằng): “Vị không làm bị treo tội,” vị ấy đã đi đến gặp đấng Chiến Thắng.

3. Hành sự phe nhóm sai Pháp, và hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, một vị treo tội mỗi một vị, và một vị treo tội hai vị, (treo tội) một số vị, chỉ một vị treo tội cả hội chúng.

5. Hai vị cũng vậy, một số vị cũng thế, và hội chúng treo tội hội chúng. Bậc Toàn Tri quý cao sau khi nghe được đã cấm đoán: “Là sai Pháp.”

6. Về hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, và thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị.

7. Và thiếu cả hai phần, lại còn không thuộc về Pháp, không theo Luật, nghịch với bậc Đạo Sư, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

8. (Hành sự) sai Pháp phe nhóm, có sự hợp nhất, hai có vẻ đúng pháp, và đức Như Lai cho phép về (hành sự) đúng Pháp có sự hợp nhất.

9. Nhóm bốn vị, nhóm năm vị, nhóm mười vị, và hai mươi vị, và nhóm hơn hai mươi vị, hội chúng có năm hình thức như thế.

10. Trừ ra sự tu bậc trên, và hành sự Pavāraṇā, cùng với hành sự giải tội, là thuộc về hành sự với nhóm bốn vị.

11. Trừ đi hai hành sự là việc tu lên bậc trên ở các xứ trung tâm và sự giải tội, còn tất cả hành sự là thuộc về hành sự liên quan đến nhóm năm vị.

12. Trừ ra mỗi sự giải tội, là các tỳ khưu nào thuộc nhóm có mười vị. Hội chúng hai mươi vị là nhóm thực hiện tất cả các hành sự, có liên quan đến hành sự ở tất cả các nơi.

13. Tỳ khưu ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni, vị đã xả bỏ (sự học tập), vị phạm tội cực nặng, vị bị án treo về việc không nhận thấy tội.

14. (Vị bị án treo) về việc không sửa chữa (lỗi), về tà kiến, kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ, và cha.

15. (Kẻ giết) A-la-hán, làm như tỳ khưu ni, chia rẽ, làm chảy máu (đức Phật), kẻ lường căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, ở ranh giới khác, với thần thông.

16. Vị mà hội chúng thực hiện hành sự. Hai mươi bốn việc này là đã bị cấm đoán bởi đấng Toàn Giác bởi vì các việc này là không đầy đủ nhóm.

17. Hoặc là vị đang chịu hình phạt pārivāsa là vị thứ tư mà ban cho hình phạt pārivāsa, đưa về lại (hình

phạt) ban đầu, hình phạt m^ānatta, sự giải tội, thì không phải là hành sự, và không phải là việc làm.

18. Vị xứng đáng sự đưa về lại (hình phạt) ban đầu, hình phạt m^ānatta, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, không thể là những vị thực hiện hành sự, năm hạng đã được bậc Toàn Giác giảng giải.

19. Tỳ khưu ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni, vị đã xả bỏ (điều học), vị phạm tội cực nặng, vị bị điên, bị loạn trí, bị thọ khổ hành hạ, không nhìn nhận tội.

20. Vị không sửa chữa (lỗi), về tà kiến, kẻ vô căn, luôn cả kẻ lưỡng căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, về ranh giới, ở không trung, và hành sự là của vị này.

21. Sự phản đối của mười tám hạng người này là không có giá trị, sự phản đối của vị tỳ khưu trong sạch là có giá trị.

22. Đối với vị trong sạch, là đã bị mời ra sai, còn vị ngu si là đã được mời ra đúng. Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), kẻ đi theo ngoại đạo, thú vật.

23. Kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, kẻ làm ô uế, chia rẽ hội chúng, và luôn cả kẻ làm chảy máu (đức Phật), và kẻ nào là lưỡng căn.

24. Mười một hạng người này không đáng sự nhận vào. (Kẻ có) cánh tay, bàn chân, hoặc cả hai, lỗ tai, lỗ mũi, hoặc cả hai (bị đứt).

25. Kẻ có ngón tay, móng, và gân, tay liền ngón, gù lưng, và lùn tịt, có bướu cổ, bị đóng dấu, roi vọt, kẻ bị cáo thị tâm nã, và kẻ có chân bị phù.

26. Kẻ có bệnh trầm trọng, bơi nhọ tập thể, bị chột mắt, và tứ chi bị co rút, bị què, bị liệt nửa thân, đi khắp khiêng, già yếu, bị mù, câm, và điếc.

27. Bị mù và câm, bị mù và điếc, và luôn cả bị câm và điếc, bị mù câm và điếc, các trường hợp này là ba mươi hai không thiếu sót.

28. Việc nhận vào của các vị ấy đã được đấng Toàn Giác giảng giải. (Tội) cần phải nhìn nhận, cần phải sửa đổi, (tà kiến) cần phải từ bỏ không tìm thấy.

29. Các hành sự án treo dành cho vị ấy có bảy trường hợp là sai Pháp. Đã vi phạm, rồi chấp nhận, cũng có bảy trường hợp sai Pháp.

30. Đã vi phạm, không chấp nhận, có bảy hành sự hoàn toàn đúng Pháp. Có sự hiện diện, có sự tra hỏi, với sự thú nhận là các nguyên nhân.

31. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, khi không điên cuồng, theo tội, khiển trách, và chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo, và hình phạt parivāsa.

32. Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, hình phạt mānatta, sự giải tội, sự tu bậc trên là tương tự như thế ấy, việc khác lại thực hiện cho tội khác, mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

33. Việc ấy thì hành xử việc ấy, việc ấy cho vị ấy, mười sáu trường hợp này là hoàn toàn đúng Pháp. Nếu thay đổi lại từng điều một thì mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

34. Theo nguồn gốc ấy từng đôi từng đôi (áp dụng) cho vị ấy, thì chúng cũng là mười sáu trường hợp đúng Pháp. Về sự luân phiên theo từng nguồn gốc một, đấng Chiền Thắng đã nói: “Là sai Pháp.”

35. Hội chúng đã thực hiện hành sự khiến trách cho vị gây nên các sự xung đột, là hành sự phe nhóm sai Pháp nên vị ấy đã đi đến trú xứ khác.

36. Tại đó, họ đã thực hiện (hành sự) khiến trách sai pháp có sự hợp nhất đến vị ấy. Ở một nơi khác, họ đã thực hiện (hành sự) khiến trách theo phe nhóm đúng Pháp đến vị ấy.

37. Tương tự, họ đã thực hiện (hành sự) có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm rồi có sự hợp nhất, sai Pháp có sự hợp nhất, và đúng Pháp theo phe nhóm nữa.

38. Và có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, và luôn cả các trường hợp này có sự hợp nhất. Sau khi thực hiện theo từng nguồn gốc một, vị có sự khéo léo có thể buộc thành sự luân phiên.

39. Sự chỉ dạy là dành cho vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, về (hành sự) xua đuổi đối với vị làm hư hỏng các gia đình, và thực hiện hành sự hòa giải đến vị mắng nhiếc.

40. Về vị không nhìn nhận (tội) và không sửa chữa (lỗi), và vị nào không từ bỏ tà kiến, hành sự án treo của các vị ấy đã được giảng giải bởi vị Hướng Dẫn đoàn xe.

41. Các câu hỏi về các hành sự hướng dẫn ở phần trên nên áp dụng vào hành sự khiến trách. Đối với

chính những điều ấy, vị làm bốn phận nghiêm chỉnh đúng đắn, đã thỉnh cầu.

42. Sự thu hồi đối với các hành sự ấy và với phần hướng dẫn hành sự ở dưới, về các hành sự ở nơi này ở nơi kia, và (hội chúng) ngụ ở nơi đó tranh cãi.

43. “Chưa được làm, và luôn cả đã được làm sai, cần phải được làm lại,” và cũng trong việc thu hồi hành sự, các tỳ khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

44. Sau khi nhìn thấy sự hư hỏng, sự khiếm khuyết, (và) sự thành tựu hành sự, bậc Đại Hiên Sĩ đã nói về sự thu hồi, ví như nhà phẫu thuật chỉ dạy về phương thuốc trị bệnh.”

--ooOoo--

X. CHƯƠNG KOSAMBI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambi, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là vô tội.

2. Vị ấy, vào một lúc khác, có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

3. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không?” - “Này các đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.”

4. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy sau khi đạt được sự hợp nhất đã phạt án treo vị tỳ khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

5. Và vị tỳ khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

6. Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: - “Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm (tội), tôi không phải là phạm (tội). Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp vì Luật, các đại đức hãy về phe của tôi.” Rồi vị tỳ khưu ấy đã có được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

7. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp các vị tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở (nói rằng): “Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm (tội), tôi không phải là phạm (tội). Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp vì Luật, các đại đức hãy về phe của tôi.” Rồi vị tỳ khưu ấy đã có được các vị tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

8. Sau đó, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu ban án treo điều này: - “Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị tỳ khưu ấy không phạm (tội), vị tỳ khưu ấy không phải là phạm (tội). Vị tỳ khưu ấy không bị án treo, vị tỳ khưu ấy không phải là bị án treo. Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì.”

9. Khi được nói như thế, các tỳ khưu ban án treo đã nói với các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: - “Này các đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị tỳ khưu ấy là phạm (tội), vị tỳ khưu ấy không phải là không phạm (tội). Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo, vị tỳ khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các đại đức, các vị chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị tỳ khưu đã bị án treo ấy.”

10. Trong khi được các tỳ khưu ban án treo nói như thế, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị tỳ khưu đã bị án treo ấy y như thế.

11. Sau đó, có vị tỳ khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống

một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, trường hợp có vị tỳ khưu nọ đã phạm tội. Vị ấy đã có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị tỳ khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội.

12. Vị ấy, vào một lúc khác, đã có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị tỳ khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là có tội.

13. Bạch ngài, khi ấy các vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: ‘Này đại đức, đại đức đã phạm tội, đại đức có nhận thấy tội ấy không?’ ‘Này các đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.’

14. Bạch ngài, sau đó các vị tỳ khưu ấy đã đạt được sự hợp nhất và đã phạt án treo vị tỳ khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

15. Và bạch ngài, vị tỳ khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

16. Bạch ngài, khi ấy vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: ‘Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm (tội), tôi không phải là phạm (tội). Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp vì Luật, các đại đức hãy về phe của tôi.’

17. Bạch ngài, rồi vị tỳ khưu ấy đã có được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

18. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp trực tiếp các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở (nói rằng): ‘Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm (tội), tôi không phải là phạm (tội). Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp vì Luật, các đại đức hãy về phe của tôi.’

19. Bạch ngài, rồi vị tỳ khưu ấy đã có được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

20. Bạch ngài, sau đó các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu ban án treo điều này: ‘Này các đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị tỳ khưu ấy không phạm (tội), vị tỳ khưu ấy không phải là phạm (tội). Vị tỳ khưu ấy không bị án treo, vị tỳ khưu ấy không phải là bị án treo. Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì.’

21. Bạch ngài, khi được nói như thế các tỳ khưu ban án treo đã nói với các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: ‘Này các đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị tỳ khưu ấy là phạm (tội), vị tỳ khưu ấy không phải là không phạm (tội). Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo, vị tỳ khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các đại đức, chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị tỳ khưu đã bị án treo ấy.’

22. Bạch ngài, trong khi được các tỳ khưu ban án treo nói như thế, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị tỳ khưu đã bị án treo y như thế.”

23. Khi ấy, đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Hội chúng tỳ khưu đã bị chia rẽ! Hội chúng tỳ khưu đã bị chia rẽ!” rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các vị tỳ khưu ban án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

24. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ban án treo điều này: - “Này các tỳ khưu, các người chớ có nghĩ rằng trong trường hợp (lập luận rằng): ‘Là rõ ràng đối với chúng ta! Là rõ ràng đối với chúng ta!!’ thì có thể ban án treo đến vị tỳ khưu.

25. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu bị phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

26. Này các tỳ khưu, nếu các tỳ khưu ấy nghĩ về vị tỳ khưu ấy như vậy: ‘Vị đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta phạt án treo vị tỳ khưu này về việc không nhìn nhận tội, chúng ta sẽ không hành lễ *Uposatha* với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Uposatha* không có vị tỳ khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.’

27. Này các tỳ khưu, các tỳ khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị tỳ khưu ấy.

28. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

29. Nay các tỳ khưu, nếu các tỳ khưu ấy nghĩ về vị tỳ khưu ấy như vậy: ‘Vị đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không làm hành sự của hội chúng với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ làm hành sự của hội chúng không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không ngồi ăn cháo với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ ngồi ăn cháo không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không ngồi trong nhà ăn với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ ngồi trong nhà ăn không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không trú trong một mái che với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ trú trong một mái che không có vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ không thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với vị tỳ khưu này, chúng ta sẽ thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không với vị tỳ khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.’

30. Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị tỳ khưu ấy.”

31. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các tỳ khưu ban án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

32. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: - “Này các tỳ khưu, các người sau khi phạm tội chớ có nghĩ là không cần phải sửa chữa lỗi (cho rằng): ‘Chúng tôi không phạm! Chúng tôi không phạm!’”

33. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

34. Này các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu ấy nghĩ về các tỳ khưu kia như vậy: ‘Các vị đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác (mà các vị ấy) bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị tỳ khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ *Uposatha* với ta, các vị sẽ hành lễ *Uposatha* không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.’

35. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

36. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các tỳ khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

37. Nay các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu ấy nghĩ về các tỳ khưu kia như vậy: ‘Các vị đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác mà (các vị ấy) bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị tỳ khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với ta, các vị sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có ta, các vị sẽ không làm hành sự của hội chúng với ta, các vị sẽ làm hành sự của hội chúng không có ta, các vị sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với ta, các vị sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có ta, các vị sẽ không ngồi ăn cháo với ta, các vị sẽ ngồi ăn cháo không có ta, các vị sẽ không ngồi trong nhà ăn với ta, các vị sẽ ngồi trong nhà ăn không có ta, các vị sẽ không trú trong một mái che với ta, các vị sẽ trú trong một mái che không có ta, các vị sẽ không thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với ta, các vị sẽ thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.’

38. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.”

39. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo đã tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy bên trong ranh giới.

41. Còn các tỳ khưu ban án treo đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

42. Sau đó, có vị tỳ khưu nọ là vị ban án treo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy bên trong ranh giới. Bạch ngài, còn chúng con là các tỳ khưu ban án treo thì đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.”

43. - “Này tỳ khưu, nếu các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các vị ấy sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Này tỳ khưu, nếu các tỳ khưu ban án treo các người tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các người sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nguyên nhân của việc ấy là gì? Các vị tỳ khưu ấy là không đồng cộng trú với các người và các người là không đồng cộng trú với các vị ấy.

44. Nay tỳ khưu, có hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận (tội), hoặc về việc không sửa chữa (lỗi), hoặc về việc không từ bỏ (tà kiến ác). Nay tỳ khưu, đây là hai nền tảng của việc không đồng cộng trú.

45. Nay tỳ khưu, có hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị đã bị án treo về việc không nhìn nhận (tội), hoặc về việc không sửa chữa (lỗi), hoặc về việc không từ bỏ (tà kiến ác). Nay tỳ khưu, đây là hai nền tảng của việc đồng cộng trú.”

46. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu này sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, rồi thể hiện thân nghiệp khẩu nghiệp không thích hợp, rồi thực hiện sự va chạm bằng tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, lại thể hiện thân nghiệp khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?” Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, – nt – các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu này sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà lại thể hiện thân nghiệp khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?”

47. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói – nt –, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt – Sau

khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử sai Pháp đưa đến việc không hài hòa thì nên ngồi xuống chỗ ngồi (nghĩ rằng): ‘Dầu gì đi nữa chúng ta sẽ không thể hiện thân nghiệp khẩu nghiệp không thích hợp với nhau, chúng ta sẽ không thực hiện sự va chạm bằng tay.’ Này các tỳ khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử đúng Pháp đưa đến việc hài hòa, thì nên ngồi xuống chỗ ngồi kế cận nhau.”

48. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nảy sinh sự xung đột, nảy sinh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Khi ấy, có vị tỳ khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, ở đây các tỳ khưu nảy sinh sự xung đột, nảy sinh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Bạch ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn vì lòng thương xót hãy đi đến gặp các tỳ khưu ấy.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

49. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến gặp các tỳ khưu ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, thôi đủ rồi. Chớ có (gây ra) sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.” Khi được nói như thế, có vị tỳ khưu nọ là vị nói sai Pháp đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gần bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng

sự xung đột, bằng sự cãi cò, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.” Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, thôi đủ rồi. Chớ có (gây ra) sự xung đột, sự cãi cò, sự lý luận, sự tranh luận nữa.” Đến lần thứ nhì, vị tỳ khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gần bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cò, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.”

50. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, trong thời quá khứ ở thành Bārāṇasī, đức vua của xứ Kāśi tên Brahmadatta là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp.

51. Còn đức vua xứ Kosala tên Dīghīti thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy.

52. Này các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāśi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với đức vua Dīghīti xứ Kosala.

53. Này các tỳ khưu, đức vua Dīghīti xứ Kosala đã nghe rằng: “Nghe nói đức vua Brahmadatta xứ Kāśi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với ta.”

54. Này các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Đức vua Brahmadatta xứ Kāśi là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và

vừa lúa đầy ắp. Còn ta thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vừa lúa không đầy. Ta không có khả năng để chịu đựng chỉ một cuộc tấn công của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi, hay là ta nên tẩu thoát khỏi thành phố trước?”

55. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala đã đem theo hoàng hậu và tẩu thoát khỏi thành phố trước.

56. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã chiến thắng và đã làm chủ binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vừa lúa của đức vua Dīghīti xứ Kosala.

57. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ đã ra đi về phía thành Bārāṇasī, theo tuần tự đã đến được thành Bārāṇasī. Nay các tỳ khưu, tại đó ở khu vực ngoại ô nọ nơi thành Bārāṇasī, đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ ngụ trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.

58. Nay các tỳ khưu, sau đó chẳng bao lâu hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và được uống nước rửa đao kiếm.

59. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã nói với đức vua Dīghīti xứ Kosala điều này: - “Tâu bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Thiếp mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và được uống nước rửa đao kiếm.”

- “Này ái hậu, trong lúc chúng ta đang lâm cảnh khốn cùng thì lấy đâu ra đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và nước rửa đao kiếm.” - “Tâu bệ hạ, nếu không đạt được thì thiếp sẽ chết mất.”

60. Này các tỳ khưu, vào lúc bấy giờ vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi là bạn của đức vua Dīghīti xứ Kosala.

61. Này các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: - “Này bạn, người bạn gái của bạn đang mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và được uống nước rửa đao kiếm.” - “Tâu bệ hạ, như thế thì chúng ta hãy gặp hoàng hậu.”

62. Này các tỳ khưu, khi ấy hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi. Này các tỳ khưu, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay cúi chào hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala và đã ba lần thốt lên lời cảm hứng rằng: “Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Tâu hoàng hậu, xin chớ lo âu, vào lúc mặt trời mọc hoàng hậu sẽ được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng

có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và được uống nước rửa đao kiếm.”

63. Nay các tỳ khưu, sau đó vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi đến gặp đức vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: - “Tâu bệ hạ, theo như các điềm báo hiệu cho thấy: Ngày mai vào lúc mặt trời mọc, đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, hãy đứng ở trên đất bằng, và các đao kiếm hãy được rửa.”

64. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: - “Này các khanh, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự đã nói như thế nào thì các khanh hãy làm theo như thế ấy.”

65. Nay các tỳ khưu, rồi vào lúc mặt trời mọc hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng, và được uống nước rửa đao kiếm.

66. Nay các tỳ khưu, sau đó khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, hoàng hậu của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Dīghāvu. Nay các tỳ khưu, sau đó chẳng bao lâu hoàng tử Dīghāvu đã đạt được sự hiểu biết.

67. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: - “Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Nếu người này biết được chúng ta thì sẽ ra lệnh giết chết luôn cả ba. Hay là ta nên cho hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố?”

68. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Dīghīti xứ Kosala đã cho hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố. Nay các tỳ khưu, sau đó chẳng bao lâu hoàng tử Dīghāvu trong khi sống ở bên ngoài thành phố đã học được tất cả các tài nghệ.

69. Nay các tỳ khưu, vào lúc bấy giờ người thợ hót tóc của đức vua Dīghīti xứ Kosala sống (dưới quyền) của đức vua Brahmadatta xứ Kāsi. Nay các tỳ khưu, người thợ hót tóc của đức vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ. Sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: - “Tâu bệ hạ, đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.”

70. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: - “Nay các khanh, như thế thì hãy dẫn đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Nay các tỳ khưu, rồi những người ấy nghe theo đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dẫn đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.

71. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: - “Nay các khanh, như thế thì hãy trói chặt đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi đưa đi ra bằng

cổng thành phía nam, hãy chặt thành bốn khúc tại phía nam của thành phố, rồi quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng.”

72. - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Nay các tỳ khưu, rồi những người ấy nghe theo đức vua Brahmadatta xứ Kāśi đã trói chặt đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi.

73. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: - “Mẹ và cha của ta được nhìn thấy đã lâu lắm rồi, hay là ta nên gặp mẹ và cha?”

74. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī và nhìn thấy mẹ và cha bị trói chặt cánh tay ở phía sau bằng dây thừng chắc chắn, bị cạo trọc đầu, và đang bị dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp mẹ và cha.

75. Nay các tỳ khưu, đức vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy hoàng tử Dīghāvu từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.”

76. Nay các tỳ khưu, khi được nói như thế những người ấy đã nói với đức vua Dīghīti xứ Kosala điều này: -

“Đức vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu?’” - “Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ.”

77. Này các tỳ khưu, đến lần thứ nhì – nt – Này các tỳ khưu, đến lần thứ ba những người ấy đã nói với đức vua Dīghīti xứ Kosala điều này: - “Đức vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu?’” - “Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ.”

78. Này các tỳ khưu, sau đó những người ấy khi đã dẫn đức vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi rồi đã đưa đi ra bằng cổng thành phía nam, chặt thành bốn khúc tại phía nam của thành phố, quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng, ổn định lại hàng ngũ, rồi đã bỏ đi.

79. Này các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī đem lại rượu và cho các người lính gác uống. Đến khi những người lính đã bị say và té xuống, thì hoàng tử Dīghāvu đã tự mình gom góp các thanh củi, thực hiện giàn hỏa táng, rồi đặt thi thể của mẹ

và cha lên giàn hỏa táng, châm lửa, chấp tay lên, và hướng vai phải nhiều quanh giàn hỏa thiêu ba vòng.

80. Nay các tỳ khưu, vào lúc bấy giờ đức vua Brahmadata xứ Kāsi đi đến nơi sân thượng ở phần trên tòa lâu đài. Nay các tỳ khưu, đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã nhìn thấy hoàng tử Dīghāvu chấp tay lên và đang hướng vai phải nhiều quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn rằng người đàn ông này là thân quyến hoặc là có cùng huyết thống với đức vua Dīghī xứ Kosala. Hừ, chẳng có ích lợi gì cho ta. Bởi vì chẳng có người nào sẽ nói cho ta hay!”

81. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã đi vào rừng và than van khóc lóc cho đến ngôi ngoại, rồi đã lau khô nước mắt, trở vào thành Bārāṇasī, đi đến chuồng voi ở cạnh hoàng cung, và đã nói với người thầy huấn luyện voi điều này: - “Thưa thầy, tôi muốn học nghề.” - “Này chàng trai trẻ mến, như thế thì người cứ việc học.”

82. Nay các tỳ khưu, sau đó hoàng tử Dīghāvu, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi.

83. Nay các tỳ khưu, rồi đức vua Brahmadata xứ Kāsi, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã nghe tiếng ca hát với giọng du dương và tiếng đánh đàn ở nơi chuồng voi nên đã hỏi mọi người rằng: - “Này các khanh, người nào sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?”

84. - “Tâu bệ hạ, chàng trai trẻ học trò của người thầy huấn luyện voi kia, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn

ở nơi chuông voi.” - “Này các khanh, như thế thì hãy dẫn chàng trai trẻ ấy đến.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Này các tỳ khưu, rồi các người ấy nghe theo đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã đưa hoàng tử Dīghāvu lại.

85. - “Này khanh chàng trai trẻ, có phải khanh sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuông voi?” - “Tâu bệ hạ, thưa phải.” - “Này khanh chàng trai trẻ, như thế thì khanh hãy ca hát với giọng du dương và hãy đánh đàn đi.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Này các tỳ khưu, rồi hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức vua Brahmadata xứ Kāsi và có ý định làm (đức vua) hài lòng nên đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn. - “Này khanh chàng trai trẻ, khanh hãy hầu hạ ta.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Này các tỳ khưu, hoàng tử Dīghāvu đã đáp lời đức vua Brahmadata xứ Kāsi.

86. Này các tỳ khưu, sau đó hoàng tử Dīghāvu đã trở thành người thức dậy trước và đi ngủ sau, là người sẵn sàng làm mọi việc, có hành động chiều chuộng, có nói lời êm dịu đối với đức vua Brahmadata xứ Kāsi.

87. Này các tỳ khưu, sau đó chẳng bao lâu đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã bổ nhiệm hoàng tử Dīghāvu vào vai trò cận thần thân thiết.

88. Này các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Này khanh chàng trai trẻ, như vậy thì khanh hãy thắng (ngựa) vào xe, chúng ta sẽ đi săn thú.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Này các tỳ khưu, rồi hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã thắng (ngựa) vào xe rồi đã nói với đức vua Brahmadata xứ Kāsi điều này: “Tâu bệ hạ,

xe đã được thắng (ngựa) vào, xin bộ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì.”

89. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe. Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe và đã điều khiển xe như thế nào đó để đội quân lính đã đi theo hướng khác, còn chiếc xe theo hướng khác.

90. Nay các tỳ khưu, sau đó khi đã đi xa, đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Này khanh chàng trai trẻ, hãy dừng xe lại. Trẫm đã mệt và sẽ nằm xuống.”

91. - “Tâu bộ hạ, xin vâng.” Nay các tỳ khưu, rồi hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dừng xe lại và ngồi xuống với thế kiết già ở trên mặt đất.

92. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã kê đầu lên bắp vế của hoàng tử Dīghāvu và nằm xuống. Đức vua đang mệt mỏi nên chỉ trong chốc lát đã rơi vào giấc ngủ.

93. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Đức vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm của việc này, là việc ta có thể thanh toán mỗi thù hận” rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ.

94. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không

được làm lắng dịu bởi thù hận. Nay Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’ Đối với ta việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha” nên đã tra gươm vào vỏ.

95. Nay các tỳ khưu, đến lần thứ nhì – nt – Nay các tỳ khưu, đến lần thứ ba hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Đức vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm để ta có thể thanh toán mỗi thù hận” rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. Nay các tỳ khưu, đến lần thứ ba hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: ‘Nay Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Nay Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Nay Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’ Đối với ta việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha” nên lại tra gươm vào vỏ.

96. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāsi trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, đã tức thời chồm dậy.

97. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã nói với đức vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: - “Tâu bệ hạ, vì sao bệ hạ lại trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, và tức thời chồm dậy?” - “Nay khanh chàng trai trẻ, ở đây con trai của đức vua Dīghīti xứ Kosala là hoàng tử Dīghāvu đã dùng gươm tấn công ta trong giấc ngủ mơ, vì thế trẫm trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, và đã tức thời chồm dậy.”

98. Nay các tỳ khưu, khi ấy hoàng tử Dīghāvu đã dùng bàn tay trái mân mê đầu của đức vua Brahmadata xứ Kāsi và dùng bàn tay phải rút gươm ra rồi nói với đức vua Brahmadata xứ Kāsi điều này: - “Tâu bệ hạ, thần chính là hoàng tử Dīghāvu con trai của đức vua Dīghīti xứ Kosala. Bệ hạ là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng tôi. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vựa lúa của chúng tôi đã bị bệ hạ chiếm đoạt. Mẹ và cha của tôi đã bị bệ hạ giết. Đây quả là thời điểm việc này, là việc thần có thể thanh toán mối thù hận.”

99. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã quỳ mọp xuống kê đầu ở hai bàn chân của hoàng tử Dīghāvu và đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trăm mạng sống. Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trăm mạng sống.” - “Sao thần lại có khả năng để ban cho bệ hạ mạng sống được. Chính bệ hạ mới có thể ban cho thần mạng sống?” - “Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy ban cho trăm mạng sống, và trăm sẽ ban mạng sống cho khanh.”

100. Nay các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadata xứ Kāsi và hoàng tử Dīghāvu đã ban mạng sống cho nhau. Họ đã nắm lấy bàn tay và đã thực hiện lời thề không phản bội nhau.

101. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy thắng (ngựa) vào xe, chúng ta sẽ đi.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Nay các tỳ khưu, rồi hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức vua Brahmadata xứ Kāsi đã thắng (ngựa) vào xe rồi đã nói với đức vua Brahmadata xứ Kāsi điều này: - “Tâu bệ hạ, xe đã được thắng (ngựa) vào, xin bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì.”

102. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe và hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe, và đã điều khiển xe theo như thế nào đó để chẳng bao lâu sau gặp lại đội quân lính.

103. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi vào thành Bārāṇasī, cho triệu tập các viên quan đại thân cố vấn lại, và đã nói điều này: - “Nay các khanh, nếu các khanh có thể nhìn thấy hoàng tử Dīghāvu con trai của đức vua Dīghīti xứ Kosala thì các khanh nên làm gì người ấy?”

104. Một số vị quan đã nói như vầy: - “Tâu bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay. Tâu bệ hạ, chúng ta nên chặt hai chân. Tâu bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay và hai chân. Tâu bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai. Tâu bệ hạ, chúng ta nên xẻo lỗ mũi. Tâu bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai và lỗ mũi. Tâu bệ hạ, chúng ta nên chặt đầu.”

105. - “Nay các khanh, đây chính là hoàng tử Dīghāvu con trai của đức vua Dīghīti xứ Kosala. Không được làm bất cứ điều gì đến người này. Người này đã ban cho trăm mạng sống và trăm đã ban mạng sống cho người này.”

106. Nay các tỳ khưu, sau đó đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với hoàng tử Dīghāvu điều này: - “Nay Dīghāvu yêu quý, điều mà cha của khanh vào lúc chết đã nói rằng: ‘Nay Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Nay Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Nay Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu,’ cha của khanh đã ám chỉ điều gì vậy?”

107. - “Tâu bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có xa,’ (ý là) ‘Chớ có gây thù hận lâu dài.’

Tâu bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có xa.’ Tâu bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có gần,’ (ý là) ‘Chớ có mau chóng gây đổ vỡ với bạn bè.’ Tâu bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có gần.’ Tâu bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu,’ (ý là) ‘Mẹ và cha của thần đã bị bệ hạ giết,’ như thế nếu thần có thể tước đoạt mạng sống của bệ hạ thì những người mong mỗi sự lợi ích cho bệ hạ có thể tước đoạt mạng sống của thần, rồi những người mong mỗi sự lợi ích cho thần có thể tước đoạt mạng sống của những người ấy; như vậy thù hận ấy không thể giải quyết bằng thù hận. Giờ đây, bệ hạ đã ban mạng sống cho thần và thần đã ban mạng sống cho bệ hạ; như vậy thù hận ấy đã được giải quyết bằng sự không thù hận. Tâu bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’”

108. Này các tỳ khưu, khi ấy đức vua Brahmadatta xứ Kāsi đã khởi ý điều này: - “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Hoàng tử Dīghāvu này thật sáng trí bởi vì hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết của điều đã được người cha nói ra một cách vắn tắt” rồi đã trả lại binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, và vựa lúa của người cha, và còn ban cho người con gái (của mình) nữa.

109. Này các tỳ khưu, ngay chính những người ấy là các vị vua đã cầm lấy gậy, đã cầm lấy gươm mà còn có sự kham nhẫn và khoan dung như thế ấy. Này các tỳ khưu, ở đây các người hãy làm rạng rỡ việc các người đang được

xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, các người hãy nên bày tỏ sự kham nhẫn và lòng khoan dung.”

110. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, thôi đủ rồi. Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự lý luận, chớ có sự tranh luận nữa.”

111. Đến lần thứ ba, vị tỳ khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gần bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, và bằng sự tranh luận này.”

112. Khi ấy, đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Những kẻ rồ dại này đã tới mức tận cùng, những kẻ này không dễ gì mà nhắc nhở” rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tụng phẩm Dīghāvu là phần thứ nhất.

1. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Kosambi để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kosambi, trên đường khất thực trở về sau bữa ăn, đức Thế Tôn đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, rồi chỉ đứng giữa hội chúng nói lên những lời kệ này:

2. *“Trong đám người ồn ào náo nhiệt, không kẻ nào nghĩ là mình ngu, hơn thế nữa, trong khi hội chúng đang bị chia rẽ, không người nào khác đã biết đến.*

3. *Lời nói của bậc trí đã bị hoàn toàn quên hẳn, chúng nói đủ mọi thứ chuyện. Có miệng há rộng theo như chúng muốn, chúng bị (sự náo động) lôi kéo đi mà chẳng biết.*

4. *Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai ấp ủ điều ấy, sự thù hận của những người ấy không được lặng yên.*

5. *Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai không ấp ủ điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lặng yên.*

6. *Ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lặng yên bởi sự hận thù, và chúng được lặng yên bởi sự không thù hận; điều này là quy luật cổ xưa.*

7. *Và những người khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Và những người nào nhận thức được điều ấy, từ đó mà các sự tranh chấp được lặng yên.*

8. *Đối với những kẻ đang xâm chiếm lãnh thổ là những kẻ đã chặt đứt xương (thịt), đã đoạt mạng sống,*

đã cướp bóc ngựa, bò, tài sản, mà còn có sự hòa hợp đối với chúng, vì sao các người lại không thể có được?

9. *Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành, thì sau khi vượt qua mọi hiểm nạn, có thể đi với người ấy (một cách) hoan hỷ có niệm.*

10. *Nếu không thể có được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành, thì giống như vị vua từ bỏ quốc độ đã chinh phục, hãy nên sống một mình như là voi Mātanga (sống) ở trong rừng.*

11. *Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Một mình hãy sống và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātanga (sống) ở trong rừng.”*

12. Khi ấy, đức Thế Tôn chỉ đứng giữa hội chúng đã nói lên những lời kệ này rồi đi đến ngôi làng Bālakaloṇakāra.

13. Vào lúc bấy giờ, đại đức Bhagu đang trú tại ngôi làng Bālakaloṇakāra.

14. Đại đức Bhagu đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp đặt chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đã đi ra đón và tiếp rước y bát. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

15. Đại đức Bhagu đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đại đức Bhagu đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Bhagu điều này: -

“Này tỳ khuu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?” - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.”

16. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đại đức Bhagu bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến khu vườn cây Pācīnavamsa.

17. Vào lúc bấy giờ, đại đức Anuruddha, đại đức Nandiya, và đại đức Kimbila trú tại khu vườn cây Pācīnavamsa.

18. Người giữ vườn đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này ông Sa-môn, chớ có đi vào khu vườn cây này. Ở đây, có ba người con trai gia đình danh giá và có tính tự trọng trú ngụ. Chớ có gây phiền nhiễu đến họ.”

19. Đại đức Anuruddha đã nghe được người giữ vườn đang căn dặn đức Thế Tôn, sau khi nghe được đã nói với người giữ vườn điều này: - “Này đạo hữu giữ vườn, chớ ngăn cản đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư của chúng tôi là đức Thế Tôn đã đến.”

20. Sau đó, đại đức Anuruddha đã đi đến gặp đại đức Nandiya và đại đức Kimbila, sau khi đến đã nói với đại đức Nandiya và đại đức Kimbila điều này: - “Các đại đức hãy đi ra. Các đại đức hãy đi ra. Bậc Đạo Sư của chúng ta là đức Thế Tôn đã đến.”

21. Khi ấy, đại đức Anuruddha, đại đức Nandiya, và đại đức Kimbila đã đi ra đón đức Thế Tôn, một vị đã

nhận lấy y và bình bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp xếp chỗ ngồi, một vị đã mang lại nước rửa chân, ghế kê chân, và tắm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

22. Rồi các vị đại đức ấy đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đại đức Anuruddha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Này các vị Anuruddha, các người sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?”

- “Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.”

- “Này các vị Anuruddha, các người sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, có được trạng thái như sữa với nước, có nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến không?”

- “Bạch Thế Tôn, chắc chắn là vậy! Chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước, và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến.”

- “Này các vị Anuruddha, các người sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước, và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế nào?”

23. - “Bạch ngài, ở đây con khởi ý như vậy: ‘Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!’ Bạch ngài, đối với

các đại đức này sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, –nt– sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch ngài con đây đã khởi ý như vậy: ‘Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các đại đức này?’ Bạch ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các đại đức này. Bạch ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm.”

24. Rồi đại đức Nandiya –nt– Rồi đại đức Kimbila cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, ở đây con cũng khởi ý như vậy: ‘Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!’ Bạch ngài, đối với các đại đức này sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, –nt– sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch ngài con đây đã khởi ý như vậy: ‘Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các đại đức này?’ Bạch ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các đại đức này. Bạch ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm. Bạch ngài, chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước, và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế ấy.”

25. - “Này các vị Anuruddha, các người sống có ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm hay không?” - “Bạch ngài, chắc chắn là vậy! Chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.”

26. - “Này các vị Anuruddha, các người sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế nào?”

27. - “Bạch ngài, ở đây vị nào trong chúng con đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực đã được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn, thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa, và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem (nước) lại. Nếu vị ấy không làm nổi, thì mời vị thứ hai lại với sự ra hiệu bằng tay và (chúng con) đem (nước) lại với dấu hiệu bằng tay. Bạch ngài, nhưng không vì lý do đó mà chúng con nói ra lời. Bạch ngài, cứ mỗi năm ngày, chúng con ngồi lại cho việc thảo luận Giáo Pháp trọn đêm. Bạch ngài, chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế.”

28. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đại đức Anuruddha, đại đức Nandiya, và đại đức Kimbila bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi du hành về phía Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại nơi đó, ở Pārileyyaka đức Thế Tôn sống trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây Sāla xinh đẹp.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi:

“Trước đây, ta đã sống không thoải mái, bị quấy rầy bởi các tỳ khưu ở Kosambi ấy, là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không người thứ hai, thoát khỏi các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng.”

30. Cũng có con long tượng nọ sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé, và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: “Ta sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé, và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Hay là ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?”

32. Sau đó, con long tượng ấy đã tách khỏi bầy đi đến Pārileyyaka, chỗ khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây Sāla xinh đẹp, kề cận đức Thế Tôn, sau khi đến đã dùng vôi phục vụ đức Thế Tôn nước uống, nước rửa, và dọn dẹp cây cỏ.

33. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: “Trước đây ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những

con voi bé, và đã nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không kẻ thứ hai, thoát khỏi các con voi đực, các con voi cái, các con voi tơ, và các con voi bé.”

34. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng:

“Tâm của con Long tượng, là con voi có ngà dài, cùng với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng.”

35. Sau đó, khi đã ngự tại Pārileyyaka theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvattthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvattthi. Tại nơi đó ở thành Sāvattthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

36. Khi ấy, các cư sĩ ở Kosambi đã khởi ý điều này: “Các ngài tỳ khưu ở Kosambi này là những người đã làm nhiều điều không lợi ích cho chúng ta. Đức Thế Tôn bị quấy rầy bởi các vị này nên đã bỏ đi. Vậy thì chúng ta không nên đánh lễ các ngài tỳ khưu ở Kosambi nữa, không nên đứng dậy, không nên thực hiện việc chấp tay và hành động thích hợp, không nên trọng vọng, không nên cung kính, không nên sùng bái, không nên cúng dường, không nên bố thí đồ ăn khát thực cho các vị đi đến; như thế ấy các vị này trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi chúng ta, và khi đã không

còn được trọng vọng các vị hoặc là sẽ bỏ đi, hoặc là sẽ hoàn tục, hoặc là sẽ có niềm tin nơi đức Thế Tôn.”

37. Sau đó, các cư sĩ ở Kosambi đã không đánh lễ, không đứng dậy, không thực hiện việc chấp tay và hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường, không bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến.

38. Khi ấy, các tỳ khưu ở Kosambi trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi các cư sĩ ở Kosambi, và khi đã không còn được trọng vọng nữa đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vậy thì chúng ta nên đi Sāvattthi và giải quyết sự tranh tụng này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn.”

39. Sau đó, các tỳ khưu ở Kosambi đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến thành Sāvattthi.

40. Đại đức Sāriputta đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

41. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Này Sāriputta, như thế thì người hãy duy trì theo sự đúng Pháp.” - “Bạch ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?”

42. - “Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*;’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*;’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*;’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*;’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố vô tội là: ‘*Phạm tội*;’ tuyên bố phạm tội là: ‘*Vô tội*;’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘*Tội nặng*;’ tuyên bố tội nặng là: ‘*Tội nhẹ*;’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘*Tội không còn dư sót*;’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘*Tội còn dư sót*;’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*;’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*.’ Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

43. Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Phi Pháp*;’ tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*;’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Phi Luật*;’ tuyên bố Luật là: ‘*Luật*;’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều

đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố vô tội là: ‘*Vô tội*,’ tuyên bố phạm tội là: ‘*Phạm tội*,’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘*Tội nhẹ*,’ tuyên bố tội nặng là: ‘*Tội nặng*,’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘*Tội còn dư sót*,’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘*Tội không còn dư sót*,’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*,’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*.’ Nay Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.”

44. Rồi đại đức Mahāmoggallāna đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatti.” –nt– Rồi đại đức Mahākassapa đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Mahākaccāna đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Mahākoṭṭhita đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Mahākappina đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Mahācunda đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Anuruddha đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Revata đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Upāli đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Ānanda đã nghe rằng: –nt– Rồi đại đức Rāhula đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatti.”

45. Khi ấy, đại đức Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Rāhula đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự

xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Này Rāhula, như thế thì người hãy duy trì theo sự đúng Pháp.” - “Bạch ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?”

46. - “Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố vô tội là: ‘*Phạm tội*,’ tuyên bố phạm tội là: ‘*Vô tội*,’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘*Tội nặng*,’ tuyên bố tội nặng là: ‘*Tội nhẹ*,’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘*Tội không còn dư sót*,’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘*Tội còn dư sót*,’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*,’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*.’ Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

47. Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được

nói bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;’* tuyên bố vô tội là: *‘Vô tội;’* tuyên bố phạm tội là: *‘Phạm tội;’* tuyên bố tội nhẹ là: *‘Tội nhẹ;’* tuyên bố tội nặng là: *‘Tội nặng;’* tuyên bố tội còn dư sót là: *‘Tội còn dư sót;’* tuyên bố tội không còn dư sót là: *‘Tội không còn dư sót;’* tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa;’* tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa.’* Đây Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.”

48. Rồi bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nghe rằng: :
 “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

49. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, — nt— và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Đây Gotamī, như thế thì bà hãy nghe Pháp ở cả hai bên; sau khi nghe

Pháp ở cả hai bên, các tỳ khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, điều chấp nhận, điều ưa thích, và ý định của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng tỳ khưu ni cần trông đợi từ hội chúng tỳ khưu thì nên trông đợi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp mà thôi.”

50. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi.”

51. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, –nt– và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Này gia chủ, như thế thì người hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe Pháp cả hai bên; sau khi nghe Pháp cả hai bên, các tỳ khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều chấp nhận, điều ưa thích, và ý định của các vị ấy.”

52. Rồi bà Visākhā mẹ của Migāra đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi.”

53. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà

Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Này bà Visākhā, như thế thì người hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe Pháp cả hai bên; sau khi nghe Pháp cả hai bên, các tỳ khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều chấp nhận, điều ưa thích, và ý định của các vị ấy.”

54. Sau đó, theo tuần tự các tỳ khưu ở Kosambi đã đến được thành Sāvattthi.

55. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nghe nói các tỳ khưu ở Kosambi ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng ở hội chúng đã đến thành Sāvattthi. Bạch ngài, con nên tiến hành về chỗ trú ngụ cho các tỳ khưu ấy như thế nào?” - “Này Sāriputta, như thế thì nên cho chỗ trú ngụ được cách biệt.” - “Bạch ngài, nếu không được cách biệt thì nên thực hành như thế nào?” - “Này Sāriputta, như thế thì nên làm thành cách biệt rồi giao cho. Này Sāriputta, nhưng ta không nói rằng: ‘Có thể xâm phạm chỗ trú ngụ của vị tỳ khưu thâm niên hơn vì một lý do nào đó’ vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata*.” - “Bạch ngài, nên thực hành như thế nào về tài vật?” - “Này Sāriputta, tài vật nên được chia phần đồng đều cho tất cả.”

56. Sau đó, vị tỳ khưu bị án treo ấy trong khi suy xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: “Điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Ta bị phạm (tội), ta không phải là không phạm (tội). Ta bị án treo, ta không phải là không bị án treo. Ta đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì.”

57. Khi ấy, vị tỳ khưu bị án treo ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: - “Này các đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm (tội), tôi không phải là không phạm (tội). Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.”

58. Khi ấy, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đưa vị tỳ khưu bị án treo ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, vị tỳ khưu bị án treo này đã nói như vậy: ‘Này các đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm (tội), tôi không phải là không phạm (tội). Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.’ Bạch ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?” - “Này các tỳ khưu, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị tỳ khưu ấy bị phạm (tội), vị tỳ khưu ấy không phải là không phạm (tội). Vị tỳ khưu ấy bị án treo, vị tỳ khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị tỳ khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các tỳ khưu, bởi vì vị tỳ khưu ấy đã phạm (tội), đã bị án treo, và nhìn

nhận. Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy hãy phục hồi cho vị tỳ khưu ấy.”

59. Sau đó, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã phục hồi cho vị tỳ khưu bị án treo ấy rồi đã đi đến gặp các tỳ khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu ban án treo điều này: - “Này các đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị tỳ khưu này đây đã phạm (tội), đã bị án treo, đã nhìn nhận, và đã được phục hồi. Nay các đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.”

60. Sau đó, các tỳ khưu ban án treo ấy đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ban án treo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, các tỳ khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã nói như vậy: ‘Này các đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị tỳ khưu này đây đã phạm (tội), đã bị án treo, đã nhìn nhận, và đã được phục hồi. Nay các đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.’ Bạch ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?” - “Này các tỳ khưu, bởi vì vị tỳ khưu ấy đã phạm (tội), đã bị án treo, đã nhìn nhận, và đã được phục hồi. Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Và này các tỳ khưu, nên được tiến hành như vậy: Toàn bộ tất cả gồm các vị bị bệnh và không bị bệnh nên tụ hội lại một chỗ, và không một ai được phép gởi lời tùy thuận. Sau khi đã tụ

hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

61. ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị tỳ khưu này đây đã phạm (tội), đã bị án treo, đã nhìn nhận, và đã được phục hồi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị tỳ khưu này đây đã phạm (tội), đã bị án treo, đã nhìn nhận, và đã được phục hồi. Hội chúng tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đại đức nào đồng ý việc tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy đã được hội chúng thực hiện, sự bất đồng trong hội chúng đã được dàn xếp, sự chia rẽ hội chúng đã được dàn xếp. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Lập tức sau đó, lễ Uposatha nên được tiến hành. Giới bốn Pātimokkha nên được đọc tụng.”

62. Sau đó, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một

bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định nguyên nhân không đúng rồi tiến hành sự hợp nhất hội chúng; bạch ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?”

- “Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là sai Pháp.”

- “Bạch ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; bạch ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?”

- “Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp.”

63. - “Bạch ngài, sự hợp nhất hội chúng có bao nhiêu loại?” - “Này Upāli, sự hợp nhất hội chúng có hai loại. Này Upāli, có sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích chỉ đạt được từ ngữ và có loại vừa đạt được mục đích vừa đạt được từ ngữ.

64. Này Upāli, thế nào sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích chỉ đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích chỉ đạt được từ ngữ.

65. Này Upāli, thế nào sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích vừa đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích vừa đạt được từ ngữ. Này Upāli, đây là hai sự hợp nhất hội chúng.”

66. Sau đó, đại đức Upāli đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên cúi chào đức Thế Tôn, rồi trình lên đức Thế Tôn những lời kệ này:

67. *“Trong các phạm sự thuộc về hội chúng, trong các cuộc thảo luận, trong những việc điều tra về những vấn đề đã sanh khởi, ở đây người như thế nào là người đem*

lại nhiều lợi ích? Ở đây vị tỳ khưu như thế nào là xứng đáng việc chủ trì?”

68. *“Trước tiên về mặt giới hạnh, là vị không bị chê bai, có hành động đã được suy xét, có giác quan khéo được canh phòng. Về nguyên tắc thì những kẻ đối nghịch không thể bôi nhọ bởi vì điều gì mà họ có thể nói về vị ấy, thì vị này chẳng có điều ấy.*

69. *Vị như thế đứng vững trong sự thanh tịnh của giới, là người có niềm tự tín, nói năng có tính thuyết phục, vị đi vào hội chúng không run, không sợ hãi, không bỏ rơi ý nghĩa trong khi nói về đề tài liên quan.*

70. *Tương tự y như thế, khi được hỏi câu hỏi ở các hội chúng, vị ấy không ngần ngại, và cũng không mắc cỡ, trong khi nói lời giải thích xứng đáng, đúng lúc, con người khôn ngoan làm hài lòng hội chúng các bậc tri thức.*

71. *Vị ấy có sự tôn kính các tỳ khưu trưởng thượng, và có niềm tin đối với vị thầy của mình, có khả năng cân nhắc, rành rẽ về điều nên nói, là vị rành rẽ về yếu điểm của những kẻ đối nghịch.*

72. *Vì thế, những kẻ đối nghịch lâm vào thế yếu, và đám đông người tuân theo sự chỉ dạy. Trong khi nắm giữ sự suy luận của mình, vị ấy không bỏ quên niềm tin tưởng của mình, và không gây tổn hại trong khi trả lời câu hỏi.*

73. *Có khả năng trong các công việc đưa tin, có sự ghi nhớ tốt, đúng theo lời các vị đã nói với vị ấy về các phạm sự của hội chúng. Được phái đi bởi nhóm các tỳ*

khuru, trong khi thực hiện lời dặn dò, không vì điều ấy mà suy nghĩ rằng: ‘Ta làm công việc.’

74. Khi bị phạm tội về các sự việc đâu là thế nào chẳng nữa, theo đó có phương thức thoát khỏi tội. Vị ấy khéo được truyền thừa cả hai bộ Phân Tích ấy, là vị biết về đường lối thoát khỏi tội.

75. Trong khi phân xử các sự việc, vị ấy áp dụng sự mời ra, và người bị mời ra là đúng theo sự việc. Sự phục hồi là dành cho người đã trải qua việc ấy. Vị ấy cũng biết luôn cả điều ấy, là vị biết về Bộ Phân Tích.

76. Vị ấy có sự tôn kính các tỳ khuru trưởng thượng, các vị mới tu, các vị trưởng lão, và các vị trung niên. Người thực hiện việc lợi ích cho nhiều người ở đây là bậc sáng trí. Vị tỳ khuru như thế ấy xứng đáng việc chủ trì ở đây.”

Dứt chương Kosambi là thứ mười.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. *Bậc Chiến Thắng* cao quý ở tại Kosambi, sự tranh luận về việc không nhìn nhận tội, trong trường hợp nào (hội chúng) có thể phạt án treo thì trong trường hợp ấy (vị bị án treo) nên trình báo tội vì niềm tin (của các vị khác).

2. Bên trong ranh giới, ở chính tại nơi ấy, luôn cả (ngôi làng) Bālaka, từ vườn cây (Pācīna), khu rừng Pārileyyā, và thành Sāvatthi, vị Sāriputta và vị Kolita.

3. Vị Mahākassapa, vị Kaccāna, vị Koṭṭhita, và vị Kappina, vị Mahā-cunda, vị Anuruddha, và cả hai vị Revata và Upāli.

4. Vị Ānanda, và luôn cả vị Rāhula nữa, vị ni Gotamī, ông Anāthapiṇḍika, và bà Visākhā mẹ của Migāra, và chỗ trú ngụ được cách biệt, nên cho tài vật đồng đều.

5. Không vị nào được gởi trao sự tùy thuận, được vấn hỏi bởi vị Upāli, vị (tỳ khưu) không bị chê trách về tăng thượng giới, sự hợp nhất trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng.”

--ooOoo--

ĐẠI PHẨM ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

